

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Triết học Mác – Lênin (*Philosophy of Marxism and Leninism*)
- Mã học phần: POL105
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành: 00

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Huỳnh Văn Giàu
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0988092807
- Email: giauhv@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8.00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Về kiến thức: Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin
- Về kỹ năng: Xây dựng thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy

vật làm nền tảng cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác.

- Về thái độ: Sinh viên phải nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Trình bày (hoặc hiểu) được: những kiến thức cơ bản của triết học Mác – Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.
4.1.2	CLO2	Giải thích được: những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống thực tiễn xã hội hiện nay.
4.1.3	CLO3	Phân tích được: những vấn đề cơ bản của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử) biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Phân tích được: những vấn đề cơ bản của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử) biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.
4.1.4	CLO4	Vận dụng vào tìm hiểu đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong thời kỳ quá độ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, biết nhìn nhận và vận dụng hiệu quả phương pháp luận triết học trong cuộc sống.
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO5	Tư duy logic, kỹ năng tranh luận.
4.2.2	CLO6	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm...
4.2.2	CLO7	Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch...
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO8	Có lập trường, tư tưởng vững vàng.
4.3.2	CLO9	Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc...

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1		X		X				X	X	X
CLO2		X		X				X		

CLO3		X		X				X		
CLO4		X		X				X		
CLO5		X		X				X		
CLO6					X					
CLO7						X				
CLO8									X	
CLO9										X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Chương 1: Trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. *Chương 2:* Trình bày những nội dung cơ bản của CNDV BC, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của CNDVBC. *Chương 3:* Trình bày những nội dung cơ bản của CNDVLS, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	<i>Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội</i>
1.1.	Triết học và vấn đề cơ bản của triết học
1.2.	Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội
Chương 2	<i>Chủ nghĩa duy vật biện chứng</i>
2.1.	Vật chất và ý thức
2.2.	Phép biện chứng duy vật
2.3.	Lý luận nhận thức
Chương 3	<i>Chủ nghĩa duy vật lịch sử</i>
3.1.	Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội
3.2.	Giai cấp và dân tộc
3.3.	Nhà nước và cách mạng xã hội
3.4.	Ý thức xã hội
3.5.	Triết học về con người

6.2. Thực hành: Không có

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội	08	00	08
2	Chủ nghĩa duy vật biện chứng	20	00	20
3	Chủ nghĩa duy vật lịch sử	17	00	17
Tổng		45	00	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Vật chất và ý thức
2. Hai nguyên lý, ba quy luật, sáu cặp phạm trù cơ bản
3. Các hình thái kinh tế xã hội

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
1	X		X	X		X		X	X
2	X		X	X		X		X	X
3		X	X	X	X		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X		X	X
Phát vấn	X		X	X			X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X		X	X		X		X	X
Làm việc nhóm	X		X	X	X	X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X			X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*. Nxb: Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia. *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
- Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Thi (thuyết trình, trắc nghiệm)	40%

2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%
---	-------------------	-----------	-----

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X		X	X
Thuyết trình	X	X	X	X		X		X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X		X			
Dự lớp					X	X		X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DUONG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (*Political Economics of Marxism and Leninism*)
- Mã học phần: POL106
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lý thuyết: 30
 - Thực hành: 00

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Huỳnh Văn Giàu
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội và Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0988092807
- Email: giauhv@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện.

- Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

- Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ chủ nghĩa Mác – Lênin cho sinh viên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	<i>Hiểu và nắm được:</i> đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin và những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin (Hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế).
4.1.2	CLO2	<i>Giải thích được:</i> nguyên nhân ra đời, sự vận động và phát triển của kinh tế và chính trị về: hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế) trong giai đoạn hiện nay.
4.1.3	CLO3	<i>Phân tích được:</i> những vấn đề cơ bản của môn kinh tế chính trị Mác-Lênin biểu hiện ở lĩnh vực kinh tế và chính trị trong đời sống xã hội như: Hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế).
4.1.4	CLO4	<i>Thấy rõ được:</i> đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, có kiến thức căn bản để tự thân vận dụng phát triển kinh tế...
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO5	Tư duy logic, kỹ năng tranh luận.
4.2.2	CLO6	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và làm báo cáo, làm việc nhóm...
4.2.2	CLO7	Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch...
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO8	Có lập trường, tư tưởng vững vàng.
4.3.2	CLO9	Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc...

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1		X		X				X	X	X

CLO2		X		X				X		
CLO3		X		X				X		
CLO4		X		X				X		
CLO5		X		X				X		
CLO6					X					
CLO7						X				
CLO8									X	
CLO9										X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung chương trình gồm 6 chương. Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế trong quá trình phát triển của Việt Nam.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin
1.1.	Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin
1.2.	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin
1.3.	Chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong phát triển
Chương 2	Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường
2.1.	Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa
2.2.	Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường
Chương 3	Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường
3.1.	Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư
3.2.	Tích lũy tư bản
3.3.	Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường
Chương 4	Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường
4.1.	Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường
4.2.	Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường
Chương 5	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam

5.1.	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
5.2.	Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam
5.3.	Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam
Chương 6	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
6.1.	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
6.2.	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

6.2. Thực hành

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin	02	00	02
2	Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	08	00	08
3	Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	08	00	08
4	Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	04	00	04
5	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	04	00	04
6	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	04	00	04
Tổng		30	00	30

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Hàng hóa
2. Hàng hóa sức lao động qua các thời kỳ lịch sử
3. Kinh tế thị trường...

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
1	X							X	X
2	X		X	X		X		X	X

3		X	X	X	X		X	X	X
4			X	X		X	X		
5			X	X		X	X		
6			X	X		X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X		X	X
Phát vấn	X		X	X			X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X		X	X		X		X	X
Làm việc nhóm	X		X	X	X	X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X			X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Hội đồng trung ương, *Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
- Klaus Schwab, *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư* (Bộ ngoại giao dịch và hiệu ứng), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Thi (thuyết trình, trắc nghiệm)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X		X	X
Thuyết trình	X	X	X	X		X		X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X		X			
Dự lớp					X	X		X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG

T.S. **QUANG MỸ THẨM**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Mã học phần: POL107
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lý thuyết: 30
 - Thực hành: 00

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Dương Đức Hưng
- Chức danh, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0909241268
- Email: hungdd@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- *Về kiến thức:* Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- *Về kỹ năng:* hình thành khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu, biết phân tích, phân biệt được những vấn đề chính trị- xã hội trong đời sống hiện thực

- *Về thái độ:* Sinh viên có thái độ học tập tích cực, phải nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của môn học, từ đó nhận thức đúng hướng đi đúng đắn của nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức

4.1.1	CLO1	Trình bày và nắm được: những kiến thức cơ bản của môn học như nguồn gốc ra đời và phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề dân chủ và nhà nước XHCN; vấn đề cơ cấu và liên minh giai cấp; vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4.1.2	CLO2	Giải thích được: những nội dung cơ bản trong từng giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề dân chủ và nhà nước XHCN; vấn đề cơ cấu và liên minh giai cấp; vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4.1.3	CLO3	Phân tích được: những vấn đề cơ bản của sự ra đời và phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vấn đề dân chủ và nhà nước XHCN; vấn đề cơ cấu và liên minh giai cấp; vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4.1.4	CLO4	Vận dụng vào tìm hiểu đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong thời kỳ quá độ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO5	Tư duy logic, kỹ năng tranh luận.
4.2.2	CLO6	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm...
4.2.2	CLO7	Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch...
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO8	Có lập trường, tư tưởng vững vàng.
4.3.2	CLO9	Hình thành tinh kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, công việc...

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1		X		X				X	X	X
CLO2		X		X				X		
CLO3		X		X				X		
CLO4		X		X				X		

CLO5		X		X			X		
CLO6					X				
CLO7						X			
CLO8								X	
CLO9									X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, chương 2 giới thiệu về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chương 3 giới thiệu chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; chương 4,5,6,7 giới thiệu vấn đề dân chủ, nhà nước, giai cấp và dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.1.	Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.2.	Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.3.	Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học
Chương 2	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
2.1.	Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân
2.2.	Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay
2.3.	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam
Chương 3	Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
3.1.	Chủ nghĩa xã hội
3.2.	Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
3.3.	Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
Chương 4	Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa
4.1.	Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa
4.2.	Nhà nước xã hội chủ nghĩa
4.3.	Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
Chương 5	Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

5.1.	Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
5.2.	Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
5.3.	Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
Chương 6	Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
6.1.	Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
6.2.	Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
6.3.	Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam
Chương 7	Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
7.1.	Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình
7.2.	Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
7.3.	Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

6.2. Thực hành

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	04	00	04
2	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	04	00	04
3	Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	05	00	05
4	Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	05	00	05
5	Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	05	00	05
6	Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	05	00	05
7	Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	02	00	02
	Tổng	30	00	30

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2. Vấn đề dân chủ và nhà nước trong thời kỳ quá độ xã hội chủ nghĩa
3. Vấn đề tôn giáo, dân tộc và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
1	X							X	X
2	X		X	X		X		X	X
3		X	X	X	X		X	X	X
4			X	X		X	X		
5			X	X		X	X		
6			X	X		X	X	X	X
7			X	X		X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X		X	X
Phát vấn	X		X	X			X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Thuyết trình	X	X	X	X		X		X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X		X			
Dự lớp					X	X		X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Mã học phần: POL110
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lý thuyết: 21
 - Thực hành: 09

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Tạ Trần Trọng
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0917530533
- Email: trongtt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Ngô Quang Ty
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ - GVC
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- ĐT: 0903600203
- Email: quangty2011@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung tư tưởng Hồ Chí Minh về Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Cung cấp cho người học những kiến thức chung tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- Cung cấp cho người học những kiến thức chung tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế.
- Cung cấp cho người học những kiến thức chung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Trình bày vai trò nhiệm vụ của môn học
4.1.2	CLO2	Xây dựng phương pháp học tập, nghiên cứu
4.1.3	CLO3	Vận dụng phương pháp phân tích vào việc phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh
4.1.4	CLO4	Đánh giá các sự kiện và quan điểm của Hồ Chí Minh
4.1.5	CLO5	Vận dụng cải tiến phương pháp trong công tác tuyên truyền học tập tư tưởng Hồ Chí Minh
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	Tham gia tích cực vào việc làm của nhóm
4.2.2	CLO7	Xử lý tốt các vấn đề phát sinh trong công tác
4.2.3	CLO8	
4.2.4	CLO9	
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO10	Có ý thức học tập, tham gia vào công việc của lớp
4.3.2	CLO11	Có tinh thần giúp đỡ mọi người
4.3.3	CLO12	Có ý thức tu dưỡng rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				

CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm giúp người học có sự hiểu biết sâu sắc về cuộc đời, phẩm chất đạo đức, về tư tưởng và những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh cho cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh
1.1.	Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh
1.2.	Đối tượng nghiên cứu, học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh
1.3.	Phương pháp nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh
1.4.	Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên
Chương 2	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh
2.1.	Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
2.2.	Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh
2.3.	Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh
Chương 3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
3.1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc
3.2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với CNXH
3.3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và XD CNXH ở Việt Nam
3.4.	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giai đoạn CM hiện nay
Chương 4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng Sản và nhà nước của nhân

	dân, do nhân dân, vì nhân dân
4.1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng Sản Việt Nam
4.2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam
4.3.	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng đảng và xây dựng nhà nước
Chương 5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế
5.1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc
5.2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế
5.3.	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong giai đoạn hiện nay.
Chương 6	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người
6.1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa
6.2.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
6.3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập
	Người học: Chuẩn bị các câu hỏi giáo viên cho
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học: Chuẩn bị đề tài thuyết trình cùng nhóm - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc tại lớp: Thuyết trình tại lớp theo nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng hồ chí minh	5			5
2	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng hồ chí minh			5	5
3	Tư tưởng hồ chí minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	5			5
4	Tư tưởng hồ chí minh về đảng cộng sản và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	5			5

5	Tư tưởng hồ chí minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	5		5
6	Tư tưởng hồ chí minh về văn hóa, đạo đức, và xây dựng con người	5		5
Tổng		6		30 tiết

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Giảng viên thuyết trình

Cho đề tài để sinh viên thuyết trình

Thiết kế bài giảng thành câu hỏi trắc nghiệm cho sinh viên về nhà làm

- Thiết kế bài giảng thành câu hỏi tư luận để sinh viên chuẩn bị
- Đưa sinh viên đi học tại bảo tàng Hồ Chí Minh

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Nghe giảng viên thuyết trình
 Nhận đề tài thuyết trình theo nhóm
- Làm bài tập trắc nghiệm làm theo nhóm
- Trả lời câu hỏi tự luận theo nhóm
- Viết bài cảm nhận về Hồ Chí Minh qua buổi học tại bảo tàng (mỗi sinh viên viết 1 bài)
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).

- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn NXB CTQG HN-2018.

11.2. Tài liệu tham khảo

Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do HĐLLTW biên soạn NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Dự lớp, Thuyết trình, Kiểm tra tại lớp....)	40%
2	Kết thúc học phần	Thi (Hình thức Trắc nghiệm trên máy tính, Thời gian làm bài: 45'); hoặc làm tiểu luận	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Mã học phần: POL108
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Ngô Quang Ty
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ, GVC
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội – Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0903600203
- Email: quangty2011@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Tạ Trần Trọng
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ, GVC
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội – Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0917530533
- Email: TrongTT@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày (3- 2- 1930), là một tổ chức chính trị có quy luật hình thành, phát triển, vai trò lịch sử riêng trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về các sự kiện lịch sử Đảng, về Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Những thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

- Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhận thức đầy đủ, có hệ thống những tri thức về sự lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Trình bày vai trò nhiệm vụ của môn học
4.1.2	CLO2	Xây dựng phương pháp học tập, nghiên cứu
4.1.3	CLO3	Vận dụng phương pháp phân tích vào việc phân tích Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng
4.1.4	CLO4	Đánh giá các sự kiện
4.1.5	CLO5	Vận dụng cải tiến phương pháp trong công tác tuyên truyền đường lối của Đảng
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Tham gia tích cực vào việc làm của nhóm
4.2.2	CLO7	Xử lý tốt các vấn đề phát sinh trong công tác
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO8	Có ý thức trách nhiệm với công việc: lịch sự, ân cần, sẵn sàng phục vụ khách và giúp đỡ đồng nghiệp.
4.3.2	CL09	Hình thành lòng yêu nghề, lấy khách hàng là trung tâm.
4.3.3	CL10	Xây dựng đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

CDR	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07
CL01	X	X					
CL02	X						
CL03			X				
CL04				X			
CL05					X	X	X
CL06					X	X	X

CL07					X	X	X
CL08					X	X	X
CL09					X	X	X
CL10					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 3 chương nhằm cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là lịch sử đấu tranh cách mạng kiên cường và anh dũng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm xóa bỏ chế độ thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, xây dựng chế độ mới. Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	ĐCSVN ra đời và lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc
1.1.	ĐCSVN ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
1.2.	Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945)
Chương 2.	Đảng lãnh đạo cuộc hai cuộc kháng chiến, hoàn thành thống nhất đất nước (1945- 1975)
2.1.	Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945- 1954)
2.2.	Lãnh đạo xây dựng CNXH ở MB và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng MN, thống nhất đất nước (1954- 1975)
Chương 3.	Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018)
3.1.	Lãnh đạo xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975- 1986)
3.2.	Lãnh đạo công cuộc đổi, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986- 2018)

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học: Chuẩn bị các câu hỏi giáo viên cho
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học: Chuẩn bị đề tài thuyết trình cùng nhóm - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc tại lớp: Thuyết trình tại lớp theo nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	ĐCSVN ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945)	7	3	10
2	Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1930- 1945)	7	3	10
3	Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018)	7	3	10
Tổng		21	09	30

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Những điều kiện cần thiết dẫn đến việc thành lập ĐCSVN và quy luật ra đời của Đảng. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên.
2. Cơ sở hình thành, nội dung đường lối và vai trò lãnh đạo của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.
3. Nội dung đường lối đổi mới toàn diện của ĐH VI (12- 1986), và quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới 1986 - 2018.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CL01	CL02	CL03	CL04	CL05	CL06	CL07	CL08	CL09	CL10	CL11	CL12
1	x	x								x		
2	x									x		
3			x							x		

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp một số phương pháp sau:

Thuyết trình

- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm tắt nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10	PL11	PL12
Thuyết trình	x	x								x		
Phát vấn	x									x		
Hỏi lại hoặc vấn đáp			x							x		
Đọc và tóm tắt nội dung tài liệu				x						x		
Động não nhanh					x	x	x	x	x	x	x	x

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10	PL11	PL12
	x	x								x		
	x									x		
			x							x		
				x						x	x	
					x	x	x	x	x	x	x	x
					x	x	x	x	x	x	x	x
					x	x	x	x	x	x	x	x

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Tài liệu bắt buộc: Giáo trình lịch sử ĐCSVN. NXBCTQG HN-2018.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo: Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN.

12. Thang điểm đánh giá

Theo điểm tín chỉ

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Cuối kỳ	Thi (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian làm bài: 60')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10	PL11	PL12
Tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thuyết trình	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x
Trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dự lớp									x			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Pháp luật đại cương
- Mã học phần: LAW101
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Phạm Quốc Hưng
- Chức danh, học vị: Tiến sỹ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0903676178
- Email: hungpq@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về nguồn gốc ra đời nhà nước, luật pháp.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật, bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về Hệ thống pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, và trách nhiệm pháp lý.
- Trang bị kiến thức về nội dung cơ bản các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Xác định thành phần, các chức năng của một hệ thống luật pháp của VN
4.1.2	CLO2	Xây dựng mối quan hệ các ngành luật trong hệ thống pháp luật VN
4.1.3	CLO3	Hiểu rõ tính chất pháp lý, cấu trúc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

4.1.4	CLO4	Đánh giá hoạt động hệ thống pháp luật Việt Nam
4.1.5	CLO5	Phân tích, trình bày các tình huống pháp luật
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Tham gia làm việc nhóm hiệu quả
4.2.2	CLO7	Vận dụng tư duy phân biện phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận về các chủ đề học tập
4.2.3	CLO8	Giao tiếp bằng lời nói một cách rõ ràng, mạch lạc
4.2.4	CLO9	Xử lý các vấn đề tình huống phát sinh trong hoạt động pháp luật
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO10	Tích cực học tập và rèn luyện kỹ năng, học tập suốt đời
4.3.2	CLO11	Xây dựng ý thức chấp hành và tôn trọng pháp luật
4.3.3	CLO12	Hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học khái quát về nguồn gốc ra đời nhà nước và pháp luật; bản chất, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật; về bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý giúp người học hiểu rõ tính chất pháp lý, cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm Pháp luật. Giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của những ngành luật

chủ yếu ở nước ta hiện nay. Từ đó người học được tiếp cận nghiên cứu các ngành luật chủ yếu trong hệ thống Pháp luật Việt Nam để có thể tiếp cận các ngành luật khác phát sinh từ các ngành luật gốc. Đại cương về pháp luật quốc tế, gồm những kiến thức chung về công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế. Ngoài ra, chương trình học lồng ghép Pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Cập nhật, phổ biến những nội dung điều chỉnh, bổ sung của các bộ luật. Giảng viên có thể cung cấp cho sinh viên những kỹ năng xử lý tình huống và áp dụng các kiến thức đã học các vấn đề có thể xảy ra khi gặp phải trong thực tế (nơi học tập, chỗ ở, thực tập hay kiến tập, nơi làm thêm, cộng đồng xã hội...). Cung cấp và giới thiệu thêm về pháp luật thương mại, pháp luật cạnh tranh, pháp luật thuế, ngân hàng, ngân sách nhà nước, luật bản quyền. Giảng viên phân tích thêm các tác hại, nguyên nhân của hiện tượng tham nhũng để góp phần xây dựng ý thức chấp hành và tôn trọng pháp luật cũng góp phần vào việc phòng và chống tham nhũng.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung chi tiết
Chương 1	Những khái niệm chung về Nhà nước
1.1.	Khái niệm và đặc trưng của Nhà nước
1.2.	Chức năng Nhà nước
1.3.	Hình thức và bộ máy Nhà nước
1.4.	Bộ máy Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Chương 2	Những khái niệm chung về pháp luật
2.1.	Khái niệm, thuộc tính, hình thức, pháp luật
2.2.	Quy phạm pháp luật
2.3.	Quan hệ pháp luật
2.4.	Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý
Chương 3	Pháp luật Dân sự và Tổ tụng dân sự
A	Pháp luật dân sự
1.	Những quy định chung của pháp luật dân sự
2.	Những chế định cụ thể của pháp luật dân sự
B	Pháp luật Tổ tụng dân sự
1.	Những quy định chung của pháp luật tố tụng dân sự
2.	Các thủ tục tố tụng dân sự
Chương 4	Pháp luật Lao động
4.1.	Những vấn đề chung
4.2.	Những vấn đề cơ bản được điều chỉnh bởi pháp luật lao động

Chương 5	Pháp luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
A	Luật hình sự
1.	Khái niệm chung
2.	Một số tội phạm trong Bộ luật hình sự
B	Luật Tổ tụng hình sự
1.	Khái niệm luật Tổ tụng hình sự
2.	Nhiệm vụ của luật Tổ tụng hình sự
3.	Thủ tục giải quyết vụ án hình sự
Chương 6	Pháp luật Hành chính và Tổ tụng hành chính
A	Luật Hành chính Việt Nam
1.	Các vấn đề chung của luật hành chính
2.	Nội dung cơ bản của luật Hành chính
B	Pháp luật Tổ tụng Hành chính Việt Nam
1.	Các vấn đề chung về Luật Tổ tụng hành chính
2.	Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính
Chương 7	Pháp luật kinh doanh
A	Pháp luật doanh nghiệp
1.	Khái quát về pháp luật doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp
2.	Những vấn đề pháp lý cơ bản về các loại hình doanh nghiệp
Chương 8	Pháp luật Đất đai và môi trường
A	Pháp luật Đất đai
1.	Tổng quan về luật đất đai
2.	Những nội dung cơ bản của luật Đất đai
3.	Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất
B	Pháp luật Môi trường
1.	Tổng quan luật Môi trường
2.	Những nội dung cơ bản của luật Môi trường
Chương 9	Công pháp quốc tế
9.1.	Khái niệm về Công pháp quốc tế
9.2.	Một số lĩnh vực hợp tác chủ yếu của cộng đồng quốc tế
Chương X	Luật phòng, chống tham nhũng
10.1.	Khái niệm
10.2.	Phân loại hành vi tham nhũng
10.3.	Đối tượng tham nhũng
10.4.	Cơ quan phòng, chống tham nhũng

10.5.	Các hoạt động phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng
10.6.	Trách nhiệm pháp lý về phòng, chống tham nhũng

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hành các tình huống trong pháp luật
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Những khái niệm chung về Nhà nước	4	1		5
2	Những khái niệm chung về pháp luật	4	2		6
3	Pháp luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	3	1		4
4	Pháp luật Lao động	3	1		4
5	Pháp luật Hình sự và Tổ tụng hình sự	3	1		4
6	Pháp luật Hành chính và Tổ tụng hành chính	3	1		4
7	Pháp luật doanh nghiệp	3	1		4
8	Pháp luật Đất đai và môi trường	4	2		6
9	Công pháp quốc tế	2	1		3
10	Luật phòng, chống tham nhũng	5			5
Tổng		34	11		45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Nguồn gốc nhà nước, bộ máy nhà nước.
2. Nguồn gốc pháp luật, hệ thống pháp luật, trách nhiệm pháp lý và vi phạm pháp luật
3. Pháp luật dân sự, thừa kế, luật lao động, luật hình sự, luật hành chính, luật doanh nghiệp, luật đất đai - môi trường và công pháp quốc tế.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		X
2	X	X		X	X	X			X	X		X
3			X							X		X
4			X	X						X	X	X
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), pháp luật đại cương, NXB Đại học Sư phạm

11.2. Tài liệu tham khảo

- Đại học Luật Hà Nội (2006), giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật, NXB CAND
- Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội (2011), giáo trình Pháp luật đại cương, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
- Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội (2006), giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật Đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phan Trung Hiền (2011), Lý luận về nhà nước và pháp luật, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.
- Nguyễn Thị Thanh Thủy (2009), Giáo trình Pháp Luật Đại Cương, NXB Giáo Dục Việt Nam
- Nguyễn Hợp Toàn (2008), Giáo trình Pháp Luật Đại Cương, NXB Lao Động- Xã Hội.
- Văn bản pháp luật liên quan ở trang <http://www.thuvienphapluat.vn>

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Tháo luận (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Thi tự luận, Thời gian làm bài: 90' hoặc tiểu luận	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp						X			X	X		

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh Giao Tiếp 1
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 303
- Loại học phần: Bắt Buộc
- Học phần tiên quyết: Không có
- Số giờ tín chỉ: 45 tiết, trong đó:
 - Lý thuyết: 15 tiết trên lớp có giảng viên hướng dẫn
 - Thực hành: 30 tiết rèn kỹ năng trên lớp có giảng viên hướng dẫn

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Ngô Tấn Hiệp
- Chức danh, học vị: tổ trưởng chuyên môn ; Thạc Sĩ - giảng viên
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0904610481
- Email: hiiepNT@vuh.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Vũ Anh Duy
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0947 772 676
- Email: duynva@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về khả năng giao tiếp tiếng Anh trong các hội thoại hàng ngày và công việc.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khả năng Nghe, Nói, Đọc và viết tiếng Anh ở mức độ sơ cấp.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng giao tiếp tốt trong việc trao đổi thông tin cá nhân với các đồng nghiệp và đối tác, mô tả công việc và các đồ vật cá nhân, mô tả về nơi chốn, địa điểm và các hoạt động phổ biến hàng ngày, nói và mô tả về chủ đề ẩm thực, ăn uống và tiền tệ.

- Trang bị kiến thức về đạo đức nghề nghiệp, có năng lực quản lý hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, và phối hợp các thành viên trong nhóm hiệu quả.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả, và có khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng, thuyết phục, tinh tế trong một số hoàn cảnh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Nắm được các cấu trúc câu, từ vựng về việc trao đổi thông tin cá nhân và gia đình, mô tả đồ vật, nơi chốn, sở thích, thể thao, ẩm thực, và tiền tệ.
4.1.2	CLO2	Nắm được qui tắc sử dụng các thì phù hợp cho các tình huống mô tả, thói quen, mua sắm, sở thích, và các hoạt động - sự kiện xảy ra trong quá khứ.
4.1.3	CLO3	Nắm được một số quy tắc phát âm từ vựng thông dụng trong tiếng Anh, ví dụ như cách phát âm 's/es' cuối trong danh từ số nhiều, hoặc 'ed' được thêm vào động từ có quy tắc.
4.1.4	CLO4	Hiểu và áp dụng được một số quy tắc trong hoạt động giao tiếp và văn hoá ứng xử.
4.1.5	CLO5	Hiểu và áp dụng được được một số kiến thức chung về đời sống, văn hoá, ẩm thực, thể thao và du lịch.
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	Có kỹ năng ứng xử tốt trong các tình huống giao tiếp, chào hỏi và đời sống hàng ngày.
4.2.2	CLO7	Hình thành các kỹ năng thuyết trình, thảo luận và trình bày quan điểm cá nhân.
4.2.3	CLO8	Hình thành các kỹ năng phỏng vấn và thu thập thông tin.
4.2.4	CLO9	Có khả năng viết và mô tả về bản thân, gia đình, công việc, nơi chốn, sở thích, du lịch, thể thao và ẩm thực.
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO10	Có trách nhiệm tham gia các buổi học trên lớp đầy đủ, nghỉ phải có phép và có trách nhiệm ôn tập, và tự học những phần nội dung đã nghỉ.
4.3.2	CL011	Ý thức, tự chủ về việc tham gia các buổi học trên lớp cũng như sự

		tiến bộ của bản thân qua mỗi buổi học
4.3.3	CLO12	Ý thức trách nhiệm tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, hoạt động nhóm, và tự rèn luyện thêm ngoài giờ học.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 6 bài với 6 chủ đề khác nhau, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh, nhằm giúp người học có thể tự tin giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong một số chủ đề và tình huống hằng ngày. Người học được giới thiệu cơ bản về các mẫu câu và từ vựng thông dụng, cần thiết trong các hoạt động giao tiếp và trao đổi thông tin. Ngoài ra, học phần giới thiệu thêm các kiến thức về đời sống, văn hoá, ẩm thực, thể thao, và du lịch qua các bài đọc, hội thoại và các cuộc phỏng vấn thực tế.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Bài	Nội dung
Bài 1	Unit 1 People
1.1.	Grammar: be (am/is/are); possessive 's and possessive adjectives
1.2.	Vocabulary: personal information, family, wordbuilding(word roots), everyday verbs, word focus: in

1.3.	Listening: an explorer talking about a photographer, an interview with an explorer, people at a conference
1.4	Reading: an article about a family of explorers, an article about world population
1.5.	Speaking: asking questions about friends and family, facts about countries
1.6.	Writing: text type: a personal description, writing skill: and, but
Bài 2	Unit 2 Possessions
2.1.	Grammar: plural nouns, this, that, these, those, there is/are, prepositions of place
2.2.	Vocabulary: colours, everyday objects, furniture, countries and nationalities, wordbuilding:suffixes (1),word focus: one/ones, adjectives
2.3.	Listening: someone talking about a family's plastic possessions, an interview with Andy Torbet
2.4.	Reading: an article about four apartments in Seoul, and article about a global product
2.5.	Speaking: your objects and possessions, a room in your home, where things are from
2.6.	Writing: A description of a room in your home, text type: adverts, writing skill: describing objects with adjectives
Bài 3	Unit 3 Places
3.1.	Grammar: Present simple
3.2.	Vocabulary: telling the time, adjectives about cities, places of work, word focus: work, wordbuilding: collocations, cardinal and ordinal numbers, places in the city
3.3.	Listening: someone talking about a 24-hour restaurant in Norway, an interview with a student living in London, an interview with Beverley Goodman
3.4.	Reading: an article about no-car zones, an article about languages spoken around the world
3.5.	Speaking: your life, exchanging information about a photographer, favorite numbers and their relevance
3.6.	Writing: text type: a description of a place, writing skill: capital letters
Bài 4	Unit 4 Free time
4.1.	Grammar: like/love + Gerund, adverbs of frequency, expressions of frequency, can/can't
4.2.	Vocabulary: free-time activities, wordbuilding: verb + noun collocations, sports
4.3.	Listening: three people talking about their free-time activities, an interview with Norbert Rosing

4.4.	Reading: an article about identical twins, an article about a nature photographer, and article about extreme sports, and advert for volunteer work
4.5.	Speaking: likes and dislikes, daily life, your abilities
4.6.	Writing: text type: short emails, writing skills: reference words
Bài 5	Unit 5 Food
5.1.	Grammar: countable and uncountable nouns, a, some and any, a lot of and not much/ not many, how many/how much
5.2.	Vocabulary: food verbs, food, quantities and containers, word focus: of a menu, wordbuilding: British or American English
5.3.	Listening: someone talking about a noodle chef in Chinatown, people describing famous dishes from their countries, a conversation at a market
5.4.	Reading: an article about food markets around the world, an article about the Svalbard Global Seed Vault
5.5.	Speaking: famous dishes from different countries, planning a special meal, buying food at a market, summarising an article
5.6.	Writing: text type: instructions, writing skill: punctuation
Bài 6	Unit 6 Money
6.1.	Grammar: was/were, past simple (affirmative): regular and irregular verbs
6.2.	Vocabulary: Verb + money collocations, currency, age, -ed/ing adjectives, wordbuilding: compound nouns
6.3.	Listening: someone talking about a street musician, an interview with two people at a museum, people asking for money in different situations
6.4.	Reading: an article about currency, an article about treasure, and article about the history of money
6.5.	Speaking: someone's past life, important years in your life, a survey about money
6.6.	Writing: a description of someone's life, text type: thank you messages, writing skill: formal and informal expressions

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Bài tập thực hành trong sách tương ứng với các nội dung lý thuyết ở mục 6.2 và bài tập thực hành thêm theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học phải tích cực tham gia các hoạt động học của nhóm, hoàn tất phần yêu cầu phân công của nhóm trưởng theo đúng hạn.

- Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên Bài	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Bài 1: People	2.5	15	5	22.5
2	Bài 2: Possessions	2.5	15	5	22.5
3	Bài 3: Places	2.5	15	5	22.5
4	Bài 4: Free Time	2.5	15	5	22.5
5	Bài 5: Food	2.5	15	5	22.5
6	Bài 6: Money	2.5	15	5	22.5
Tổng: 6 bài		15	90	30	135

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
 - Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
 - Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
 - Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

John Hughes, Paul Dummett, & Helen Stephenson, Life A1-A2, Cengage Learning, 2016

11.2. Tài liệu tham khảo

- Website: www.cengageaisa.com/vietnamlife (Password: chào nhẹ lớp bạc trang bìa trong quyển sách để có password).

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Làm bài kiểm tra)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm tổng hợp, Thời gian làm bài: 45')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh Giao Tiếp 2
- Mã học phần: ENG202
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt Buộc
- Học phần tiên quyết: Tiếng Anh giao tiếp 1
- Số giờ tín chỉ: 45 tiết, trong đó:
 - Lý thuyết: 15 tiết trên lớp có giảng viên hướng dẫn
 - Thực hành: 30 tiết rèn kỹ năng trên lớp có giảng viên hướng dẫn

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Ngô Tấn Hiệp
- Chức danh, học vị: tổ trưởng chuyên môn; Thạc Sĩ - giảng viên
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0904610481
- Email: hiepNT@vuh.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Vũ Anh Duy
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại: 0947 772 676
- Email: duynva@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về khả năng giao tiếp tiếng Anh trong các hội thoại hàng ngày và công việc
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khả năng Nghe, Nói, Đọc và viết tiếng Anh ở mức độ sơ cấp.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng giao tiếp tốt trong việc trao đổi thông tin cá nhân với các đồng nghiệp và đối tác, mô tả công việc và các đồ vật cá nhân, mô tả về nơi trốn địa điểm và các hoạt động phổ biến hàng ngày, nói và mô tả về chủ đề du lịch; ngoại hình; phim ảnh; nghệ thuật; khoa học; trái đất và các hành tinh

- Trang bị kiến thức về đạo đức nghề nghiệp, có năng lực quản lý hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, và phối hợp các thành viên trong nhóm hiệu quả.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả, và có khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng, thuyết phục, tinh tế trong một số hoàn cảnh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Nắm được các cấu trúc mẫu câu, từ vựng về việc trao đổi thông tin cá nhân và gia đình, mô tả đồ vật, nơi trốn, sở thích, thể thao, ẩm thực, và tiền tệ.
4.1.2	CLO2	Sử dụng được qui tắc sử dụng các thì phù hợp cho các tình huống mô tả, thói quen, mua sắm, sở thích, và các hoạt động - sự kiện xảy ra trong quá khứ.
4.1.3	CLO3	Nắm được một số quy tắc phát âm từ vựng thông dụng trong tiếng Anh, ví dụ như cách phát âm 's/es' cuối trong danh từ số nhiều, hoặc 'ed' được thêm vào động từ có quy tắc.
4.1.4	CLO4	Hiểu và áp dụng được một số quy tắc trong hoạt động giao tiếp và văn hoá ứng xử.
4.1.5	CLO5	Hiểu và áp dụng được được một số kiến thức chung về đời sống, văn hoá, ẩm thực, thể thao và du lịch, khoa học phổ thông vào thực tế
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	Có kỹ năng ứng xử tốt trong các tình huống giao tiếp, chào hỏi và đời sống hằng ngày.
4.2.2	CLO7	Hình thành các kĩ năng thuyết trình, thảo luận và trình bày quan điểm cá nhân.
4.2.3	CLO8	Hình thành các kĩ năng phỏng vấn và thu thập thông tin.
4.2.4	CLO9	Có khả năng viết và mô tả về bản thân, gia đình, công việc, nơi trốn, sở thích, du lịch, thể thao và ẩm thực.
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO10	Có trách nhiệm tham gia các buổi học trên lớp đầy đủ, nghỉ phải có phép và có trách nhiệm ôn tập, và tự học những phần nội dung đã nghỉ.

4.3.2	CLO11	Ý thức, tự chủ về việc tham gia các buổi học trên lớp cũng như sự tiến bộ của bản thân qua mỗi buổi học
4.3.3	CLO12	Ý thức trách nhiệm tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, hoạt động nhóm, và tự rèn luyện thêm ngoài giờ học.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 6 bài với 6 chủ đề khác nhau, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh, nhằm giúp người học có thể tự tin giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong một số chủ đề và tình huống hàng ngày. Người học được giới thiệu cơ bản về các mẫu câu và từ vựng thông dụng, cần thiết trong các hoạt động giao tiếp và trao đổi thông tin. Ngoài ra, học phần giới thiệu thêm các kiến thức về đời sống, văn hoá, ẩm thực, thể thao, và du lịch qua các bài đọc, hội thoại và các cuộc phỏng vấn thực tế.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Bài	Nội dung
Bài 7	Unit 7 JOURNEYS
1.1.	Grammar: past simple; comparative adjectives; superlative adjectives

1.2.	Vocabulary: travel verbs; journey adjectives
1.3.	Listening: A description of the first Mayflower; part of a radio program called Journeys in history; a biologist' description of three animals' migration.
1.4	Reading: an article about a family of explorers, an article about world population
1.5.	Speaking: Students' favorite way of getting to school/work; a journey made in the past
1.6.	Writing: Three things students didn't do ten years ago, but they do now; write sentences with students' own opinions; write quiz questions with Superlative Adjectives
Bài 8	Unit 8 Appearance
2.1.	Grammar: have got/has got; Present Continuous
2.2.	Vocabulary: Face and appearance, clothes ; Parts of the body
2.3.	Listening: Dinagyang Festival; children in masks; Reinier Gerritsen's photos
2.4.	Reading: Global Fashion; tattoos, in fashion and for life; emoticons
2.5.	Speaking: An important day or festival in student's town or city; students describe what they/their partners/teacher are wearing that day. Students practice speaking about the popularity and people's opinions on tattoo wearers.
2.6.	Writing: Students write a short description of their own appearance. online texts
Bài 9	Unit 3 Film and Arts
3.1.	Grammar: Going to (for plans); infinitive of purpose; Present continuous for future reference
3.2.	Vocabulary: types of films; art and entertainment; nature
3.3.	Listening: Two friends' conversation at the All roads film festival; an interview with Adrian; Two friends talking about seeing a show at a Broadway theater
3.4.	Reading: All Roads Film project; Making films in the Wild. Nature in art.
3.5.	Speaking: students plan films they are going to see; discuss if they desire a filmmaker job; students tell each other about three of their future plans. Students speak about the arts they like most.
3.6.	Writing: reviews and comments; giving opinions with sense verbs.
Bài 10	Unit 10 Science
4.1.	Grammar: Present Perfect and Past simple.

4.2.	Vocabulary: Everyday technology Memory and Learning; science and invention; email addressed and websites
4.3.	Listening: Comparing a brain to a computer; a survey. A news report about Nelson Dellis; a telephone call from Omar.
4.4.	Reading: Technology has changed our lives. Each student reads a short paragraph and memorises important information; Why haven't scientists invented it yet?
4.5.	Speaking: Speaking: Students talk about which sciences they study at school; Ask each other 'Have you ever...?' and ask their partners which technology they have used. -Have you got a good memory? Students ask partners about something they have learned; Practice telephone conversations
4.6.	Writing: text type: Write a paragraph with a main argument and supporting sentences; write telephone messages using imperatives
Bài 11	Unit 11 TOURISM
5.1.	Grammar: should/shouldn't; have to/don't have to; can/can't; Indefinite pronouns
5.2.	Vocabulary: a quiz from a tourism magazine; In another country
5.3.	Listening: a holiday in Jordan; Jan talks about three places on the website. A holiday in South America
5.4.	Reading: information for tourists and visitors in Australia. -Should I go there?
5.5.	Speaking: preferred holidays; choose a country and prepare advice for tourists. Giving feedback on hotels, restaurants, etc
5.6.	Writing: Choose one situation given and complete the sentences with have to/don't have to; can/can't Write a paragraph with the title 'You should visit [name of destination]; write a feedback form
Bài 12	Unit 12 The Earth
6.1.	Grammar: was/were, past simple (affirmative); regular and irregular verbs
6.2.	Vocabulary: Measurements ; land and water; the Earth and other planets
6.3.	Listening: A documentary about Ira Block and two photos. A news interview about James Cameron and the Mariana Trench; a presentation by a university student

6.4.	Reading: an article about currency, an article about treasure, and article about the history of money
6.5.	Speaking: Is your country nearer to the Arctic Circle, Antarctic Circle or the Equator? climate in students' Country. Students tell partners the category (not the place) and their partners will guess the famous places they have visited on Earth; Do you think humans will live anywhere else apart from the Earth?; preparing a short presentation
6.6.	Writing: Students write sentences about their partner's future. Structuring an argument; students write about their opinion about finding a new Earth?

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học có trách nhiệm hoàn tất các bài tập được giao trong sách và bài tập thực hành thêm theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học phải tích cực tham gia các hoạt động học của nhóm, hoàn tất phần yêu cầu phân công của nhóm trường theo đúng hạn. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên Bài	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Bài 7: Journeys	2.5	15	5	22.5
2	Bài 8: Appearance	2.5	15	5	22.5
3	Bài 9: Film and the Arts	2.5	15	5	22.5
4	Bài 10: Science	2.5	15	5	22.5
5	Bài 11: Tourism	2.5	15	5	22.5
6	Bài 12: The Earth	2.5	15	5	22.5
Tổng: 6 bài		15	90	30	135

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Think about a journey student made in the past
2. Discuss the question : Do you like tattoos on other people? Why/Why not ?

3. What is your opinion about finding a new Earth?
4. Is life on the Earth and life on the other planets too different?

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Làm bài tập ONLINE khi sinh viên có CODE theo sách gốc
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

John Hughes, Paul Dummett, & Helen Stephenson, Life A1-A2, Cengage Learning, 2016

11.2. Tài liệu tham khảo

- Website: www.cengageaisa.com/vietnamlife (Password: cào nhẹ lớp bạc trang bìa trong quyển sách để có password).

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Làm bài kiểm tra)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm tổng hợp, Thời gian làm bài: 45')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Đại cương Công nghệ thông tin và truyền thông**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Đỗ Đình Trang
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa CNTT..... - Trường Đại học Văn Hiến.....
- Điện thoại: 0903373639
- Email: trangdd@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về thông tin và CNTT, vai trò của CNTT và truyền thông trong sự phát triển của xã hội, tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phần cứng máy tính, các loại phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, an toàn và bảo mật dữ liệu
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về xử lý văn bản, xử lý bảng biểu và trình chiếu
- Trang bị kiến thức về mạng, internet và các quy tắc về văn hóa và đạo đức trong CNTT trong quá trình sử dụng các sản phẩm công nghệ thông tin
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO 1.3	Giải quyết vấn đề dựa trên các kỹ năng định lượng và kiến thức về logic cơ bản, giải tích, thống kê
4.1.2	CLO 1.4	Phân tích các vấn đề trong thực tế dựa trên kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, phương pháp tính toán, kiến thức vật lý.
4.1.3	CLO 1.5	Trình bày được các kiến thức trải nghiệm ngành nghề, các kiến thức cơ bản và phương pháp học tập của chuyên ngành
4.1.4	CLO 2.1	Giải thích được và triển khai các hệ thống máy tính dựa trên kiến thức về máy tính điện tử, biểu diễn và tổ chức dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính. Phát hiện và sửa đổi , giải quyết được các lỗi trong quá trình vận hành.
4.1.5	CLO 2.3	Trình bày , giải quyết được các vấn đề công nghệ thông tin dựa trên kiến thức cơ bản về các chuyên ngành máy tính, về phần cứng, phần mềm, virus máy tính, mạng máy tính, phần mềm giả lập, Internet và các chương trình phần mềm tin học văn phòng.
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO 5.1	Tham gia làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả.
4.2.2	CLO 7.1	Sử dụng các ứng dụng CNTT thành thạo.
4.2.3	CLO 7.2	Xác định , so sánh các công nghệ mới, các xu thế phát triển trong quá trình học tập.
4.2.4	CLO 8.3	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành.
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO 9.1	Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.
4.3.2	CLO 9.4	Thể hiện tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn.
4.3.3	CLO 10.3	Có thói quen học tập suốt đời.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1.3	X									
CLO1.4	X									
CLO1.5	X									
CLO2.1		X								
CLO2.3		X								
CLO5.1					X					
CLO7.1							X			
CLO7.2							X			
CLO8.3								X		
CLO9.1									X	
CLO9.4									X	
CLO10.3										X

PLO1, PLO2,..., PLO7: là các chuẩn đầu ra của CTĐT, nội dung chi tiết ở file đính kèm.

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 09 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về CNTT, và truyền thông, nhằm giúp người học có những kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT trong học tập và làm việc.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Giới thiệu tổng quan Công nghệ thông tin và truyền thông
1.1.	Khái niệm về thông tin và CNTT
1.2.	Vai trò của CNTT và truyền thông trong sự phát triển của xã hội
1.3.	Tác động của CNTT và truyền thông đối với giáo dục.
Chương 2	Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng
2.1.	Khái niệm phần mềm
2.2.	Mối quan hệ giữa phần cứng và phần mềm

2.3.	Các loại phần mềm
2.4.	Cách sở hữu phần mềm
2.5.	Các bước phát triển phần mềm
Chương 3	An ninh mạng
3.1.	Các nguyên tắc nền tảng an ninh mạng
3.2.	Các nguy cơ đe dọa an ninh mạng
3.3.	Các mục tiêu an ninh mạng
3.4.	Các giải pháp kỹ thuật
Chương 4	Cơ sở dữ liệu
4.1.	Tổng quan cơ sở dữ liệu
4.2.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
4.3.	Phân tích dữ liệu
4.4.	Các mô hình dữ liệu
Chương 5	Giao tiếp, truyền thông số, khai thác và sử dụng thông tin trên internet
5.1.	Tổng quan về Internet và các dịch vụ cơ bản
5.2.	Giới thiệu các công cụ tìm kiếm
5.3.	Các kỹ thuật tìm kiếm đơn giản và nâng cao
5.4.	Đánh giá và chọn lọc thông tin trên Internet
5.5.	Tìm kiếm và chọn lọc thông tin trên Internet; giao tiếp và học tập trên Internet
Chương 6	Viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu ở dạng văn bản.
6.1.	Giới thiệu một số phần mềm soạn thảo văn bản
6.2.	Nguyên tắc soạn thảo một văn bản.
6.3.	Các kỹ thuật định dạng cơ bản
6.4.	Một số kỹ thuật soạn thảo nâng cao
6.5.	Kỹ năng đọc và viết một báo cáo khoa học
Chương 7	Xử lý số liệu với bảng tính điện tử
7.1.	Giới thiệu một số phần mềm bảng tính
7.2.	Sử dụng và khai thác các hàm có sẵn trong phần mềm bảng tính
7.3.	Một số hàm thông dụng và cách sử dụng
7.4.	Tạo đồ thị, biểu đồ trong bảng tính
7.5.	Các thao tác nâng cao đối với bảng tính: sắp xếp, trích lọc, thống kê...
7.6.	Phân tích số liệu thống kê bằng bảng tính điện tử
Chương 8.	Thiết kế và trình bày báo cáo ở dạng trình chiếu

8.1.	Giới thiệu
8.2.	Các bước để xây dựng một bài trình chiếu đa phương tiện
8.3.	Một số kỹ thuật nâng cao cho bài trình bày đa phương tiện
8.4.	Kỹ năng trình bày và báo cáo với phần mềm trình chiếu
Chương 9	Đạo đức và văn hóa trong ứng dụng CNTT
9.1.	Nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp CNTT (Triết lý về nghề nghiệp. Mô tả nghề nghiệp, chức danh nghề nghiệp, đặc trưng nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp)
9.2.	Những chính sách, chủ trương cơ bản của Nhà nước về CNTT.
9.3.	Luật CNTT, luật giao dịch điện tử, luật sở hữu trí tuệ...
9.4.	Giao tiếp và quan hệ đồng nghiệp trong môi trường làm việc.
9.5.	Kỹ năng trình bày bằng lời, bằng văn bản.

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện ít nhất 01 bài cá nhân theo yêu cầu giảng viên
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thực hiện 01 bài tập nhóm - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Giới thiệu tổng quan Công nghệ thông tin và truyền thông	05	0	0	05
2	Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng	05	0	0	05
3	An ninh mạng	05	0	0	05
4	Cơ sở dữ liệu	05	0	0	05
5	Giao tiếp, truyền thông số, khai thác và sử dụng thông tin trên internet	05	0	0	05

6	Viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu ở dạng văn bản.	05	0	0	05
7	Xử lý số liệu với bảng tính điện tử	05	0	0	05
8	Thiết kế và trình bày báo cáo ở dạng trình chiếu	05	0	0	05
9	Đạo đức và văn hóa trong ứng dụng CNTT	05	0	0	05
Tổng		45	0	0	45

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1.3	CLO1.4	CLO1.5	CLO2.1	CLO2.3	CLO5.1	CLO7.1	CLO7.2	CLO8.3	CLO9.1	CLO9.4	CLO10.3
1	X	X	X							X	X	X
2			X	X						X	X	X
3	X			X		X						
4	X				X	X	X	X				
5				X			X	X	X			
6	X			X	X							
7		X		X			X	X	X			
8		X					X	X	X			

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp

Đọc và tóm lược nội dung tài liệu

Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1.3	CLO1.4	CLO1.5	CLO2.1	CLO2.3	CLO5.1	CLO7.1	CLO7.2	CLO8.3	CLO9.1	CLO9.4	CLO10.3
Thuyết trình	X	X	X	X	X		X	X		X	X	

Phát vấn	X			X	X	X	X					X
Hỏi lại hoặc vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu				X	X			X	X	X	X	

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1.3	CLO1.4	CLO1.5	CLO2.1	CLO2.3	CLO5.1	CLO7.1	CLO7.2	CLO8.3	CLO9.1	CLO9.4	CLO10.3
Thuyết trình	X		X		X			X		X	X	X
Làm việc nhóm	X		X	X		X						
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Microsoft, *MOS Specialist 2016 (Word, Excel, PowerPoint)*, IIG.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Hữu Tiến, Trương Cẩm Hồng, *Các giải pháp kỹ thuật bảo mật máy tính và bảo vệ tính riêng tư*, NXB Thống kê, 2006
- Trịnh Minh Tuấn, *Giáo trình thiết kế cơ sở dữ liệu*, NXB Đại học Quốc Gia, 2007
- Luật Công nghệ thông tin, *Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam*, 2006
- Hồng Phúc, Linh Nga, *Hướng dẫn sử dụng internet - chat - mail - blog*, NXB Lao Động, 2008.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm trên máy tính, Thời gian làm bài: 60')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1.3	CLO1.4	CLO1.5	CLO2.1	CLO2.3	CLO5.1	CLO7.1	CLO7.2	CLO8.3	CLO9.1	CLO9.4	CLO10.3
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Môi trường và con người
- Mã học phần: NAS101
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Số giờ tín chỉ: 45 tiết, trong đó:
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Thực hành: 15 tiết

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Giang
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0944894528
- Email: giangntm@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên và con người; Mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; Các vấn đề môi trường toàn cầu; Chiến lược và các nguyên tắc phát triển bền vững; Thực trạng môi trường và tài nguyên Việt Nam; Các công cụ và Chiến lược quản lý môi trường của Việt Nam. Ngoài ra, môn học còn đề cập đến các Công ước, Luật, Nghị định, Thông tư về quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên của Việt Nam và trên thế giới.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về về dân số, môi trường và tài nguyên, những kỹ năng đạt được, còn giúp sinh viên nâng cao ý thức bảo vệ môi trường hướng đến phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách bền vững.

- Phát triển kỹ năng tính toán và phân tích một số chỉ tiêu về môi trường, tài nguyên, dân số; Kỹ năng phân tích, đánh giá ô nhiễm và đề xuất các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên.

[illegible]

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên và con người
4.1.2	CLO2	Phân tích được mối quan hệ giữa dân số - tài nguyên và môi trường
4.1.3	CLO3	Đánh giá được thực trạng môi trường Việt Nam, đưa ra được các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO4	Thực hành tính toán và phân tích một số chỉ tiêu về môi trường, tài nguyên và dân số
4.2.2	CLO5	Kỹ năng đọc hiểu tài liệu, tìm kiếm thông tin hiệu quả
4.2.3	CLO6	Tham gia làm việc nhóm hiệu quả
4.2.4	CLO7	Kỹ năng thuyết trình hiệu quả
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO8	Có ý thức bảo vệ môi trường
4.3.2	CLO9	Hình thành tình yêu thiên nhiên, chung sống hoà hợp với môi trường

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

[illegible]

	trường, quản lý môi trường				
2	Một số nguyên lý sinh thái áp dụng trong quản lý môi trường và tài nguyên	5		5	
3	Dân số, tài nguyên và môi trường	5		5	
4	Tài nguyên thiên nhiên	5		2	
5	Ô nhiễm môi trường	5			
6	Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững	5		3	
Tổng		30		15	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.
2. Mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường
- 3.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
1	X				X				
2	X			X	X	X	X		
3	X	X		X	X	X	X	X	X
4	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	X		X	X	X	X	X	X	X
6	X	X			X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Thuyết trình

Hỏi lại hoặc vấn đáp

- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X	X	X					X	X
Vấn đáp		X	X	X	X	X			
Giải quyết vấn đề		X	X	X					
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X				X		X		
Động não nhanh				X					

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình		X	X					X	X
Làm việc nhóm		X	X	X		X	X		
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Nguyễn Xuân Cự - Nguyễn Thị Phương Loan, (2011), Môi trường và con người, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Lâm Minh Triết – Huỳnh Thị Minh Hằng, Con người và môi trường, NXB GIÁO DỤC VIỆT NAM, 2012;
- World resources 2000-2001; 1998-99; 1996-97. Oxford University Press.
- Man and Environment. Ninth Volume: Biological Environment.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Thực hành và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Thi tự luận 90')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thực hành		X	X	X				X	X
Thuyết trình		X	X			X	X		
Thi tự luận	X	X	X	X	X			X	X
Dự lớp				X		X	X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

Về kỹ năng: -Nhận dạng và sàng lọc, lựa chọn được ý tưởng để khởi sự kinh doanh thành công. -Biết áp dụng kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết cho việc lập kế hoạch kinh doanh: tài chính, marketing, nhân sự, pháp lý và các vấn đề về thuế ngay khi khởi nghiệp.- Phân tích quy trình và xây dựng được bản kế hoạch kinh doanh khả thi từ ý tưởng muốn khởi sự doanh nghiệp.

Về thái độ: Hiểu rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật, đạo đức và văn hóa trong kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Xây dựng các quy trình
4.1.2	CLO2	Thực hiện các ứng dụng kỹ thuật nghiệp vụ kinh doanh
4.1.3	CLO3	Thiết kế các sản phẩm và dịch vụ
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO4	6.1. Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện
4.2.2	CLO5	7.1 Sử dụng CNTT trong quản lý kinh doanh
4.2.3	CLO6	7.3. Sử dụng CNTT lưu trữ và truy xuất dữ liệu về quản lý và kinh doanh
4.2.4	CLO7	8.3. Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ tác nghiệp trong quản lý và kinh doanh
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO8	Ggiúp sinh viên có thể làm giàu chân chính cho bản thân, gia đình và xã hội ngay từ khi còn trên giảng đường đại học.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X						
CLO2	X						
CLO3	X						
CLO4		X					
CLO5		X					
CLO6					X		
CLO7						X	

CLO8						X	
CLO9							X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học khởi nghiệp hệ thống tất cả các kiến thức mà sinh viên đã và sẽ học trong chuyên ngành; bổ sung các mảng kiến thức còn thiếu cần thiết khi tham gia vào thị trường lao động, thị trường kinh doanh. Môn học này đồng thời tạo cơ hội giúp các sinh viên đánh giá được khả năng kinh doanh của mình; có thể chọn một ý tưởng kinh doanh, biến ý tưởng của mình thành một bản kế hoạch hành động cụ thể mang tính thực tiễn cao có thể xúc tiến thành lập cơ sở kinh doanh. Yếu tố này giúp sinh viên có thể làm giàu chân chính cho bản thân, gia đình và xã hội ngay từ khi còn trên giảng đường đại học.

Ngoài ra, chương trình còn có các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ sau đào tạo như tư vấn, hỗ trợ tìm kiếm và tiếp cận các nguồn vốn, các nhà đầu tư... Đây là cơ hội để các bạn trẻ biến ước mơ, hoài bão của mình thành hiện thực.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Bài	Nội dung
Bài 1	Tổng quan tinh thần khởi nghiệp
1.1.	Nhà doanh nghiệp là ai
1.2.	Làm thế nào để có cơ hội kinh doanh
1.3.	Lợi ích của sở hữu một doanh nghiệp nhỏ
1.4.	Những đóng góp của các doanh nghiệp nhỏ
Bài 2	Tổng quan tinh thần khởi nghiệp (tt)
2.1.	Kinh doanh là gì và vì sao lại khởi sự kinh doanh
2.2.	Đặc tính cần có của những người khởi sự doanh nghiệp
2.3.	Những nguyên nhân thành công và thất bại của chủ doanh nghiệp
2.4.	Tự đánh giá mình với tư cách chủ doanh nghiệp
	- Tìm kiếm ý tưởng kinh doanh/ Xác định cơ hội kinh doanh và những yếu tố cần và đủ
	- Phân tích và lựa chọn ý tưởng kinh doanh theo phương pháp SWOT
	- Trình bày và kiểm nghiệm ý tưởng kinh doanh của bạn
	- Các mẫu biểu hướng dẫn
Bài 3	Cơ bản: Lập kế hoạch kinh doanh
3.1.	Quản trị chiến lược và Nhà doanh nghiệp
	- Xây dựng một lợi thế cạnh tranh

	- Quá trình quản lý chiến lược
3.2.	Nhượng quyền thương mại
	- Nhượng quyền là gì?
	- Các loại hình nhượng quyền
	- Lợi ích và nhược điểm khi mua một nhượng quyền thương mại
Bài 4	Cơ bản: Lập kế hoạch kinh doanh (tt)
	- Thực hiện Phân tích khả thi và phác thảo kế hoạch kinh doanh
	- Tiến hành phân tích khả thi
	- Căn bản về lập kế hoạch kinh doanh
	- Viết kế hoạch kinh doanh
	- Tập trình bày kế hoạch kinh doanh
Bài 5	Các vấn đề về tài chính
5.1	Tạo ra một kế hoạch tài chính
	- Báo cáo tài chính cơ bản
	- Phân tích các chỉ số tài chính
	- Phân tích khả năng kinh doanh
	- Phân tích điểm hòa vốn
5.2	Quản lý dòng tiền mặt
	- Quản lý tiền mặt
	- Tiền và lợi nhuận là không giống nhau
	- Chuẩn bị ngân sách bằng tiền mặt
	- 3 "vấn đề" của quản lý tiền mặt
Bài 6	Các vấn đề về tài chính (tiếp theo)
6.1	Nguồn vốn chủ sở hữu
	- Lập kế hoạch nhu cầu vốn
	- Nguồn vốn chủ sở hữu tài trợ
6.2	Nguồn vốn Nợ
	- Nguồn vốn nợ dài hạn
	- Nguồn vốn phi ngân hàng
	- Chương trình cho vay
Bài 7	Các vấn đề cơ bản về Marketing

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Bài	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

6. Phương pháp giảng dạy

Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).

Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.

Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.

Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

7. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm

- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

9.1. Tài liệu bắt buộc

- Norman M. Scarborough/Hitt, Effective Small Business Management: An Entrepreneurial Approach. Tenth Edition, Prentice Hall, 2012
- Tài liệu giáo trình biên soạn theo chương trình
- Slide bài giảng của giảng viên

9.2. Tài liệu tham khảo

- Andrew J. Dubrin (2011), Essentials of Management, 9 th Edition. South-Western
- Fundamentals of human resource management / Noe, R.A., Hollenbech, J.R., Gerhart, B. and Wright, P.: McGraw-Hill 2011
- Kotler & Keller, 2012, Marketing Management, 14 edition, Pearson Education Limited.England

Website tham khảo:

- <http://www.khoinghiiep.org.vn/>
- <http://www.tuvankhoinghiiep.com.vn/>
- <http://khoisudoanhnghiep.vn/>
- <http://www.doisongphapluat.com/kinh-doanh/khoi-nghiep/>
- <http://www.doanhnhân.net/khoi-nghiep-p167c12.html>
- <http://khoinghiiep.info/>
- <http://www.siyb.org.vn/>
- <http://cafeland.vn/doanh-nhan/khoi-nghiep/>
- <http://dddn.com.vn/khoi-nghiep.htm>
- <http://doanhnhanthanhdat.net/khoi-nghiep/>

10. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm trên máy tính, Thời gian làm bài: 45')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRẦN THỊ BÌNH (NG THẮC)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN
- Mã học phần: SOS101
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Đinh Nguyệt Bích
- Chức danh, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Kinh tế - Quản trị - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0777335550
- Email: bichdn@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho sinh viên nắm vững những nội dung khái quát quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Đông Nam Á thông qua việc trình bày sự phát triển kinh tế xã hội của các nước trong Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo; Nắm rõ về vị trí địa lý, nguồn tài nguyên thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, xã hội, dân cư, các giai đoạn lịch sử chính, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cơ bản, chính sách đối ngoại với các quốc gia trong khu vực và quốc tế...
- Gợi mở cho sinh viên những so sánh, đối chiếu giữa mô hình phát triển kinh tế - xã hội các nước Đông Nam Á với mô hình phát triển kinh tế - xã hội các nước Đông Bắc Á, một số nước trong khu vực và thế giới; Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và triển vọng quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước Đông Nam Á; Tổng quan về Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC).

- Tích hợp giảng dạy giúp người học phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm bao gồm: phát biểu, làm việc nhóm, thuyết trình.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Áp dụng kiến thức về các giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế - văn hóa - xã hội với các quốc gia ASEAN để nhận biết các vấn đề xã hội đương đại, đa văn hóa và tôn giáo.
4.1.2	CLO2	Áp dụng kiến thức tổng quát về kinh tế, chính trị - luật pháp, văn hóa - xã hội của các nước ASEAN để nhận biết các yếu tố tác động đến môi trường kinh doanh.
4.1.3	CLO3	Áp dụng kiến thức về tổ chức ASEAN và cộng đồng kinh tế ASEAN để đánh giá những tác động đối với Việt Nam.
4.1.4	CLO4	Thực hiện phân tích đặc điểm mô hình phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á, so sánh và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.
4.1.5	CLO5	Thực hiện phân tích số liệu kinh tế xã hội các nước và đánh giá kết quả để phục vụ cho các yêu cầu nghiên cứu của Doanh nghiệp
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Tham gia làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả.
4.2.2	CLO7	Trao đổi kiến thức và kinh nghiệm với các thành viên trong nhóm mang đến lợi ích cho cả hai phía
4.2.3	CLO8	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện
4.2.4	CLO9	Sử dụng CNTT trong soạn thảo văn bản, thống kê số liệu và thuyết trình
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO10	Giữ gìn và cam kết đạo đức nghề nghiệp.
4.3.2	CLO11	Đề ra mục tiêu cụ thể cho việc phát triển sự nghiệp
4.3.3	CLO12	Tích cực trau dồi nâng cao kiến thức, đổi mới bản thân

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PL08	PL09
CLO1	X								
CLO2	X								
CLO3	X								
CLO4		X							
CLO5		X							
CLO6					X				
CLO7						X			
CLO8						X			
CLO9							X		
CLO10								X	
CLO11									X
CLO12									X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho người học kiến thức: Tổng quan về Đông Nam Á; Lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của 10 nước thành viên ASEAN kể từ khi giành được độc lập dân tộc đến nay; Khái quát đặc điểm mô hình phát triển kinh tế các nước Đông Nam Á, Chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế của Việt Nam sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu; Tổng quan về ASEAN và cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC). Ngoài ra, học phần còn giới thiệu thêm những dẫn chứng thực tiễn hiện nay đang diễn ra cũng như cập nhật những số liệu về kinh tế xã hội mới nhất ở Việt Nam và các nước ASEAN.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về Đông Nam Á
1.1.	Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân số của các nước ASEAN
1.2.	Các chỉ số kinh tế - xã hội cơ bản của các nước ASEAN.
1.3.	Chế độ chính trị, văn hóa, tôn giáo.
Chương 2	Lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của nhóm nước CLMV từ sau khi giành được độc lập đến nay

2.1.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của Campuchia
2.2.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào
2.3.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của Myanmar
2.4.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam
Chương 3	Lược sử phát triển kinh tế - xã hội các nước ASEAN-6 từ sau khi giành được độc lập dân tộc đến nay
3.1.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của Indonesia
3.2.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của Malaysia
3.3.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của Singapore
3.4.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của Philippines
3.5.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của Brunei
3.6.	Sự phát triển kinh tế - xã hội của Thái Lan
Chương 4	Khái quát đặc điểm mô hình phát triển kinh tế- xã hội các nước ASEAN
4.1.	Tổng quan về mô hình phát triển kinh tế
4.2.	Mô hình phát triển kinh tế Đông Nam Á
4.3.	Chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu
Chương 5	Chuyển đổi mô hình kinh tế của Việt Nam sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu
5.1.	Những yếu tố trong nước dẫn đến yêu cầu thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam
5.2.	Mục đích yêu cầu thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam
5.3.	Nội dung và biện pháp thay đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam
Chương 6	Tổng quan về ASEAN và Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)
6.1.	Tổng quan về ASEAN
6.2.	Các hiệp định thương mại tự do (FTA) của ASEAN với các nước
6.3.	Vai trò của ASEAN trong chính sách đối ngoại của Việt Nam
6.4.	Cộng đồng ASEAN
6.5.	Tác động chủ yếu của những cam kết trong AEC đối với Việt Nam
6.6.	Một số cơ hội và thách thức từ những cam kết AEC đối với doanh nghiệp Việt Nam

6.2. Thực hành

	Nội dung
--	----------

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1								X		X	X	X
2	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
3		X						X		X	X	X
4			X					X		X	X	X
5								X		X	X	X
6								X		X	X	X
7								X		X	X	X
8								X		X	X	X
9						X	X	X	X	X	X	X
10						X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Phát vấn								X		X	X	X
Thuyết trình	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
Phát vấn		X						X		X	X	X
Động não nhanh			X					X		X	X	X

Phát vấn								X		X	X	X
Phát vấn								X		X	X	X
Phát vấn								X		X	X	X
Phát vấn								X		X	X	X
Thuyết trình						X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình						X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tự nghiên cứu								X		X	X	X
Làm việc nhóm	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
Tự học		X						X		X	X	X
Tự học			X					X		X	X	X
Tự nghiên cứu								X		X	X	X
Tự nghiên cứu								X		X	X	X
Làm việc nhóm								X		X	X	X
Làm việc nhóm								X		X	X	X

Dự lớp									X			
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Văn hiến Việt Nam
- Mã học phần: SOS102
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Phương pháp học đại học
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 40
 - Thực hành: 05

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thành Đạo
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0938395538
- Email: Daont@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đoàn Trọng Thiều
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông- Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918438058
- Email: Thiedt@vhu.edu.vn

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Lê Thị Ngọc Thúy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông- Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0983 764 767

- Email: Thuyln@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

- Học phần Văn hiến Việt Nam cung cấp một hệ thống kiến thức về những giá trị truyền thống của dân tộc như: đạo đức, lối sống, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật... của người Việt Nam. Từ những giá trị truyền thống tốt đẹp đó trước ngưỡng cửa của thời đại mới ngày nay như thế nào cho có hiệu quả, để tạo nên cho văn hóa Việt Nam có một đặc trưng riêng của mình.

- Thông qua học phần sinh viên có sự hiểu biết thêm về văn hóa Việt Nam và những cơ sở nền tảng của văn hóa, bản sắc của văn hóa Việt Nam nói chung.

- Giảng viên cung cấp cho sinh viên những kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, phân tích... Qua đó, sinh viên có thể phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Trình bày vai trò và nhiệm vụ của môn VHVN trong việc giáo dục giới trẻ về kiến thức văn hóa lịch sử Việt Nam, hiểu được những khái niệm về văn hóa văn vật, văn hiến, văn minh, di sản VH
4.1.2	CLO2	Xây dựng và vận dụng kiến thức qua việc nghiên cứu bản sắc văn hóa vùng miền Việt Nam
4.1.3	CLO3	Vận dụng kiến thức văn hóa, lịch sử, phong tục, lễ nghi, nghệ thuật giao tiếp... ứng dụng trong thực tế cuộc sống người Việt
4.1.4	CLO4	Đánh giá và lựa chọn các kiến thức Văn hóa phù hợp trong cuộc sống, công việc
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO5	Thực hành các tình huống phong tục văn hóa tín ngưỡng, nghệ thuật giao tiếp trong đời sống văn hóa người Việt
4.2.2	CLO6	Tham gia làm việc nhóm hiệu quả phân tích kiến thức cụ thể qua các bài học
4.2.2	CLO7	Xử lý các vấn đề, tình huống, áp dụng kiến thức văn hóa trong đời sống, công việc.
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO8	Có ý thức, trách nhiệm, ứng xử văn hóa tốt trong môi trường văn hóa xã hội

4.3.2	CLO9	Hình thành lòng yêu quê hương, đất nước, cá nhân đóng vai trò phát huy và làm giàu văn hóa dân tộc thông qua môn học VHVN
-------	------	---

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	X	X		X					X	X
CLO2	X	X	X	X	X	X				
CLO3	X	X	X	X	X	X				
CLO4	X	X	X	X	X	X	X			
CLO5				X	X	X		X		
CLO6					X	X	X	X		
CLO7					X	X	X	X		
CLO8									X	
CLO9										X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm 09 chương: cung cấp một hệ thống kiến thức về những giá trị truyền thống của dân tộc như: đạo đức, lối sống, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật... của người Việt Nam thông qua: các khái niệm, nền tảng VHVN; Những vấn đề về bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống; Tín ngưỡng; Những danh nhân VN... Từ những giá trị truyền thống tốt đẹp đó, sinh viên cần có thái độ hành vi như thế nào để góp phần giữ gìn, phát huy và tạo nên bản sắc đặc trưng trước ngưỡng cửa của thời đại mới ngày nay.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Một số vấn đề về khái niệm
1.1	Khái niệm Văn hóa
1.2	Khái niệm văn minh
1.3	Khái niệm Văn hiến
1.4	Một số khái niệm khác có liên quan
Chương 2	Khái quát nền tảng của Văn hiến Việt Nam

2.1	Bối cảnh không gian
2.2	Bối cảnh chủ thể
2.3	Bối cảnh thời gian
Chương 3	Những vấn đề về bản sắc văn hóa dân tộc
3.1	Vấn đề tổ quốc Việt Nam.
3.2	Vấn đề gia đình Việt Nam
3.3	Vấn đề thân phận
3.4	Vấn đề diện mạo
3.5	Những chuyển biến tương lai
Chương 4	Giá trị truyền thống của Văn hiến Việt Nam
4.1	Giá trị truyền thống qua con mắt người nước ngoài
4.2	Giá trị truyền thống qua con mắt người VN đến giữa TK XIX yền thống của Văn hiến Việt Nam
Chương 5	Cốt lõi của hệ giá trị truyền thống dưới cách nhìn hiện nay
5.1	Tính cộng đồng làng xã
5.2	Tính trọng âm
5.3	Tính hài hòa
5.4	Tính chu toàn và linh hoạt
Chương 6	Một số giá trị tổng hợp và liên quan
6.1	Lòng yêu nước và tinh thần dân tộc
6.2	Lòng nhân ái thương người
6.3	Tính cần cù
6.4	Một số hạn chế
Chương 7	Các vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng đương đại
7.1	Đời sống tôn giáo trong nước
7.2	Đời sống tín ngưỡng trong nước
7.3	Một số vấn đề về công tác quản lý tôn giáo và phát huy các giá trị văn hóa tôn giáo phục vụ đời sống xã hội
Chương 8	Những gương mặt tiêu biểu về anh hùng dân tộc trong lịch sử truyền thống văn hiến Việt Nam (Giới thiệu thân thế sự nghiệp của một số anh hùng dân tộc Việt Nam tiêu biểu qua các thời kỳ lịch sử)
Chương 9	Những gương mặt tiêu biểu tri thức Việt Nam trong lịch sử truyền thống

	- Nguyễn Trãi - Nguyễn Bình Khiêm - Lê Quý Đôn - Ngô Thời Nhậm - Cao Bá Quát - Nguyễn Gia Thiều - Nguyễn Khuyến - Nguyễn Đình Chiểu - CT Hồ Chí Minh
Thực tế	Bảo tàng lịch sử Tp.HCM; bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ

6.2. Thực hành

	Nội dung
5.2.1.	Thực tế
	Người học tham gia buổi học thực tế theo chủ đề giảng viên đưa ra
5.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Một số vấn đề về khái niệm	4	1	5
2	Khái quát nền tảng của Văn hiến Việt Nam	3	2	5
3	Những vấn đề về bản sắc văn hóa dân tộc	3	2	5
4	Giá trị truyền thống của Văn hiến Việt Nam	3	2	5
5	Cốt lõi của hệ giá trị truyền thống dưới cách nhìn hiện nay	3	2	5
6	Một số giá trị tổng hợp và liên quan	3	2	5
7	Các vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng đương đại	3	2	5
8	Những gương mặt tiêu biểu về anh hùng dân tộc trong lịch sử truyền thống Văn hiến Việt Nam	2	1	3

6		X	X	X	X	X	X		X
7		X	X	X	X	X	X		X
8	X								X
9	X								X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phát vấn	X		X	X	X		X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X	X	X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu		X	X	X				X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình		X	X	X	X	X	X		
Làm việc nhóm		X	X	X	X	X	X		
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X			X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động thực hiện giờ tự học theo chương trình tín chỉ.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên không được vắng mặt quá 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Soạn bài theo đề tài do giảng viên hướng dẫn
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
Tham gia làm tiểu luận kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Nguyễn Văn Thắng (chủ biên), Nguyễn Thành Đạo (2017), Giáo trình Văn hiến Việt Nam, Trường Đại học Văn hiến, Khoa giáo dục Đại cương (lưu hành nội bộ)
- Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục.
- Vũ Khiêu (1996), Bàn về Văn Hiến Việt Nam, NXB Khoa học xã hội.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Ngô Đức Thịnh (2004) Văn hóa vùng & Phân vùng văn hóa ở Việt Nam; NXB Trẻ.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Thi (Hình thức: Tự luận, Thời gian làm bài: 60') + Thực tế	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Tiểu luận	X	X	X	X		X		X	X
Thuyết trình		X	X	X	X	X	X		
Thực tế			X		X		X		
Tự luận	X	X	X	X		X			
Dự lớp					X	X		X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kỹ năng sử dụng tiếng Việt
- Mã học phần: VIE201
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trương Thị Thúy Hằng
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội – Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0902420589
- Email: Hangttt@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cập nhật cho sinh viên các quy định chuẩn về âm và chữ viết tiếng Việt;
- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức giản yếu về văn bản tiếng Việt và những đơn vị nằm trong văn bản, như: đoạn văn, câu, từ và phần chính tả.
- Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích, lĩnh hội văn bản (kể cả các đơn vị trong văn bản).
- Rèn luyện cho sinh viên phát hiện lỗi khi sử dụng tiếng Việt và cách khắc phục;
- Giúp sinh viên ứng dụng kỹ năng tạo lập văn bản để soạn thảo các loại văn bản trong nhà trường, các văn bản thông dụng trong cuộc sống, trong nghề nghiệp một cách nhuần nhuyễn.

- Rèn luyện thêm cho sinh viên khả năng tự tin, khả năng giao tiếp từ những kiến thức học trong nhà trường, kỹ năng sống, kỹ năng mềm.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Phân tích được cách lập luận trong một đoạn văn, văn bản bất kỳ. Có khả năng tổ chức chủ đề và cấu trúc văn bản trước và trong khi viết
4.1.2	CLO2	Khắc phục được những lỗi thông thường về chính tả, từ và câu nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên
4.1.3	CLO3	Soạn thảo và biên tập một văn bản hoàn chỉnh đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ truyền tải thông tin và thuyết phục người đọc
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO4	Tham gia làm việc nhóm hiệu quả
4.2.2	CLO5	Thành thạo các kỹ năng soạn thảo văn bản
4.2.3	CLO6	Thành thạo kỹ năng thuyết trình
4.2.4	CLO7	Thành thạo kỹ năng tìm kiếm tài liệu, soạn và gửi thư điện tử, thiết kế power point
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO8	Có ý thức trách nhiệm với công việc: lịch sự, ân cần, sẵn sàng phục vụ khách và giúp đỡ đồng nghiệp
4.3.2	CL09	Hình thành lòng yêu nghề, lấy khách hàng là trung tâm

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và
Chuẩn đầu ra học phần**

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO5	PLO6	PLO7	PLO9	PLO10
CLO1	X					
CLO2	X					
CLO3	X					
CLO4		X			X	X
CLO5		X	X		X	X
CLO6			X		X	X
CLO7				X	X	X
CLO8					X	X
CLO9					X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Kỹ năng sử dụng tiếng Việt* được Trường Đại học Văn Hiến đưa vào khối kiến thức đại cương thuộc chương trình đào tạo bậc đại học, cao đẳng nhằm hướng đến mục tiêu rèn luyện và phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học trong hoạt động soạn thảo văn bản và thuyết minh vấn đề. Học phần đảm bảo những nội dung chính sau:

- Cập nhật các quy định chuẩn về âm và chữ viết tiếng Việt;
- Hướng dẫn sinh viên phát hiện lỗi khi sử dụng tiếng Việt và cách khắc phục;
- Hướng dẫn quy trình và những nguyên tắc cơ bản khi tạo lập các loại văn bản thông thường.
- Hướng dẫn sinh viên thực hành soạn thảo văn bản theo đúng quy định về thể thức trình bày và phong cách ngôn ngữ.

Cấu trúc tập bài giảng gồm 10 chương phát huy tính thực hành ứng dụng, tập bài giảng xây dựng kết cấu theo đặc điểm thực tế về kỹ năng nói và soạn thảo văn bản của sinh viên.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Khái quát về tiếng Việt và môn kỹ năng sử dụng tiếng Việt
1.1.	Khái quát về tiếng Việt
1.2.	Môn Kỹ năng sử dụng tiếng Việt
1.3.	Các nội dung cơ bản của môn Kỹ năng sử dụng tiếng Việt

1.4.	Câu hỏi và bài tập thực hành
Chương 2.	Rèn luyện kỹ năng viết đúng chính tả trong văn bản
2.1.	Giản yếu về chính tả
2.2.	Quy tắc chính tả tiếng Việt
2.3.	Một số lỗi chính tả thường gặp
2.4.	Câu hỏi và bài tập thực hành
Chương 3.	Rèn luyện kỹ năng dùng từ trong văn bản
3.1.	Yêu cầu chung về dùng từ trong văn bản
3.2.	Các thao tác sử dụng từ trong văn bản
3.3.	Các loại lỗi dùng từ thường gặp
3.4.	Câu hỏi và bài tập thực hành
Chương 4.	Rèn luyện kỹ năng đặt câu trong văn bản
4.1.	Giản yếu về câu
4.2.	Các phép biến đổi câu trong văn bản
4.3.	Các loại lỗi thường gặp về câu
4.4.	Câu hỏi và bài tập thực hành
Chương 5.	Phân tích và xây dựng đoạn văn
5.1.	Giản yếu về đoạn văn
5.2.	Các loại đoạn văn xét về cấu tạo và chức năng
5.3.	Thực hành phân tích đoạn văn
5.4.	Thực hành xây dựng đoạn văn
5.5.	Các lỗi thường gặp về đoạn văn
5.6.	Câu hỏi và bài tập thực hành
Chương 6.	Các thao tác lập luận
6.1.	Giải thích
6.2.	Phân tích
6.3.	Chứng minh
6.4.	Bình luận
6.5.	So sánh
6.6.	Bác bỏ
Chương 7.	Thực hành phân tích và tạo lập văn bản
7.1.	Khái quát về văn bản tiếng Việt
7.2.	Phân tích văn bản
7.3.	Tạo lập văn bản thông dụng
7.4.	Các lỗi thường gặp khi viết văn bản
7.5.	Câu hỏi và bài tập thực hành
Chương 8.	Thực hành soạn thảo văn bản khoa học
8.1.	Tóm tắt một tài liệu khoa học
8.2.	Tổng thuật các tài liệu khoa học
8.3.	Quy ước trình bày khóa luận, tiểu luận khoa học
Chương 9.	Thực hành viết đơn, mẫu tin và một số dạng văn bản khác

9.1.	Viết đơn
9.2.	Viết các mẫu tin
9.3.	Một số dạng văn bản khác
9.4.	Ôn tập

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hành các bài tập chỉnh sửa lỗi sai từ, câu, chính tả. Thực hành tạo lập văn bản, biên tập một văn bản hoàn chỉnh.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên về quy trình thực hiện 01 nội dung thuyết trình về quy tắc chính tả/ 01 văn bản hành chính/ 01 văn bản báo chí/ 01 văn bản khoa học. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

6. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Khái quát tiếng Việt và môn Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	5	0	5
2	Rèn luyện kỹ năng viết đúng chính tả trong văn bản	2	3	5
3	Rèn luyện kỹ năng dùng từ trong văn bản	2	3	5
4	Rèn luyện kỹ năng đặt câu trong văn bản	2	3	5
5	Phân tích và xây dựng đoạn văn	2	3	5
6	Các thao tác lập luận	2	3	5
7	Thực hành phân tích và tạo lập văn bản	0	5	5
8	Thực hành soạn thảo văn bản khoa học	0	5	5
9	Thực hành viết đơn, mẫu tin và một số dạng văn bản khác	0	5	5
Tổng		15	30	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Tìm hiểu về các loại chữ viết của tiếng Việt xưa và nay.
2. Tìm hiểu về văn tự và việc lưu trữ các loại văn bản tiếng Việt.
3. Trắc nghiệm chọn cách viết đúng chính tả, viết hoa, viết tắt.

4. Mở rộng vốn từ vựng tiếng Việt.
5. Phát hiện và sửa lỗi dùng từ trong câu văn.
6. Phát hiện và sửa lỗi câu sai.
7. Thực hành viết đoạn văn đúng.
8. Các bước soạn thảo và gửi một lá thư điện tử?
9. Cách tạo lập đề cương nghiên cứu khoa học?
10. Thực hành viết tin, bài
11. Thực hành soạn trình chiếu báo cáo khoa học, báo cáo hành chính
12. Thực hành soạn thảo email.
13. Thực hành soạn thảo văn bản hành chính.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
1	X	X	X	X				X	X
2	X	X	X	X	X			X	X
3	X	X	X	X	X	X		X	X
4				X	X	X		X	X
5				X	X	X	X	X	X
6				X		X	X	X	X
7	X	X	X	X		X	X	X	X
8	X	X	X	X		X		X	X
9	X	X	X	X		X		X	X
10				X		X		X	X

7. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X		X	X
Phát vấn	X		X	X			X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X	X	X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	X				X	X

8. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X		X	X		X		X	X
Làm việc nhóm	X		X	X	X	X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X			X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
 - Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
 - Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
 - Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Thực hiện bài tiểu luận kết thúc học phần.

10. Tài liệu phục vụ cho học phần

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Ly Kha (2007), *Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội;
2. Trần Ngọc Thêm (2006), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Giáo dục, TP.HCM
3. Bùi Minh Toán - Lê A - Đỗ Việt Hùng (1998), *Tiếng Việt thực hành*, Giáo dục, Hà Nội;
4. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư.
5. Hướng dẫn soạn thảo văn bản khoa học của Trường Đại học Văn Hiến, <http://qlkh.vhu.edu.vn/vi/bieu-mau-625>
6. “Hướng dẫn cách viết tin bài cho trang báo điện tử, http://hoinhabaovietnam.vn/Huong-dan-cach-viet-tin-bai-cho-trang-bao-dien-tu_n15280.html

11. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm trên máy tính, Thời gian làm bài: 45')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình			X	X	X	X			
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp								X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG


TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Phương pháp học đại học**
- Mã học phần: **SKL101**
- Số tín chỉ: **03**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Số giờ tín chỉ: **45, trong đó:**
 - Lý thuyết: **45**
 - Thực hành: **0**

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn A Say**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
Địa điểm làm việc: **Khoa Xã hội – Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0789593962**
- Email: **Sayna@vhu.edu.vn**

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp những kiến thức giúp cho người học nhận biết được những thay đổi trong môi trường sống, môi trường học tập và chương trình đào tạo ở bậc cao đẳng hoặc đại học, giúp cho người học có những phương pháp thích ứng với những thay đổi đó.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp học tập ở bậc đại học – cao đẳng: Kỹ năng nghe giảng và ghi chép bài trong lớp, kỹ năng tìm và tham khảo tài liệu, kỹ năng thảo luận và thuyết trình; cách thiết lập mục tiêu học tập, quản lý thời gian khoa học và biết sử dụng bản đồ tư duy trong học tập một cách hiệu quả.

- Trang bị kiến thức về thuyết trình, gửi thư điện tử, soạn thảo power point, sơ đồ tư duy, thực hiện một dự án, chương trình, đề cương nghiên cứu khoa học.

- Cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của nghiên cứu khoa học, xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học, viết tiểu luận.
- Rèn luyện thêm cho sinh viên khả năng tự tin, khả năng giao tiếp từ những kiến thức học trong nhà trường, kỹ năng sống, kỹ năng mềm.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Giải thích được sự khác biệt trong môi trường sống, môi trường học tập, các phương pháp học tập và giảng dạy giữa cấp học Phổ thông và Đại học.
4.1.2	CLO2	Thực hiện tìm kiếm tài liệu tham khảo qua các ứng dụng công nghệ thông tin, soạn thảo và gửi thư điện tử, hoàn thành một video clip, file power point, bài thuyết trình, đề cương nghiên cứu khoa học.
4.1.3	CLO3	Thiết lập mục tiêu học tập và quản lý thời gian hiệu quả.
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO4	Tham gia làm việc nhóm hiệu quả
4.2.2	CLO5	Thành thạo các kỹ năng đọc sách, kỹ năng nghe, kỹ năng ghi chú
4.2.3	CLO6	Thành thạo kỹ năng thuyết trình
4.2.4	CLO7	Thành thạo kỹ năng tìm kiếm tài liệu, soạn và gửi thư điện tử, làm video clip, power point.
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO8	Có ý thức trách nhiệm với công việc: lịch sự, ân cần, sẵn sàng phục vụ khách và giúp đỡ đồng nghiệp.
4.3.2	CL09	Hình thành lòng yêu nghề, lấy khách hàng là trung tâm.

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO5	PLO6	PLO7	PLO9	PLO1
CLO1	X					
CLO2	X					

CLO3	X					
CLO4		X			X	X
CLO5		X	X		X	X
CLO6			X		X	X
CLO7				X	X	X
CLO8					X	X
CLO9					X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 10 chương, gồm: Những thay đổi và thách thức ở môi trường đại học; Các nội dung liên quan đến các kỹ năng tự học tập, tự nghiên cứu, tương tác, ứng dụng công nghệ thông tin, các phương pháp nâng cao, tìm hiểu và thực hành hoạt động nghiên cứu khoa học.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp học tập ở bậc Đại học-Cao đẳng: Kỹ năng nghe giảng và ghi chép bài trong lớp, kỹ năng tìm và tham khảo tài liệu, kỹ năng thảo luận và thuyết trình; cách thiết lập mục tiêu học tập, quản lý thời gian khoa học và biết sử dụng bản đồ tư duy trong học tập một cách hiệu quả;

Ngoài ra, học phần giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản của nghiên cứu khoa học, xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học, viết tiểu luận.

Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết trình, xử lý tình huống và kỹ năng làm việc nhóm.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Những thay đổi và thách thức ở môi trường đại học
1.1.	Phương pháp học tập
1.2.	Phương pháp giảng dạy
1.3.	Phương pháp kiểm tra đánh giá
1.4.	Thách thức, cơ hội và thích nghi ở môi trường Đại học
1.5.	Bí quyết thành công
Chương 2.	Các kỹ năng tự học tập, tự nghiên cứu
2.1.	Thiết lập mục tiêu học tập
2.2.	Xây dựng kế hoạch học tập

2.3.	Lựa chọn và tra cứu tài liệu để thực hiện mục tiêu
2.4.	Quản lý thời gian để thực hiện mục tiêu đã thiết lập
2.5.	Đánh giá quá trình tự học và nghiên cứu
Chương 3.	Những kỹ năng tương tác
3.1.	Kỹ năng làm việc theo nhóm
3.2.	Kỹ năng nói trước đám đông (kỹ năng thuyết trình)
3.3.	Bài tập thực hành
Chương 4.	Kỹ năng sử dụng CNTT để phục vụ học tập
4.1.	Kỹ năng khai thác thông tin trên mạng
4.2.	Kỹ năng sử dụng thư điện tử
4.3.	Kỹ năng thiết kế slide trong trình chiếu Powerpoint
4.4.	Bài tập thực hành
Chương 5.	Các phương pháp tiếp cận chung
5.1.	Phương pháp khảo sát
5.2.	Phương pháp phân tích
5.3.	Phương pháp tổng hợp
5.4.	Phương pháp chứng minh
5.5.	Phương pháp thực nghiệm
Chương 6.	Một số phương pháp nâng cao hiệu quả học tập
6.1.	Phương pháp sơ đồ tư duy
6.2.	Phương pháp dự án
6.3.	Giới thiệu một số phương pháp khác
6.4.	Thực hành một số phương pháp
Chương 7.	Đạo văn và vấn đề đạo đức của người làm khoa học
7.1.	Thực trạng đạo văn trong môi trường học thuật hiện nay
7.2.	Một số quy định về bản quyền (Công ước Berner, Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam)
7.3.	Cách thức trích dẫn để không vi phạm bản quyền
Chương 8.	Những vấn đề chung về NCKH
8.1.	Một số khái niệm cơ bản
8.2.	Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học
8.3.	Phân loại nghiên cứu khoa học
8.4.	Phương pháp tiếp cận khảo sát
8.5.	Phương pháp thu thập dữ liệu
Chương 9.	Quy trình thực hiện đề tài NCKH

9.1.	Xây dựng đề tài NCKH
9.2.	Xây dựng đề cương NCKH
Chương 10.	Thực hành xây dựng đề cương NCKH và hướng dẫn ôn tập
10.1.	Thực hành xây dựng đề cương NCKH
10.2.	Hướng dẫn ôn tập

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hành các thao tác soạn thảo email, powerpoint, video clip, đề cương nghiên cứu khoa học,
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên về quy trình thực hiện 01 nội dung thuyết trình/ 01 dự án/ 01 đề cương nghiên cứu khoa học - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Những thay đổi và thách thức ở môi trường đại học	4	0	4
2	Các kỹ năng tự học tập, tự nghiên cứu	2	2	4
3	Những kỹ năng tương tác	2	3	5
4	Kỹ năng sử dụng CNTT để phục vụ học tập	2	3	5
5	Các phương pháp tiếp cận chung	2	2	4
6	Một số phương pháp nâng cao hiệu quả học tập	2	2	4
7	Đạo đức và vấn đề đạo đức của người làm khoa học	2	2	4
8	Những vấn đề chung về NCKH	4	1	5
9	Quy trình thực hiện đề tài NCKH	4	1	5
10	Thực hành xây dựng đề cương NCKH và hướng dẫn ôn tập	1	4	5
Tổng		25	20	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Sự khác biệt giữa phương pháp học tập và phương pháp giảng dạy ở môi trường phổ thông và đại học?
2. Thực hành cách kỹ năng đọc sách, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng ghi chú.
3. Một số mâu thuẫn khi làm việc nhóm và cách khắc phục?
4. Làm thế nào để thuyết trình hiệu quả?
5. Các bước soạn thảo và gửi một lá thư điện tử?
6. Một số kỹ thuật tìm kiếm tài liệu nâng cao?
7. Đạo văn là gì và những lưu ý khi tham khảo tài liệu?
8. Cách thức tạo lập trang tài liệu tham khảo và chú nguồn tài liệu?
9. Quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học?
10. Cách tạo lập đề cương nghiên cứu khoa học?

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
1	X	X	X	X				X	X
2	X	X	X	X	X			X	X
3	X	X	X	X	X	X		X	X
4				X	X	X		X	X
5				X	X	X	X	X	X
6				X		X	X	X	X
7	X	X	X	X		X	X	X	X
8	X	X	X	X		X		X	X
9	X	X	X	X		X		X	X
10				X		X		X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

2. Carmine Gallo (2011), *Bí quyết thuyết trình của Steve Jobs*, NXB Tổng hợp TP.HCM
3. Vũ Cao Đàm (2012), *Giáo trình phương pháp luận NCKH*, NXB Giáo dục Việt Nam
4. Đỗ Linh-Lê Văn (Dương Ngọc Dũng hiệu đính) (2006), *Phương pháp học tập hiệu quả*, NXB Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Thành Long (chủ biên), Lý Thị Minh Châu – Nguyễn Khánh Trung (2014), *Phương pháp học đại học*, NXB Giáo dục
6. Tham khảo website: <http://www.kynang.edu.vn/ky-nang-mem>

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm trên máy tính, Thời gian làm bài: 45')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình			X	X	X	X			
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp								X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỜNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG


TS. DUONG MY THAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên học phần: Tâm lý học đại cương (General psychology)
2. Mã số học phần: PYS201
3. Phân bổ thời gian học tập: 3 (30/15/60) tín chỉ
4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng ☒ Đại học ☒
5. Đơn vị phụ trách học phần:
6. Loại hình học phần:
Đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Tốt nghiệp ☐
Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☐ Đồ án môn học ☐
Bắt buộc ☐ Tự chọn ☒
7. Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 1

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

- **GC6/-** Năng lực hiểu biết về KHXH, nghệ thuật, nhân văn, đa văn hóa và tôn giáo

Nội dung:

- Giúp sinh viên nhận ra tầm quan trọng của tâm lý, chức năng và một số phương pháp tâm lý để ứng dụng trong học tập, cuộc sống và công việc.
- Cung cấp một số hiểu biết về quá trình nhận thức, ý thức, ý chí, tình cảm và nhân cách để từ đó sinh viên hiểu về bản thân và người khác.

Biểu hiện

- Nhận biết, hiểu và lý giải được bản chất và các biểu hiện phong phú, đa dạng của các hiện tượng tâm lý người trong cuộc sống.
- Nhận diện, đánh giá tâm lý bản thân và người khác một cách khoa học.

- Áp dụng tri thức tâm lý học vào việc rèn luyện bản thân, vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý con người theo quan điểm khoa học để có thể vận dụng trong ứng xử, trong quá trình học tập, giải quyết công việc với người khác.

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

➤ GC7/-Năng lực và tố chất cá nhân chung

Nội dung: Thông qua môn học sinh viên rèn luyện một số kỹ năng mềm như làm việc nhóm, lập kế hoạch của cá nhân, tự học, chủ động, sáng tạo để ứng dụng trong hoạt động học tập, nghề nghiệp và công việc sau này

Biểu hiện:

- Sinh viên biết lựa chọn và sử dụng những hiểu biết về tâm lý của bản thân cũng như người khác để có thể thích ứng và hòa nhập với môi trường sống để học tập, làm việc.
- Đồng thời sinh viên cũng có thể sử dụng những hiểu biết về tâm lý để giao tiếp và chung sống tốt với những người xung quanh.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

Học phần tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, hệ thống về các hiện tượng tâm lý, những hiểu biết về quá trình nhận thức, cảm xúc, tình cảm và ý chí và hiểu được bản chất nhân cách của con người.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Giới thiệu một số test trắc nghiệm về giao tiếp, tính cách, khí chất...

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

	Nội dung chi tiết (theo chương/bài, mục chi tiết cấp 1)	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1.	Tâm lý học là một khoa học	GC6, GC7
1.1.	Khái niệm tâm lý và tâm lý học	
1.2.	Đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học	
1.3	Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý	

1.4	Phương pháp nghiên cứu của tâm lý học	
Chương 2.	Hoạt động - giao tiếp	GC6, GC7
2.1	Hoạt động	
2.2	Giao tiếp	
2.3	Vai trò của hoạt động và giao tiếp trong sự hình thành và phát triển tâm lý người	
Chương 3.	Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức	GC6, GC7
3.1	<i>Sự hình thành và phát triển tâm lý</i>	
3.2	<i>Sự hình thành và phát triển ý thức</i>	
Chương 4.	Hoạt động nhận thức	GC6, GC7
4.1	Nhận thức cảm tính	
4.2	Trí nhớ	
4.3	Chú ý	
4.4	Nhận thức lý tính	
Chương 5.	Đời sống tình cảm	GC6, GC7
5.1	Xúc cảm	
5.2	Tình cảm	
5.3	Vai trò của tình cảm trong đời sống của con người	
5.4	Mối quan hệ giữa tình cảm và nhận thức	
Chương 6.	Ý chí, Hành động ý chí	GC6, GC7
6.1	Ý chí	
6.2	Hành động ý chí	
6.3	Hành động tự động hóa	
Chương 7.	Nhân cách và sự hình thành nhân cách	GC6, GC7
7.1	Khái niệm nhân cách	
7.2	Đặc điểm cơ bản của nhân cách	
7.3	Cấu trúc của nhân cách	
7.4	Những thuộc tính điển hình	
7.5	Sự hình thành và phát triển nhân cách	

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

TT	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp (có giảng viên)	<30>
2	Rèn kỹ năng trên lớp (có giảng viên hướng dẫn)	<15>
3	Tự học ngoài lớp (theo nội dung được giảng viên yêu cầu và nộp kết quả cho giảng viên. Ví dụ: bài tập về nhà, báo cáo thu hoạch, bài thuyết trình ...)	<60>
4	Tự nghiên cứu và viết báo cáo (không có giảng viên)	<0>

2. Ti trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	- Đi học đúng giờ theo quy định	10%
2	Điểm thực hành/ thí nghiệm/ thực tập	- Trung bình các bài làm việc nhóm, bài tập trên lớp	10%
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- 1 bài	20%
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Tự luận 90 phút	60%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

TT	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1	Phạm Thị Hồng Thái	Thạc sỹ	Tâm lý học	0908.272840 thaiphth@vhu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Bích Thủy	Thạc sỹ	Tâm lý học	0985966072 thuyntb@vhu.edu.vn

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy (cơ hữu, thỉnh giảng):

- Về trình độ tối thiểu: Thạc sỹ
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Tâm lý học

- Các yêu cầu thêm về kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp: *sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.*

2. Đối với người học:

Các học phần tiên quyết:

Các học phần học trước:

3. Tài liệu học tập:

TT	Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
	Giáo trình chính	
1	Lê Thị Hân – Huỳnh Văn Sơn (2012), Giáo trình tâm lý học đại cương, Nxb Đại học Sư phạm.	
	Tài liệu tham khảo	
1	Trần Tuấn Lộ (2016), giáo trình Tâm lý học đại cương, Nxb. Đại học quốc gia thành phố HCM.	
2	Đinh Phương Duy (2007), Tâm lý học, Nxb Giáo dục.	
3	Trần Trọng Thủy (2002), Bài tập thực hành tâm lý học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Giao tiếp đa văn hóa
- Mã học phần: SOS205
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Phương pháp học đại học, Văn hiến Việt Nam
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Thị Ngọc Thúy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0983764767
- Email: thuyln@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thành Đạo
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội - Truyền thông- Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0938395538
- Email: daont@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những nền văn hóa xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc. Cách tiếp cận này kết hợp thể

mạnh của 2 lĩnh vực: giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication)- đặt nền tảng trên các lý thuyết về tâm lý học và các lĩnh vực liên quan - và kinh doanh quốc tế (international business).

- Giảng viên có thể cung cấp cho sinh viên những kỹ năng xử lý tình huống khi gặp phải trong thực tế trong môi trường làm việc đa văn hóa (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề...). Trải nghiệm bản thân trong cuộc sống (công tác xã hội, làm thêm...). Bên cạnh đó, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên phát triển kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa để làm hành trang bước vào cuộc sống làm việc năng động hiện đại sau khi tốt nghiệp ra trường

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Trình bày được vai trò và nhiệm vụ của giao tiếp đa văn hóa trong môi trường làm việc đa quốc gia.
4.1.2	CLO2	Xây dựng và vận dụng các quy trình làm việc trong môi trường đa quốc gia.
4.1.3	CLO3	Vận dụng các nguyên tắc giao tiếp, giao tiếp phi ngôn ngữ, nguyên tắc làm việc nhóm đa văn hóa, kiến thức phong tục, lễ nghi một số nước phương Tây, Đông,... trong môi trường làm việc đa văn hóa.
4.1.4	CLO4	Đánh giá và lựa chọn các biện pháp nâng cao kiến thức và kỹ năng làm việc tại môi trường đa văn hóa.
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO5	Thực hành các tình huống giao tiếp ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, từ vựng nước ngoài...
4.2.2	CLO6	Tham gia làm việc nhóm hiệu quả.
4.2.2	CLO7	Xử lý các vấn đề, tình huống trong làm việc môi trường đa văn hóa.
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO8	Có ý thức trách nhiệm với công việc: lịch sự, văn hóa, làm việc hết mình và hòa nhập giúp đỡ đồng nghiệp trong môi trường đa dạng.
4.3.2	CLO9	Hình thành lòng yêu nghề yêu môi trường làm việc đa quốc gia, lấy nơi làm việc và khách hàng là trung tâm.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	X	X		X					X	X
CLO2	X	X	X	X	X					
CLO3	X	X		X						
CLO4	X	X	X	X	X		X			
CLO5				X	X	X		X		
CLO6					X		X	X		
CLO7					X	X	X	X		
CLO8									X	
CLO9										X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học bao gồm 09 chương, trình bày các kiến thức: Giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, các cách thức vượt qua sự khác biệt văn hóa, văn hóa và giao tiếp, tác động của văn hóa lên tiến trình giao tiếp, tầm quan trọng của việc học hỏi văn hóa, sốc văn hóa, các giá trị văn hóa đối lập nhau, các giá trị văn hóa đối lập nhau, giao tiếp phi ngôn ngữ, tìm hiểu văn hóa Việt Nam, điều nên làm và không nên làm trong văn hóa Việt Nam dưới cái nhìn của người nước ngoài, tìm hiểu văn hóa Việt Nam trong kinh doanh, tìm hiểu văn hóa Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Pháp,...

Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như giải quyết vấn đề, xử lý tình huống và kỹ năng làm việc nhóm...

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Những vấn đề lý thuyết chung về văn hóa và giao tiếp đa văn hóa Giao tiếp văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa
1.1	Khái niệm Văn hóa, đa văn hóa, các đặc trưng và chức năng văn hóa
1.2	Khái niệm giao tiếp, các đặc trưng và chức năng giao tiếp
1.3	Tác động của văn hóa đến quá trình giao tiếp
1.4	Tầm quan trọng của việc học hỏi văn hóa
1.5	Giao tiếp văn hóa và rào cản
1.6	Sốc văn hóa và giải pháp

Chương 2	Giao tiếp phi ngôn ngữ
2.1	Khái niệm giao tiếp phi ngôn ngữ
2.2	Tầm quan trọng giao tiếp phi ngôn ngữ
2.3	Các nguyên tắc giao tiếp phi ngôn ngữ
2.4	Phân loại giao tiếp phi ngôn ngữ
Chương 3	Văn hóa giao tiếp của người Việt
3.1	Cơ sở văn hóa của sự hình thành đặc điểm giao tiếp của người Việt 3.1.1 Đặc trưng văn hóa Việt 3.1.2 Những ảnh hưởng của văn hóa Việt đối với giao tiếp của người Việt Nam
3.2	Đặc điểm giao tiếp của người Việt 3.2.1 Những đặc điểm cơ bản, phổ biến trong giao tiếp của người Việt Nam 3.2.2 Những ưu điểm và hạn chế trong giao tiếp của người Việt Nam
3.3	Tầm quan trọng văn hóa giao tiếp người Việt Nam trong môi trường làm việc đa văn hóa
Chương 4	Tìm hiểu khái quát về phong tục tập quán và văn hóa giao tiếp của một số nước phương Tây
4.1	Tìm hiểu văn hóa giao tiếp Hoa Kỳ
4.2	Tìm hiểu văn hóa giao tiếp Pháp
Chương 5	Tìm hiểu khái quát về phong tục tập quán và văn hóa giao tiếp của một số nước phương Đông
5.1	Tìm hiểu văn hóa giao tiếp Trung Quốc
5.2	Tìm hiểu văn hóa giao tiếp Nhật
5.3	Tìm hiểu văn hóa giao tiếp Hàn Quốc
5.4	Tìm hiểu văn hóa Ả rập- Hồi giáo
5.5	So sánh văn hóa Việt Nam với các nước phương Đông
Chương 6	Xây dựng nhóm làm việc đa văn hóa
6.1	Khái niệm nhóm, nhóm đa văn hóa
6.2	Lập kế hoạch làm việc nhóm đa văn hóa
6.3	Cách giải quyết mâu thuẫn làm việc nhóm đa văn hóa
Chương 7	Một số kỹ năng nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp đa văn hóa
7.1	Một số vấn đề lý luận về kỹ năng giao tiếp 7.1.1 Khái niệm kỹ năng và kỹ năng giao tiếp 7.1.2 Các kỹ năng giao tiếp cần rèn luyện

	- Kỹ năng lắng nghe tích cực - Kỹ năng diễn đạt - Kỹ năng đặt câu hỏi
7.2	Một số kiến thức, kỹ năng cần có khi giao tiếp đa văn hóa
7.2.1	Ngôn ngữ
7.2.2	Kiến thức hiểu biết về văn hóa, lịch sử, lễ nghi giao tiếp
7.2.3	Kiên nhẫn
7.2.4	Lắng nghe
7.2.5	Thân thiện và cởi mở trong quá trình giao tiếp
Chương 8	Sinh viên cần chuẩn bị gì để đạt hiệu quả giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hóa
8.1	Bản thân, gia đình, ngoài xã hội (trường học, công cộng...)
8.2	Trang bị kiến thức, kỹ năng cần có
8.3	Điều nên làm và không nên làm trong văn hóa Việt Nam dưới cái nhìn của người nước ngoài
8.4	Tổng kết: ôn tập, hướng dẫn thi kết thúc môn
Chương 9	Học Thực tế
9.1	Thực tế theo chủ đề giảng viên đưa ra
9.2	Bài thu hoạch, quay clip

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Thực tế
	Người học tham gia buổi học thực tế theo chủ đề giảng viên đưa ra
6.2.2	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Những vấn đề lý thuyết chung về văn hóa và giao tiếp đa văn hóa Giao tiếp văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa	3	2	5

2	Giao tiếp phi ngôn ngữ	3	2	5
3	Văn hóa giao tiếp của người Việt	3	2	5
4	Tìm hiểu khái quát về phong tục tập quán và văn hóa giao tiếp của một số nước phương Tây	3	2	5
5	Tìm hiểu khái quát về phong tục tập quán và văn hóa giao tiếp của một số nước phương Đông	3	2	5
6	Xây dựng nhóm làm việc đa văn hóa	3	2	5
7	Một số kỹ năng nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp đa văn hóa	3	2	5
8	Sinh viên cần chuẩn bị gì để đạt hiệu quả giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hóa	3	2	5
9	Thực tế	0	5	5
Tổng		24	21	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Tầm quan trọng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.
2. Kiến thức văn hóa, lễ nghi một số nước phương Tây, Đông
3. Một số kỹ năng nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp đa văn hóa
4. Sinh viên cần chuẩn bị gì để đạt hiệu quả giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hóa

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các Chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
1	X							X	X
2	X		X	X		X		X	X
3		X	X		X		X	X	X
4	X	X	X	X	X	X	X	X	
5	X	X	X	X	X	X	X	X	
6		X	X	X	X	X	X		
7			X	X	X	X	X		
8	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9			X		X		X		

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X		X	X
Phát vấn	X		X	X			X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X	X	X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	X				X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X		X	X
Làm việc nhóm	X		X	X	X	X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X			X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).

- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Chu Văn Đức (2005), Giáo trình *Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội

11.2. Tài liệu tham khảo

- Trần Thị Thu Hà (2006), Giáo trình giao tiếp trong kinh doanh du lịch, NXB Hà Nội

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Thi (Hình thức: Tự luận, Thời gian làm bài: 30') + Thực tế	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + (Tiểu luận + Thuyết trình)	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Tiểu luận	X	X	X	X		X		X	X
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X		X	X
Thực tế			X		X		X		
Tự luận	X	X	X	X		X			
Dự lớp					X	X		X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỜNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DUONG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên học phần: Điều tra xã hội học (Sociological Investigation)
2. Mã số học phần: PUR308
3. Phân bố thời gian học tập: 03 (2/1/4) tín chỉ
4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng ☒ Đại học ☒
5. Đơn vị phụ trách học phần:
6. Loại hình học phần:
Đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Tốt nghiệp ☐
Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☐ Đồ án môn học ☐
Bắt buộc ☒ Tự chọn ☐
7. Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

CI2: Năng lực sử dụng tin học

Nội dung: Được trang bị các kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm tin học SPSS trong việc xử lý thông tin từ dữ liệu định lượng.

Biểu hiện:

- Hiểu được các kiến thức về thống kê;
- Hiểu được kiến thức về dữ liệu định lượng;
- Hiểu được các chức năng cơ bản của phần mềm SPSS;
- Sử dụng được phần mềm SPSS trong việc xử lý dữ liệu định lượng;
- Đọc và trình bày được các kết quả xử lý từ phần mềm SPSS.

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

CT3: Năng lực sử dụng các phương pháp nghiên cứu Xã hội học để giải quyết vấn đề xã hội

Nội dung: Được trang bị các kiến thức về Phương pháp nghiên cứu Xã hội học định lượng trong việc sử dụng phần mềm SPSS.

Biểu hiện:

- Hiểu được bản chất của một nghiên cứu Xã hội học định lượng;
- Hiểu được cách trình bày bản hỏi định lượng;
- Áp dụng phân tích các kết quả thống kê từ phần mềm SPSS vào nghiên cứu Xã hội học định lượng;
- Sử dụng làm căn cứ cho các vấn đề mang tính thực nghiệm xã hội.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

SPSS (viết tắt của *Statistical Package for the Social Sciences*) là một chương trình máy tính phục vụ công tác thống kê. SPSS được sử dụng rộng rãi trong công tác thống kê xã hội. Các ngành Khoa học Xã hội và các ngành Khoa học tự nhiên đều có thể sử dụng chương trình này vào việc ứng dụng và giảng dạy, trong đó có Xã hội học.

Việc sử dụng SPSS trong xã hội học nhằm giúp người học phân tích và xử lý các dữ liệu sau khi thu thập từ các nguồn khác nhau. Các dữ liệu này sau khi được xử lý có thể trình bày theo nhiều dạng (bảng biểu, đồ thị...).

Môn học này còn trang bị các kiến thức về việc mã hóa dữ liệu, kiểm định giả thuyết bằng nhiều thuật toán khác nhau.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Học phần này còn giới thiệu thêm về phương pháp nghiên cứu Xã hội học định lượng. Cụ thể như cách xây dựng một nghiên cứu Xã hội học định lượng; cách thiết kế bản hỏi, chỉ báo và thang đo trong nghiên cứu định lượng. Cách đọc và trình bày kết quả từ việc xử lý dữ liệu định lượng.

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

Chương	Nội dung chi tiết (theo chương/bài, mục chi tiết cấp 1)	Mã số năng lực tương ứng
--------	--	-----------------------------

Chương 1.	Phân loại dữ liệu, mã hóa và nhập liệu	CI2, CT3
1.1	Giới thiệu chung về SPSS và làm việc với SPSS	CI2
1.2	Phân loại dữ liệu	CI2, CT3
1.3	Nguyên tắc tạo khuôn nhập liệu	CI2
1.4	Thao tác tạo khuôn nhập liệu	CI2
1.5	Thay đổi một số thuộc tính của chương trình	CI2
Chương 2.	Tóm tắt và trình bày dữ liệu (thống kê mô tả)	CI2, CT3
2.1	Công cụ trình bày dữ liệu	CI2
2.1.1	<i>Bảng tần số</i>	CI2, CT3
2.1.2	<i>Các đại lượng thống kê mô tả</i>	CI2, CT3
2.1.3	<i>Lập bảng tổng hợp nhiều biến (bảng chéo)</i>	CI2, CT3
2.1.4	<i>Tạo biểu đồ và đồ thị (trong SPSS và trong Excel)</i>	CI2, CT3
2.2	Tạo biến mới từ biến có sẵn	CI2
2.2.1	<i>Sử dụng thuật toán (Compute) để tạo biến mới</i>	CI2
2.2.2	<i>Tạo biến mới bằng phương pháp mã hóa biến cũ (Recode)</i>	CI2
2.3	Xử lý câu hỏi nhiều ý (Multiple Answer)	CI2
2.4	Lưu kết quả xử lý (Save Output)	CI2
Chương 3.	Làm sạch dữ liệu	CI2
3.1	Lý do làm sạch dữ liệu	CI2
3.2	Biện pháp ngăn ngừa	CI2
3.3	Các phương pháp làm sạch dữ liệu	CI2
Chương 4.	Phân tích dữ liệu thống kê (thống kê suy diễn)	CI2, CT3
4.1.	Kiểm định Chi-Square	CI2, CT3
4.1.1	<i>Mục đích và vận dụng</i>	CI2, CT3
4.1.2	<i>Đối tượng kiểm định</i>	CI2, CT3

4.1.3	Thao tác kiểm định	CI2, CT3
4.1.4	Bình luận kết quả kiểm định	CI2, CT3
4.2	Kiểm định trung bình (T-Test)	CI2, CT3
4.2.1	Mục đích và vận dụng	CI2, CT3
4.2.2	Đối tượng kiểm định	CI2, CT3
4.2.3	Thao tác kiểm định	CI2, CT3
4.2.4	Bình luận kết quả kiểm định	CI2, CT3
4.3	Phân tích phương sai ANOVA	CI2, CT3
4.3.1	Mục đích và vận dụng	
4.3.2	Đối tượng kiểm định	CI2, CT3
4.3.4	Thao tác kiểm định	CI2, CT3
4.3.4	Bình luận kết quả kiểm định	CI2, CT3

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

Buổi học	Nội dung Chi tiết	Loại hình
Buổi 1	Chương 1: Phân loại dữ liệu, mã hóa và nhập liệu. - Khái niệm mô hình nghiên cứu. - Thang đo lường và thiết kế bảng câu hỏi.	Lý thuyết
Buổi 2	Chương 1: Phân loại dữ liệu, mã hóa và nhập liệu. - Chọn mẫu trong nghiên cứu. - Các phương pháp thu thập dữ liệu. Chương 2. Tóm tắt và trình bày dữ liệu (thống kê mô tả). - Các phương pháp xử lý dữ liệu.	Lý thuyết
Buổi 3	Chương 3. Làm sạch dữ liệu. Chương 4. Phân tích dữ liệu thống kê (thống kê suy diễn). - Khái niệm giả thuyết nghiên cứu. - Kiểm định giả thuyết nghiên cứu.	Lý thuyết
Buổi 4	Chương 4. Phân tích dữ liệu thống kê (thống kê suy diễn).	Lý thuyết

	4.1. Kiểm định Chi-Square - Kiểm định về mối liên hệ giữa hai biến định tính	
Buổi 5	Chương 4. Phân tích dữ liệu thống kê (thống kê suy diễn). 4.2. Kiểm định trung bình (T-Test). - Kiểm định về trị trung bình tổng thể.	Lý thuyết
Buổi 6	Chương 4. Phân tích dữ liệu thống kê (thống kê suy diễn). - Phân tích phương sai ANOVA. - Phân tích và diễn giải dữ liệu.	Lý thuyết
Buổi 7	Chương 1: Phân loại dữ liệu, mã hóa và nhập liệu.	Thực hành
Buổi 8	Chương 2. Tóm tắt và trình bày dữ liệu (thống kê mô tả). Chương 3. Làm sạch dữ liệu.	Thực hành
Buổi 9	Chương 2. Tóm tắt và trình bày dữ liệu (thống kê mô tả). Chương 4. Phân tích dữ liệu thống kê (thống kê suy diễn). 4.1. Kiểm định Chi-Square. - Phân tích và diễn giải dữ liệu.	Thực hành
Buổi 10	Chương 2. Tóm tắt và trình bày dữ liệu (thống kê mô tả). Chương 4. Phân tích dữ liệu thống kê (thống kê suy diễn). 4.2. Kiểm định trung bình (T-Test). - Phân tích và diễn giải dữ liệu.	Thực hành
Buổi 11	- Thực hành bài tập tổng hợp. - Kiểm tra thực hành trên máy.	Thực hành
Buổi 12	- Ôn tập.	Thực hành

2. Tỉ trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Thi thực hành trên máy (60 phút)	30%
3	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi thực hành trên máy (90 phút)	60%

		- Bắt buộc dự thi.	
--	--	--------------------	--

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

TT	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1	Nguyễn Duy Hải	Thạc sỹ	Xã hội học	0918058901
2	Nguyễn Thị Nhung	Thạc sỹ	Xã hội học	0939257368

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy (cơ hữu, thỉnh giảng):

- Về trình độ tối thiểu: *Thạc sỹ*
- Chuyên ngành tốt nghiệp: *Xã hội học*
- Các yêu cầu thêm về kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp: Kiến thức cơ bản về Xã hội học đại cương, kiến thức chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu Xã hội học định lượng.

2. Đối với người học:

Các học phần tiên quyết: Không có.

Các học phần học trước: Thống kê xã hội; Tin học căn bản.

3. Tài liệu tham khảo:

TT	Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1	Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Xử lý dữ liệu nghiên cứu với SPSS for windows</i> , Nxb. Thống kê.	
2	Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2009), <i>Bài tập & bài giải thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội</i> , Nxb Thống Kê, Tp. HCM.	
3	Đỗ Văn Thắng – Phan Thành Huân (2003), <i>Giáo trình SPSS</i> , Nxb Đại học Quốc gia Tp. HCM.	

4	Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (2008), <i>Xã hội học</i> , Đại học quốc gia Hà Nội.	
5	Tony Bilton, Kenvin Bonett, Philip Jonnes (1987), <i>Nhập môn xã hội học</i> (người dịch: Phạm Thuý Ba), Khoa học xã hội, Hà Nội.	
6	Nguyễn Minh Hoà (1999), <i>Những vấn đề cơ bản Xã hội học</i> , Giáo dục, Hà Nội.	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DUƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Các vấn đề xã hội đương đại
- Mã học phần: SOS204
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: lý thuyết
- Học phần tiên quyết: không có
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thủy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội – Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918058901
- Email: thuyntth@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thực trạng, nguyên nhân của một số vấn đề xã hội đang xảy ra trong xã hội hiện nay như: Một số vấn đề về lao động và việc làm, Truyền thông trong xã hội hiện đại, Giới và Bình đẳng giới, Tình yêu - hôn nhân - Gia đình, Bạo lực học đường, Vị thành niên phạm tội, Giới trẻ và các chất gây nghiện, Stress.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, đưa ra các giải pháp và cách thức phòng ngừa các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay.
- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức

4.1.1	CLO1	<i>Trình bày (hoặc hiểu) được: những kiến thức cơ bản của các vấn đề xã hội đang xảy ra trong đời sống xã hội.</i>
4.1.2	CLO2	<i>Giải thích được. những nội dung cơ bản của các vấn đề xã hội đang tồn tại trong đời sống thực tiễn xã hội hiện nay.</i>
4.1.3	CLO3	<i>Phân tích được: những vấn đề cơ bản của các vấn đề xã hội biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, trong mối tương quan với các vấn đề khác.</i>
4.1.4	CLO4	<i>Vận dụng các kiến thức, sự hiểu biết về các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay vào thực tiễn của đời sống xã hội.</i>
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO5	Tư duy logic, kỹ năng tranh luận.
4.2.2	CLO6	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo, làm việc nhóm...
4.2.2	CLO7	Kỹ năng đề ra mục tiêu và vạch kế hoạch...
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO8	Có lập trường, tư tưởng vững vàng.
4.3.2	CLO9	Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc...

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1		X		X				X	X	X
CLO2		X		X				X		
CLO3		X		X				X		
CLO4		X		X				X		
CLO5		X		X				X		
CLO6					X					
CLO7						X				
CLO8									X	
CLO9										X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa một số vấn đề xã hội đang xảy ra trong xã hội hiện nay như: một số vấn đề về lao động và việc làm, truyền thông trong xã hội hiện đại, giới và bình đẳng giới, tình yêu - hôn nhân - gia đình, bạo lực học đường, gí thành niên phạm tội, Giới trẻ và các chất gây nghiện, stress.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về các vấn đề xã hội đương đại
1.1	Khái niệm “xã hội hiện đại”
1.2	Một số khác biệt giữa xã hội truyền thống và xã hội hiện đại
Chương 2	Các vấn đề xã hội nảy sinh trong bối cảnh xã hội hiện đại
Chuyên đề 1	Một số vấn đề về lao động – việc làm
2.1	Vấn đề việc làm và thực trạng việc làm
2.2	Việc làm và thất nghiệp
2.3	Thu nhập của lao động
2.4	Một số kinh nghiệm giải quyết vấn đề việc làm ở các nước phát triển
2.5	Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp cho giới trẻ
Chuyên đề 2	Truyền thông trong xã hội hiện đại
3.1	Hiện trạng sử dụng internet, các trang mạng xã hội và thiết bị thông minh của giới trẻ
3.2	Tác động (tích cực và tiêu cực) của việc sử dụng internet, các trang mạng xã hội và thiết bị thông minh
3.3	Một số định hướng cho giới trẻ sử dụng internet, các trang mạng xã hội và thiết bị thông minh như một không gian giao tiếp
3.4	Hiện trạng sử dụng internet, các trang mạng xã hội và thiết bị thông minh của giới trẻ
Chuyên đề 3	Giới và Bình đẳng giới
4.1	Khái niệm
4.2	Thực trạng bất bình đẳng giới trong các thiết chế xã hội
4.3	Ảnh hưởng bất bình đẳng giới đối với cá nhân, gia đình và xã hội
4.4	Chiến lược Giới và phát triển của thế giới và của của Việt Nam hiện nay
Chuyên đề 4	Tình yêu – hôn nhân – gia đình trong xã hội hiện đại
Chuyên đề	Tình yêu
4.1.1	Khái niệm tình yêu
4.1.2	Các thành phần cơ bản của tình yêu
4.1.3	Động cơ của tình yêu
4.1.4	Các giai đoạn phát triển của tình yêu

4.1.5	Những vấn đề nảy sinh trong tình yêu (ghen tuông, sống thử, tình dục an toàn, tình yêu đồng giới)
Chuyên đề	Hôn nhân - Gia đình
4.2.1	Sự thay đổi các chức năng của gia đình
4.2.2	Sự đa dạng của các hình thái gia đình
4.2.3	Hiện trạng (thực trạng và nguyên nhân) ly hôn ở các gia đình trẻ
4.2.4	Bạo lực gia đình
4.2.5	Một số tiêu chí đánh giá tính chuẩn mực của gia đình trong xã hội hiện đại
Chuyên đề 5	Bạo lực học đường
5.1	Khái niệm
5.2	Thực trạng
5.3	Nguyên nhân
5.4	Giải pháp
Chuyên đề 6	Thực trạng phạm tội của trẻ vị thành niên
6.1	Một số khái niệm
6.2	Thực trạng vi phạm pháp luật của trẻ vị thành niên
6.3	Nguyên nhân
6.4	Biện pháp phòng ngừa
Chuyên đề 7	Giới trẻ và các chất gây nghiện
7.1	Khái niệm
7.2	Thực trạng lạm dụng các chất gây nghiện trong giới trẻ trên thế giới và ở VN
7.3	Các nguyên nhân dẫn đến nghiện các chất gây nghiện
7.4	Đặc điểm tâm lý và nhu cầu của người nghiện
7.5	Các ảnh hưởng tiêu cực của nghiện đến cá nhân, gia đình, xã hội
7.6	Các chính sách và pháp luật của VN đối với người nghiện
7.7	Các chương trình, dịch vụ và nguồn lực giải quyết
7.8	Vai trò của cá nhân, gia đình và xã hội đối với vấn đề nghiện các chất gây nghiện
Chuyên đề 8	Stress trong xã hội hiện đại
8.1	Khái niệm stress
8.2	Hậu quả stress trong xã hội hiện đại
8.3	Các tác nhân gây stress
8.4	Biểu hiện của stress
8.5	Cách ứng phó với stress

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1 Bài tập cá nhân	
	Người học thực hành bằng hình thức vận dụng các kiến thức nắm được về các vấn đề xã hội, từ đó đưa ra quan điểm, ý kiến về các vấn đề này vào trong cuộc sống của chính mình.
6.2.2 Bài tập nhóm	
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Tổng quan về các vấn đề xã hội	05	00	05
2	Các vấn đề xã hội nảy sinh trong bối cảnh xã hội hiện đại	40	00	40
Tổng		45	00	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

- Mối quan hệ giữa nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và người lao động trong quá trình giải quyết vấn đề việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.
- Giải thích mối quan hệ giữa giáo dục đào tạo và doanh nghiệp trong xã hội hiện nay? Mối quan hệ này có ý nghĩa gì về việc nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp?
- Chúng ta sử dụng Internet và mạng xã hội để làm gì? Theo đánh giá của các anh (chị), những mặt tích cực và tiêu cực của Internet và mạng xã hội là gì? Cho ví dụ cụ thể?
- Những ảnh hưởng của văn hóa mạng đến công chúng truyền thông đại chúng? Cho ví dụ cụ thể?
- Trình bày khái niệm vai trò giới? Các loại vai trò giới? Trình bày sự chuyển biến từng loại vai trò giới trong gia đình và ngoài xã hội? Cho ví dụ cụ thể?
- Bình đẳng giới là gì? Làm thế nào để đạt được bình đẳng giới trong gia đình và ngoài xã hội hiện nay?
- Thế nào là tình yêu? Những thành phần cơ bản và các giai đoạn phát triển tình yêu? Một số vấn đề nảy sinh trong tình yêu? Một số lưu ý để có thể xây dựng một tình yêu chân chính? Cho ví dụ cụ thể?

8. Hãy trình bày khái niệm tình yêu đồng giới? Các đặc điểm tình yêu đồng giới và tâm lý của người đồng tính. Các nguyên nhân dẫn đến tình yêu đồng giới? Quan điểm của anh (chị) về tình yêu đồng giới trong xã hội hiện nay? Cho ví dụ cụ thể?
9. Thế nào là stress? Các biểu hiện và các tác nhân gây Stress ? Hãy trình bày các giải pháp để hạn chế stress hay ứng phó với stress? Cho ví dụ cụ thể về stress trong sinh viên?
10. Hãy trình bày thế nào là nghiện và biểu hiện của người nghiện? Đặc điểm tâm lý của người nghiện và gia đình có người nghiện? Nêu một số chất gây nghiện (ma túy) phổ biến ở Việt Nam và phân tích hậu quả của chúng đối với cá nhân, gia đình và xã hội. Cho ví dụ cụ thể?

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Chương 1	X						X	X	X
Chương 2									
Chuyên đề 1		X	X	X	X	X	X	X	X
Chuyên đề 2			X	X	X	X	X	X	X
Chuyên đề 3		X	X	X	X	X		X	X
Chuyên đề 4		X	X	X	X	X		X	
Chuyên đề 5		X	X	X	X	X		X	X
Chuyên đề 6		X	X	X	X	X		X	X
Chuyên đề 7			X	X	X	X		X	X
Chuyên đề 8			X	X	X	X		X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát đáp
- Giải quyết vấn đề

Đọc và tóm lược nội dung tài liệu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X		X	X
Vấn đáp	X		X	X			X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X	X	X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	X				X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X		X	X		X		X	X
Làm việc nhóm	X		X	X	X	X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X			X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

Mai Thị Nguyệt Nga và Đỗ Văn Bình chủ biên (2018), *Giáo trình Các vấn đề xã hội đương đại*, Trường đại học Văn Hiến.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Mai Huy Bích (2012), Xã hội học Gia đình, NXB Khoa học xã hội.
- Bùi Thế Cường, Nguyễn Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa dịch (2012), Từ điển Xã hội học Oxford, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
- Bùi Quang Dũng (2010) (chủ biên), Xã hội học, NXB Khoa học xã hội.
- Phạm Minh Hạc (2013) (chủ biên), Từ điển Bách khoa – Tâm lý học-Giáo dục học, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Vũ Tuấn Huy (2004) chủ biên), Xu hướng gia đình ngày nay, NXB Khoa học xã hội.
- Đặng Cảnh Khanh – Lê Thị Quý (2007), Gia đình học, NXB Lý luận chính trị.
- Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (2008), Bình đẳng giới ở VN: Phân tích số liệu điều tra. Viện Gia đình và Giới.
- Nguyễn Thị Oanh (2012), Tìm hiểu một số vấn đề xã hội, NXB Thanh niên.
- Tài liệu “Tư vấn điều trị nghiện ma túy của USAID, FHI, PACT VIETNAM, 2011.
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: www.molisa.gov.vn
- World Health Organisation (WHO): www.who.org
- Nguyễn Anh Phương (2015), Bình đẳng giới: PN, Giới và PT, Chính sách:<http://chinhsach.vn/binh-dang-gioi-phu-nu-va-phat-trien/>
- Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới 2011-2020. <http://lanhdaonu.vn/chinhsach-tin/chien-luoc-quoc-gia-ve-binh-dang-gioi-2011-2020.html>.

11.2 Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

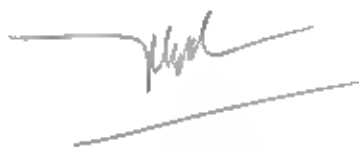
<i>TT</i>	<i>Điểm thành phần</i>	<i>Hình thức đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Thi (thuyết trình, bài cá nhân, bài nhóm)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X		X	X
Thuyết trình	X	X	X	X		X		X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X		X			
Dự lớp					X	X		X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên học phần: Mỹ học đại cương (General Aesthetics)
2. Mã số học phần: SOS206
3. Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6) tín chỉ
4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng: ☒ Đại học: ☒
5. Đơn vị phụ trách học phần:
6. Loại hình học phần:
Đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Tốt nghiệp ☐
Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☐ Đồ án môn học ☐
Bắt buộc ☐ Tự chọn ☒
7. Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

<GC.6> <Năng lực hiểu biết về khoa học xã hội, nghệ thuật, nhân văn, đa văn hóa và tôn giáo>:

Nội dung:

- Trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản, hiện đại và tương đối toàn diện về mỹ học như quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ: cái đẹp, cái bí, cái hài, cái cao cả, nghệ thuật và những vấn đề về giáo dục thẩm mỹ.

Biểu hiện:

- SV vận dụng những khái niệm cơ bản của mỹ học vào việc cảm thụ, đánh giá cái thẩm mỹ và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống và cho bản thân.

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

<GC7> <Năng lực và tổ chất cá nhân chung>:

Nội dung:

Tư duy nghề nghiệp, làm việc nhóm.

Biểu hiện:

- Sử dụng hiểu biết về mỹ học vào việc nhận ra ý nghĩa, giá trị của lao động nghề nghiệp.
- Làm việc theo nhóm có hiệu quả hơn.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại và tương đối toàn diện về mỹ học:

- Quan hệ thẩm mỹ
- Chủ thể thẩm mỹ
- Khách thể thẩm mỹ: cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài
- Nghệ thuật
- Nghệ sĩ
- Giáo dục thẩm mỹ.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Tùy vào từng chuyên ngành đào tạo, giảng viên có thể đi sâu một số nội dung trong những nội dung cơ bản, cốt lõi, hoặc bổ sung một số vấn đề về mỹ học. Ví dụ: Sự đa dạng trong quan niệm về cái đẹp của các tộc người; tư chất của các loại nghệ sĩ.

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

	Nội dung chi tiết (theo chương/bài, mục chi tiết cấp 1)	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1.	Giới thiệu chương trình, kế hoạch học tập Đối tượng nghiên cứu của mỹ học	GC6, GC7
1.1.	I. Đối tượng của mỹ học trước Mác	GC6, GC7
1.2.	Đối tượng của mỹ học theo quan điểm Mác xít	GC6, GC7

1.3.	Các bộ môn khoa học và nội dung nghiên cứu của mỹ học	GC6, GC7
Chương 2.	Quan hệ thẩm mỹ	GC6, GC7
2.1.	Khái niệm quan hệ thẩm mỹ	GC6, GC7
2.2.	Tính chất của quan hệ thẩm mỹ	GC6, GC7
Chương 3.	Chủ thể thẩm mỹ	GC6, GC7
3.1.	Khái niệm chủ thể thẩm mỹ	GC6, GC7
3.2.	Các phạm trù biểu hiện chủ thể thẩm mỹ	GC6, GC7
Chương 4.	Khách thể thẩm mỹ	GC6, GC7
4.1.	Cái đẹp	GC6, GC7
4.2.	Cái cao cả	GC6, GC7
4.3.	Cái bi	GC6, GC7
4.4.	Cái hài	GC6, GC7
Chương 5.	Nghệ thuật	GC6, GC7
5.1.	Khái niệm nghệ thuật	GC6, GC7
5.2.	Đối tượng của nghệ thuật	GC6, GC7
5.3.	Phân loại nghệ thuật	GC6, GC7
5.4.	Phương thức phản ánh của nghệ thuật	GC6, GC7
5.5.	Nội dung, hình thức trong nghệ thuật	GC6, GC7
5.6.	Nghệ thuật – hình thái biểu hiện cao nhất của quan hệ thẩm mỹ	GC6, GC7
Chương 6.	Nghệ sĩ	GC6, GC7
6.1.	Những biểu hiện của tư chất nghệ sĩ	GC6, GC7
6.2.	Con đường trau dồi tư chất nghệ sĩ	GC6, GC7
Chương 7.	Giáo dục thẩm mỹ	GC6, GC7
7.1.	Bản chất của giáo dục thẩm mỹ	GC6, GC7
7.2.	Các hình thức giáo dục thẩm mỹ	GC6, GC7
	<i>Tham quan</i> Bảo tàng Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	GC6, GC7

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

TT	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp (có giảng viên)	30 tiết
2	Rèn kỹ năng trên lớp (có giảng viên hướng dẫn)	15 tiết
3	Tự học ngoài lớp (theo nội dung được giảng viên yêu cầu và nộp kết quả cho giảng viên. Ví dụ: bài tập về nhà, báo cáo thu hoạch, bài thuyết trình)	60 giờ
4	Tự nghiên cứu và viết báo cáo (không có giảng viên)	00

2. Tỉ trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần, thực hành, thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	- Có chuẩn bị thảo luận, thực hành. - Có tham gia thảo luận - Kiểm tra giữa kỳ	40%
2	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (90 phút) - Tham dự từ 80% tiết lý thuyết và thực hành trở lên - Bắt buộc dự thi	60%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

TT	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1	Đoàn Trọng Thiệu	Giảng viên chính, Tiến sĩ	Văn học	0918438058 thieudt@vhu.edu.vn

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy (cơ hữu, thỉnh giảng):

- Về trình độ tối thiểu: Thạc sĩ.
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Lý luận văn học; Văn học.

- Các yêu cầu thêm về kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp: Có kinh nghiệm giảng dạy môn học này ở đại học ít nhất 2 năm.

2. Đối với người học:

Các học phần tiên quyết: Không.

Các học phần học trước: Triết học Mác – Lênin.

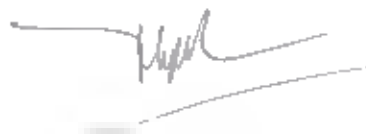
3. Tài liệu tham khảo:

Tt	Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1	<i>Giáo trình:</i> - Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân (2009), <i>Mỹ học đại cương</i> , NXB Giáo dục - Lê Ngọc Trà (chủ biên), Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương (1994), <i>Mỹ học đại cương</i> , NXB Văn hóa Thông tin	
2	<i>Tài liệu tham khảo</i> - Đỗ Văn Khang (Chủ biên) (1997), <i>Mỹ học đại cương</i> , NXN Giáo dục - Lý Trạch Hậu, (Trần Đình Sử, Lê Tâm dịch) (2002), <i>Bốn bài giảng mỹ học</i> , NXB ĐHQG Hà Nội - Đỗ Huy (Chủ biên) (2014), <i>Giáo trình Đại cương về những khuynh hướng cơ bản trong lịch sử mỹ học</i> , NXB Thông tin và Truyền thông	
3	<i>Xem phim (nếu có điều kiện): Một bộ phim về bi kịch; một bộ phim về hài kịch</i>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Marketing căn bản
- Mã học phần: MAR201
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 35
 - Thảo luận: 10

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Phạm Phương Mai
- Chức danh, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Kinh tế - Quản trị - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0907039988
- Email: maipp@vhu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học kiến thức về Marketing như: nghiên cứu Marketing; phân tích các tác động của môi trường đối với hoạt động Marketing; phân tích hành vi người tiêu dùng; cơ hội tham gia thị trường qua việc phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu ; các phối thức Marketing truyền thống (4P); lập kế hoạch Marketing.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên lý cơ bản, các khái niệm, khác biệt trong quan điểm quản trị, chức năng và các lĩnh vực hoạt động của Marketing trong Doanh nghiệp.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các chiến lược Marketing để có thể tìm hiểu và đánh giá được thực trạng hoạt động marketing thông qua phân tích ưu điểm, nhược điểm, cơ hội và thách thức; lập kế hoạch Marketing giúp sinh viên có thể hoạch định, tổ chức và thực hiện các chiến lược Marketing hiệu quả và phù hợp với thực trạng của Doanh nghiệp.

- Trang bị kiến thức về Marketing giúp người học hiểu và biết vận dụng kiến thức về Marketing một cách linh hoạt vào các hoạt động marketing thực tế của Doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.
- Tích hợp giảng dạy giúp người học phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm bao gồm: phát biểu, làm việc nhóm, thuyết trình.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Áp dụng kiến thức toán thống kê vào việc khảo sát dữ liệu, thống kê số liệu phục vụ công tác nghiên cứu thu thập thông tin kinh doanh
4.1.2	CLO2	Áp dụng kiến thức tổng quát về kinh tế, chính trị - luật pháp, văn hóa - xã hội để nhận biết các yếu tố tác động đến môi trường kinh doanh
4.1.3	CLO3	Áp dụng kiến thức tâm lý, văn hoá - xã hội, con người vào nhận biết nhu cầu và hành vi của khách hàng
4.1.4	CLO4	Xây dựng bảng khảo sát nghiên cứu phục vụ cho các chiến lược Marketing
4.1.5	CLO5	Thực hiện khảo sát, phân tích và đánh giá kết quả để phục vụ cho các yêu cầu nghiên cứu của Doanh nghiệp
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	Tham gia làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả.
4.2.2	CLO7	Trao đổi kiến thức và kinh nghiệm với các thành viên trong nhóm mang đến lợi ích cho cả hai phía
4.2.3	CLO8	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện
4.2.4	CLO9	Sử dụng CNTT trong soạn thảo văn bản, thống kê số liệu và thuyết trình
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO10	Giữ gìn và cam kết đạo đức nghề nghiệp.
4.3.2	CLO11	Đề ra mục tiêu cụ thể cho việc phát triển sự nghiệp
4.3.3	CLO12	Tích cực trau dồi nâng cao kiến thức, đổi mới bản thân

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PL08	PL09
CLO1	X								
CLO2	X								
CLO3	X								
CLO4		X							
CLO5		X							
CLO6					X				
CLO7						X			
CLO8						X			
CLO9							X		
CLO10								X	
CLO11									X
CLO12									X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 10 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về hoạt động Marketing; xu hướng, cơ hội và thách thức của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa nhằm giúp người học hiểu rõ vai trò của Marketing trong lĩnh vực kinh doanh. Người học được giới thiệu cơ bản về kiến thức liên quan đến các hoạt động nghiên cứu Marketing, phân tích môi trường Marketing, các yếu tố tác động đến khách hàng và cách thức Doanh nghiệp tham gia vào thị trường kinh doanh. Ngoài ra, học phần giới thiệu nội dung kiến thức liên quan đến các phối thức Marketing truyền thống: sản phẩm (Product), giá (Price), phân phối (Place), chiêu thị (Promotion).

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về Marketing
1.1.	Khái niệm Marketing
1.2.	Một số khái niệm trung gian
1.3.	Mục tiêu và chức năng của Marketing
1.4.	Marketing Mix
1.5.	Các quan điểm quản trị Marketing

Chương 2	HTTT Marketing và nghiên cứu Marketing (MIS & MR)
2.1.	Hệ thống thông tin Marketing (Marketing Information System)
2.2.	Nghiên cứu Marketing (Marketing Research)
Chương 3	Môi trường Marketing
3.1.	Khái quát môi trường Marketing
3.2.	Môi trường vi mô
3.3.	Môi trường vĩ mô
Chương 4	Hành vi khách hàng
4.1.	Mô hình hành vi người tiêu dùng
4.2.	Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi người tiêu dùng
4.3.	Các dạng hành vi mua sắm
4.4.	Quy trình quyết định mua của người tiêu dùng.
4.5.	Hành vi mua của khách hàng là tổ chức
Chương 5	Phân khúc thị trường - Lựa chọn thị trường mục tiêu - Định vị thị trường
5.1.	Phân khúc thị trường
5.2.	Lựa chọn thị trường mục tiêu
5.3.	Định vị thị trường
Chương 6	Chiến lược sản phẩm
6.1.	Khái niệm sản phẩm theo quan điểm Marketing
6.2.	Các quyết định liên quan đến sản phẩm
6.3.	Chiến lược sản phẩm
6.4.	Chu kỳ sống của sản phẩm
6.5.	Phát triển sản phẩm mới
Chương 7	Chiến lược giá
7.1.	Khái niệm và vai trò của giá
7.2.	Các yếu tố quyết định đến việc hình thành giá
7.3.	Phương pháp xác định giá ban đầu
7.4.	Quyết định về GIÁ
7.5.	Tiến trình xác định giá bán cho một SP mới

Chương 8	Chiến lược phân phối
8.1.	Cấu trúc kênh
8.2.	Lựa chọn kênh phân phối
8.3.	Thiết kế và quản lý kênh
Chương 9	Chiến lược xúc tiến thương mại
9.1.	Khái quát về xúc tiến hỗn hợp
9.2.	Yếu tố tác động đến quá trình xúc tiến
Chương 10	Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát Marketing
10.1.	Quy trình quản trị Marketing.
10.2.	Kế hoạch Marketing
10.3.	Tổ chức Marketing
10.4.	Thực hiện Marketing
10.5.	Đánh giá và kiểm soát Marketing

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học làm 02 bài tập cá nhân Chương 4 và chương 5
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học làm bài tập nhóm (nhóm từ 3-5 thành viên) theo đề tài do giảng viên giao. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp (hình thức thuyết trình)

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Tổng quan về Marketing	4	1		5
2	HTTT Marketing và nghiên cứu Marketing (MIS & MR)	3	1	1	5
3	Môi trường Marketing	3			3
4	Hành vi khách hàng	4	1		5

5	Phân khúc thị trường - Lựa chọn thị trường mục tiêu - Định vị thị trường	4			4
6	Chiến lược sản phẩm	5	1		6
7	Chiến lược giá	3	2		5
8	Chiến lược phân phối	3	1		4
9	Chiến lược xúc tiến thương mại	3	1		4
10	Lập kế hoạch Marketing	3		1	4
Tổng		35	8	2	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Tại sao Marketing ngày càng trở nên quan trọng đối với Doanh nghiệp và đối với người tiêu dùng?
2. Các trào lưu xã hội hiện nay có tác động gì đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp?
3. Tìm hiểu các chiến lược Marketing (4P) của Doanh nghiệp (do GV giảng dạy phân công)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1								X		X	X	X
2	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
3		X						X		X	X	X
4			X					X		X	X	X
5								X		X	X	X
6								X		X	X	X
7								X		X	X	X
8								X		X	X	X
9						X	X	X	X	X	X	X
10						X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp

Đọc và tóm lược nội dung tài liệu

Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Phát vấn								X		X	X	X
Thuyết trình	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
Phát vấn		X						X		X	X	X
Động não nhanh			X					X		X	X	X
Phát vấn								X		X	X	X
Phát vấn								X		X	X	X
Phát vấn								X		X	X	X
Phát vấn								X		X	X	X
Thuyết trình						X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình						X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tự nghiên cứu								X		X	X	X
Làm việc nhóm	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
Tự học		X						X		X	X	X
Tự học			X					X		X	X	X
Tự nghiên cứu								X		X	X	X
Tự nghiên cứu								X		X	X	X
Làm việc nhóm								X		X	X	X
Làm việc nhóm								X		X	X	X
Thuyết trình						X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình						X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
 - Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
 - Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Quách Thị Bửu Châu & nhóm biên soạn. (2017) (chủ biên), Marketing căn bản, NXB Lao động.

11.2. Tài liệu tham khảo

Philip Kotler, (2019), Bàn về tiếp thị, NXN Trẻ, (tái bản lần 11).

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (BTCN và thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian làm bài: 60 phút)	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
BTCN	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X			X	X	X	X	X	X	X		
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nhập môn truyền thông đa phương tiện
- Mã học phần: MMC301
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 30 ..., trong đó:
 - Lý thuyết: 30
 - Thực hành: 00

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Huỳnh Vũ Thạch
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Đài truyền hình Quốc hội
- Điện thoại: 0907716751
- Email: huynhvuthach2910@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho sinh viên những tri thức tổng quát về báo chí truyền thông và truyền thông đa phương tiện: Sự ra đời của các các loại hình truyền thông hiện đại trên thế giới và Việt Nam, các khái niệm cần yếu (truyền thông, truyền thông đa phương tiện, báo in, radio, television, internet...)
- Hiểu rõ về các loại hình truyền thông cơ bản

- Nắm bắt những ưu thế của truyền thông nói chung và truyền thông hiện đại hiện nay; Công nghệ và truyền thông; v.v.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập.
4.1.2	CLO2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học...có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học trong quá trình học các học phần chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường.
4.1.3	CLO3	Áp dụng được các kiến thức về các đặc điểm, xu hướng truyền thông để hiểu được tính chất, vai trò của ngành học trong sự phát triển chung của xã hội.
4.1.4	CLO4	Thực hiện được các quy trình của việc tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
4.1.5	CLO5	Thực hiện được một cách sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, xử lý hậu kỳ...
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Có khả năng thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin và tổng hợp thông tin về các lĩnh vực truyền thông....
4.2.2	CLO7	Có khả năng làm việc trong các lĩnh vực truyền thông với nhiều vai trò như phát thanh viên, biên tập viên
4.2.3	CLO8	Có khả năng thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin và tổng hợp thông tin về các lĩnh vực truyền thông.
4.2.4	CL09	Sử dụng CNTT trong quá trình tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO10	Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc: nghiêm túc, kỷ luật, cẩn thận, năng động, sáng tạo, cầu tiến
4.3.2	CL011	Thể hiện trách nhiệm năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm
4.3.3	CLO12	Có ý thức phục vụ cho cộng đồng, luôn trung thực và hoà đồng, có tinh thần tôn trọng sự thật và tôn trọng sự khác biệt.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức tổng quát về báo chí truyền thông và truyền thông đa phương tiện: sự ra đời của các các loại hình truyền thông hiện đại trên thế giới và Việt Nam; nắm rõ các khái niệm (truyền thông, truyền thông đa phương tiện, báo in, radio, television, internet...); các loại hình truyền thông cơ bản; ưu thế của truyền thông nói chung và truyền thông hiện đại; công nghệ và truyền thông.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về báo chí và Truyền thông đa phương tiện
1.1.	Những khái niệm cơ bản về truyền thông
1.2.	Vai trò báo chí truyền thông trong xã hội
1.3.	Ảnh hưởng của truyền thông đa phương tiện trong các lĩnh vực của đời sống xã hội
Chương 2	Tổ chức và hoạt động của tòa soạn
2.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy tòa soạn
2.2.	Công tác phóng viên
2.3.	Hội tụ tòa soạn

Chương 3	Các loại hình báo chí truyền thông
3.1.	Báo in
3.2.	Báo tiếng
3.3.	Báo hình
3.4.	Báo điện tử
Chương 4	Lịch sử báo chí Việt Nam
4.1.	Lịch sử báo chí Việt Nam trước CMT8
4.2.	Lịch sử báo chí Việt Nam từ CMT8 đến 1975
4.3.	Lịch sử báo chí Việt Nam từ 1975 đến nay
Chương 5	Báo chí thế giới và xu hướng phát triển hiện nay
5.1.	Lý luận báo chí thế giới
5.2.	Tự do báo chí
5.3.	Xu thế phát triển báo chí thế giới
5.4.	Một số giải thưởng báo chí
Chương 6	Công chúng truyền thông
6.1.	Công chúng và truyền thông báo chí
6.2.	Nhà báo truyền thông đa phương tiện

6.2. Thực hành

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Tổng quan về báo chí và Truyền thông đa phương tiện	5			5
2	Tổ chức và hoạt động của tòa soạn	5			5
3	Các loại hình báo chí truyền thông	5			5
4	Lịch sử báo chí Việt Nam	5			5
5	Báo chí thế giới và xu hướng phát triển hiện nay	5			5
6	Công chúng truyền thông	5			5
Tổng		30			30

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Nêu suy nghĩ về Ảnh hưởng của truyền thông đa phương tiện trong các lĩnh vực của đời sống xã hội
2. Mạng xã hội có nên là 1 thể loại báo chí trong tương lai? Vì sao?

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết giảng (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

Tập bài giảng của giảng viên

11.2. Tài liệu tham khảo

1/ Tổ chức và hoạt động của tòa soạn – Đinh Văn Hương

2/ Tập bài giảng Xã hội học và truyền thông đại chúng,

3/ Lịch sử các chế độ báo chí ở Việt Nam – Phan Đăng Thanh & Trương Thị Hòa

4/ PGS TS Nguyễn Văn Dũng (2018), Cơ sở lý luận báo chí – NXB Thông tin và truyền thông

5/ PGS TS Dương Xuân Sơn (2014), Các loại hình báo chí truyền thông – NXB Thông tin và truyền thông

12. Thang điểm đánh giá: Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

<i>TT</i>	<i>Điểm thành phần</i>	<i>Hình thức đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận cá nhân	60%

Mã trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Trải nghiệm ngành nghề
- Mã học phần: MMC302
- Số tín chỉ: 01
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Số giờ tín chỉ: 15, trong đó:
 - Lý thuyết: 15
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Trang bị những kiến thức cơ bản về ngành Truyền thông đa phương tiện. Giúp cho người học bước đầu thực hiện nguyên lý giáo dục gắn lý thuyết với thực hành, lý luận và thực tế trong quá trình đào tạo.

- Sinh viên bước đầu quan sát và tìm hiểu hoạt động công việc tại các cơ sở theo những định hướng chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện.

- Mở rộng phạm vi tìm hiểu để sinh viên có định hướng nghề nghiệp đúng đắn hơn và thực hiện lựa chọn các học phần chuyên ngành phù hợp hơn.

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 3 chương cung cấp cho người học có những kiến thức nền tảng về lĩnh vực truyền thông. Sinh viên được quan sát, tìm hiểu về ngành nghề tại các tòa soạn báo, đài truyền hình, công ty truyền thông... Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên sinh viên có cơ hội tiếp cận những kỹ thuật xử lý hình ảnh, âm thanh, video; kỹ năng thiết kế, tạo ra các sản phẩm đồ họa phục vụ cho truyền thông, quảng cáo, giải trí, kỹ năng tạo ra sản phẩm đồ họa đa phương tiện tương tác như: Kỹ xảo điện ảnh, phim hoạt hình, game, website, đồ họa mô phỏng...

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về công ty truyền thông tham quan trải nghiệm
1.1.	Lịch sử hình thành
1.2.	Cơ cấu tổ chức
Chương 2.	Trải nghiệm tại các bộ phận dịch vụ, phòng ban và các đơn vị chức năng
2.1.	Trải nghiệm bộ phận Thiết kế & Media
2.2.	Trải nghiệm bộ phận Xây dựng kịch bản phim ngắn
2.3.	Trải nghiệm bộ phận Kỹ thuật quay phim
2.4.	Trải nghiệm bộ phận Kỹ thuật dựng phim
2.5.	Trải nghiệm bộ phận Trường quay
2.6.	Trải nghiệm tại các phòng ban, bộ phận khác ở cơ sở
Chương 3.	Phỏng vấn/ Giao lưu với CB - CNV
3.1.	Phỏng vấn về thái độ, kiến thức, kỹ năng cần có để có thể trở thành chuyên viên quản trị mạng xã hội
3.2.	Phỏng vấn về thái độ, kiến thức, kỹ năng cần có để có thể trở thành chuyên viên thiết kế, quay dựng phim
3.3.	Phỏng vấn về thái độ, kiến thức, kỹ năng cần có để có thể trở thành phóng viên, bình luận viên, biên tập viên báo chí/ đài truyền hình
3.4.	Phỏng vấn, giao lưu kinh nghiệm về hoạch định, chiến lược kinh doanh của Ban giám đốc

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân

	Người học thực hiện bài tập cá nhân do giảng viên yêu cầu
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên liên quan đến những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có để có thể trở thành chuyên viên làm việc trong lĩnh vực truyền thông. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Tổng quan về công ty truyền thông tham quan trải nghiệm kiến tập	5	0	5
2	Trải nghiệm tại các bộ phận dịch vụ, phòng ban và các đơn vị chức năng	2	3	5
3	Phỏng vấn/ Giao lưu với CB - CNV	3	2	5
Tổng		10	5	15

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Trình bày những hiểu biết của anh (chị) về ngành Truyền thông đa phương tiện?
2. Để xây dựng kịch bản phim ngắn hay, theo anh (chị) cần có những yêu cầu gì?
3. Anh (chị) cần làm gì để trở thành chuyên viên quản trị mạng?
4. Anh (chị) cần làm gì để trở thành phóng viên, bình luận viên hay biên tập viên báo chí/ đài truyền hình?
5. Anh (chị) cần làm gì để trở thành chuyên viên thiết kế, quay dựng phim?

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1.1	CLO2.2	CLO5.1	CLO5.2	CLO5.4	CLO6.2	CLO9.1	CLO9.2	CLO10.1
1	X	X							
2		X	X	X	X	X	X	X	X
3		X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1.1	CLO2.2	CLO5.1	CLO5.2	CLO5.4	CLO6.2	CLO9.1	CLO9.2	CLO10.1
Thuyết trình	X								
Phát vấn	X		X	X	X	X			
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X	X	X	x
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X								

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1.1	CLO2.2	CLO5.1	CLO5.2	CLO5.4	CLO6.2	CLO9.1	CLO9.2	CLO10.1
Thuyết trình	X								
Làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X			
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Độc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Thực hiện bài tiểu luận kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

Tài liệu tham khảo

- PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) (2018), *Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, NXB Thông tin và Truyền thông.
- PGS.TS. Dương Xuân Sơn, (2016), *Các loại hình báo chí truyền thông*, NXB Thông tin và Truyền thông
- PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang, (2016), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Tham gia trải nghiệm tại cơ sở	40%
2	Kết thúc học phần	Bài tiểu luận	60%

Mã trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1.1	CLO2.2	CLO5.1	CLO5.2	CLO5.4	CLO6.2	CLO9.1	CLO9.2	CLO10.1
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	
Dự lớp		X	X	X	X			X	X
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông
- Mã học phần: LIT426
- Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 30 trong đó:
 - Lý thuyết: 60 %
 - Thực hành: 40%

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học ...
- Điện thoại:
- Email:

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học kiến thức chung về truyền thông, truyền thông đại chúng và báo chí - một hình thức của truyền thông đại chúng.
- Cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng để học tốt các môn thực hành, tác nghiệp báo chí, truyền thông tiếp theo...

- Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu, hệ thống về các chính thể quan trọng của báo chí với tư cách là một hình thức hoạt động truyền thông đại chúng phổ biến nhất trong xã hội hiện đại; gồm những kiến thức về truyền thông, báo chí, nhà báo, công chúng.

- Trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu, lý giải một cách khoa học, khách quan về các hiện tượng báo chí và truyền thông cụ thể.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1.1	Trình bày (hoặc hiểu) được những kiến thức cơ bản về truyền thông, truyền thông đại chúng, báo chí
4.1.2	CLO1.3	Vận dụng những kiến thức, sự hiểu biết về truyền thông đại chúng vào các hoạt động công việc theo những định hướng ngành nghề
4.1.3	CLO2.4	Phân tích được vị trí, vai trò của nhà báo
4.1.3	CLO2.5	Đánh giá chức năng, nguyên tắc của hoạt động báo chí sao cho hoạt động báo chí hiệu quả
4.1.4	CLO3.3	Đánh giá được tầm quan trọng của nhà báo và xu hướng phát triển của nghề báo
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO5.1	Tham gia làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả
4.2.2	CLO5.2	Tham gia, tổng hợp, diễn giải một vị trí làm trong thực tế phù hợp với kiến thức chuyên ngành.
4.2.3	CLO5.4	Có khả năng nghiên cứu, lý giải một cách khoa học, khách quan về các hiện tượng báo chí và truyền thông cụ thể.
4.2.4	CLO6.3	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan.
4.2.5	CLO7.1	Sử dụng CNTT trong học tập và ngành nghề
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO9.1	Có lập trường, tư tưởng vững vàng, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.
4.3.2	CLO9.2	Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc...
4.3.3	CLO10.1	Đề ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho việc phát triển sự nghiệp.
4.3.4	CLO10.3	Hình thành thói quen học tập suốt đời

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PL010
CLO1.1	X									
CLO1.3	X									
CLO2.4		X								
CLO2.5		X								
CLO3.3			X							
CLO5.1					X					
CLO5.2					X					
CLO5.4					X					
CLO6.3						X				
CLO7.1							X			
CLO9.1									X	
CLO9.2									X	
CLO10.1										X
CLO10.3										X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về truyền thông, truyền thông đại chúng, báo chí nhằm giúp người học có những kiến thức nền tảng để học tiếp những học phần chuyên ngành. Người học được giới thiệu những kiến thức chuyên sâu, hệ thống về các chính thể quan trọng của báo chí với tư cách là một hình thức hoạt động truyền thông đại chúng phổ biến nhất trong xã hội hiện đại. Ngoài ra, học phần giới thiệu cho người học nắm được vị trí, vai trò của báo chí trong hoạt động truyền thông cũng như những nguyên tắc của hoạt động báo chí và quá trình sáng tạo câu nhà báo.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Khái quát về truyền thông, truyền thông đại chúng
1.1.	Những khái niệm cơ bản về truyền thông, truyền thông đại chúng
1.2	Các phương tiện truyền thông đại chúng
1.3	Các hình thức hoạt động truyền thông đại chúng

1.4	Lịch sử tiến hóa của truyền thông đại chúng
1.5	Bản chất xã hội của truyền thông đại chúng
Chương 2	Báo chí - một hình thức hoạt động truyền thông đại chúng
2.1.	Khái niệm báo chí
2.2.	Vị trí của báo chí
2.3	Vai trò của báo chí
2.4	Sự hình thành và phát triển của báo chí
Chương 3	Báo chí - loại hình thông tin chính trị - xã hội
3.1.	Tính chất tổng hợp của hoạt động báo chí
3.2.	Thông tin trong báo chí
3.3.	Các nhân tố và điều kiện để đảm bảo chất lượng thông tin
Chương 4	Chức năng, nguyên tắc hoạt động của báo chí
4.1.	Tính đa chức năng của báo chí
4.2.	Các chức năng cơ bản của báo chí
4.3.	Những vấn đề chung về nguyên tắc hoạt động báo chí
4.4.	Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí
Chương 5	Nhà báo và nghề báo trong xã hội
5.1.	Nhà báo
5.2.	Nghề báo
7.3.	Đặc thù lao động nghề báo
Chương 6	Quá trình sáng tạo của nhà báo và xu hướng phát triển của nghề báo
6.1.	Bản chất của sáng tạo tác phẩm báo chí
6.2.	Các khâu trong quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí
6.3.	Xu hướng phát triển của nghề báo

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện bài tập cá nhân do giảng viên yêu cầu
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Khái quát về truyền thông, truyền thông đại chúng	5			5
2	Báo chí - một hình thức hoạt động truyền thông đại chúng	5			5
3	Báo chí - loại hình thông tin chính trị - xã hội	5			5
4	Chức năng, nguyên tắc hoạt động của báo chí	5			5
5	Nhà báo và nghề báo trong xã hội	3	2		5
6	Quá trình sáng tạo của nhà báo và xu hướng phát triển của nghề báo	3	2		5
Tổng		26	4		30

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Thảo luận nhóm về vấn đề: Các loại thông tin trên báo chí.
2. Thảo luận nhóm về vấn đề: Tính thực tiễn của thông tin báo chí
3. Theo anh (chị) đối với nghề báo nguyên tắc nào là quan trọng nhất?
4. Theo anh (chị) làm thế nào để báo chí Việt Nam có thể hội nhập báo chí thế giới và xây dựng được thương hiệu truyền thông?

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1.1	CLO1.3	CLO2.5	CLO3.3	CLO5.1	CLO5.2	CLO5.4	CLO6.3	CLO7.1	CLO9.1	CLO9.2	CLO10.1	CLO10.2
1	X	X											
2	X	X											
3	X	X	X	X	X								
4		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5							X	X	X	X	X	X	X
6							X	X	X	X	X	X	X

2025 05 29 15:48 Phm Thanh Hoa

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1.1	CLO1.3	CLO2.5	CLO3.3	CLO5.1	CLO5.2	CLO5.4	CLO6.3	CLO7.1	CLO9.1	CLO9.2	CLO10.1	CLO10.2
Thuyết trình	X	X									X		
Phát vấn	X	X				X	X		X		X	X	
Giải quyết vấn đề				X	X	X	X	X			X		X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu			X	X	X	X	X		X		X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

[illegible]

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Hà (2012), *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB ĐHQG TP.HCM
2. E.P. Prokhorop (2004), *Cơ sở lý luận của báo chí*, tập 1 và 2, NXB Thông Tấn, Hà Nội

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm trên máy tính, Thời gian làm bài: 45')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1.1	CLO1.3	CLO2.5	CLO3.3	CLO5.1	CLO5.2	CLO5.4	CLO6.3	CLO7.1	CLO9.1	CLO9.2	CLO10.1	CLO10.2
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X	X			x	X	X		X		X	X	
Dự lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X		

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG


TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên học phần: **Pháp luật truyền thông (Law of communication)**
2. Mã số học phần: **PUR421**
3. Phân bố thời gian học tập: 2 (2/0/4) tín chỉ
4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng ☒ Đại học ☒
5. Đơn vị phụ trách học phần:
6. Loại hình học phần:
Đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Tốt nghiệp ☐
Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☐ Đồ án môn học ☐
Bắt buộc ☒ Tự chọn ☐
7. Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[1] **Competence for Technoware (CT)** - Năng lực về kỹ thuật.

CT1 (Professional knowledge and competency)

Nội dung: Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về pháp luật.

Biểu hiện: Hiểu được qui trình và cách truyền thông.

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[2] **Competence for Humanware (CH)** - Năng lực về phần con người.

CH2: Professional ethics

Nội dung: Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

Biểu hiện: Hiểu biết về các phương thức truyền thông.

CH4: Interpersonal relationships

Nội dung: Ứng dụng kiến thức đã học để xây dựng và quản trị truyền thông.

Biểu hiện:

- Xây dựng các mối quan hệ cần thiết cho công việc như quan hệ với nhân viên, nhà đầu tư, giới truyền thông, đối tác, khách hàng, các cơ quan hữu quan...
- Có năng lực đảm nhận công việc truyền thông cho doanh nghiệp.

CI1: Learning ability

Nội dung: Khả năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến hoạt động truyền thông.

Biểu hiện: Xác định vấn đề cần thiết, thu thập và xử lý thông tin, chọn lọc những thông tin quan trọng và phù hợp để đưa vào kế hoạch truyền thông.

CI2: Communication competency

Nội dung: Năng lực thể hiện khả năng giao tiếp, ứng xử tốt.

Biểu hiện: Kỹ năng thuyết trình, diễn đạt ý tưởng.

- Giao tiếp tốt, ứng xử nhân văn với khách hàng, giới truyền thông...

[4] Competence for Orgaware (CO) - Năng lực về nhận thức tổ chức, thể chế.

CO4: Problem solving

Nội dung: Trang bị những kiến thức và kinh nghiệm để nhận định, đánh giá và xử lý các vấn đề phát sinh trong công việc.

Biểu hiện: Nhận biết rủi ro và hạn chế những điều có thể xảy ra ở mức thấp nhất trong việc truyền thông.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản:

Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về pháp luật; quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí-xuất bản (những nguyên tắc cơ bản, bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí-xuất bản); pháp luật về báo chí (cơ quan báo chí- các loại hình, nhiệm vụ và quyền hạn; nhà báo, cộng tác viên – nhiệm vụ và quyền hạn); pháp luật về xuất bản (hệ thống pháp luật điều chỉnh về xuất bản, quyền và nghĩa vụ công dân đối với hoạt động xuất bản, quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản).

Môn học cũng đề cập đến vấn đề quyền tác giả, sở hữu trí tuệ (qui chế bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao quyền sở hữu tác phẩm...) và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí-xuất bản.

2. Nội dung giới thiệu thêm:

- Thảo luận nhóm qua các bài đọc của giảng viên.
- Nghiên cứu thêm các bài viết trên các báo, trên đài phát thanh – truyền hình do giảng viên giới thiệu.

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

Chương	Nội dung	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1.	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ VÀ XUẤT BẢN	CT1, CH2
1.1	Khái niệm về quản lý và quản lý nhà nước	
1.1.1	Quản lý và quản lý nhà nước	
1.1.2	Nguyên tắc cơ bản về quản lý nhà nước	
	- Nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện hoạt động báo chí và xuất bản	
	- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa	
	- Nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương	
1.2	Bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí và xuất bản	
1.2.1	Hệ thống chính trị	
1.2.2	Bộ máy nhà nước	
1.2.3	Cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí và xuất bản	
1.2.4	Quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí và xuất bản	
Chương 2.	PHÁP LUẬT VỀ BÁO CHÍ	CT1
A	CƠ QUAN BÁO CHÍ	
1.1	Khái niệm	
1.2	Điều kiện và thủ tục thành lập cơ quan báo chí	

4.3	Tác giả - chủ sở hữu – người sử dụng – người hưởng thụ	
	- Định nghĩa pháp lý của từng chủ thể	
	- Địa vị pháp lý của từng chủ thể trong hoạt động văn học – nghệ thuật	
4.4	Quy chế bảo hộ quyền tác giả	
	- Tác phẩm được bảo hộ và không được bảo hộ	
	- Quyền của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả	
	- Thời hạn bảo hộ	
	- Thủ tục bảo hộ	
4.5	Chuyển giao quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm	
	- Chuyển giao theo hợp đồng	
	- Chuyển giao theo pháp luật	
Chương 5.	TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ VÀ XUẤT BẢN	
5.1	Khái niệm	
	- Trách nhiệm pháp lý	
	- Trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí và xuất bản	
	- Bốn loại trách nhiệm pháp lý tương ứng với bốn loại vi phạm pháp luật	
5.2	Vi phạm kỷ luật và trách nhiệm kỷ luật	
	- Vi phạm kỷ luật	
	- Trách nhiệm kỷ luật đối với nhà báo	
5.3	Vi phạm dân sự và trách nhiệm dân sự	
	- Vi phạm dân sự	
	- Trách nhiệm dân sự đối với cơ quan báo chí và nhà báo	
5.4	Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính	

	- Vi phạm hành chính	
	- Trách nhiệm hành chính đối với cơ quan báo chí và nhà báo	
5.5	Tội phạm hình sự và trách nhiệm hình sự	
	- Tội phạm hình sự	
	- Trách nhiệm hình sự đối với người quản lý cơ quan báo chí và nhà báo	
Chương 6.	HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, CUNG CẤP SỬ DỤNG THÔNG TIN TRÊN TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ & MẠNG XÃ HỘI	
6.1	Khái niệm	
	- Mạng xã hội	
	- Trang thông tin điện tử	
6.2	Quy chế quản lý và hoạt động trang thông tin điện tử	
6.3	Quản lý thông tin mạng xã hội & Những hành vi vi phạm pháp luật	

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

STT	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp	30
2	Thảo luận, bài tập nhóm	15
3	Tự học ngoài lớp	60

2. Tỉ trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số buổi tham dự học/tổng số buổi	10%
2	Điểm bài tập nhóm	Thuyết trình	30%
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Thi viết/ bài tập	10%
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết tự luận (60 phút) - Bắt buộc dự thi	50%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

TT	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1				

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Về trình độ tối thiểu: Thạc sỹ
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Báo chí, Truyền thông.

2. Đối với người học:

Các học phần học trước: *Không*

Trách nhiệm của sinh viên: Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập cá nhân và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Thực hiện bài thuyết trình, kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Tài liệu tham khảo:

STT	Thông tin về tài liệu
1	Bài giảng của giảng viên (slides bài giảng)
2	Vụ công tác lập pháp, Những nội dung cơ bản của Luật báo chí năm 2004, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005
3	Claudia Mast, Truyền thông đại chúng – Những kiến thức cơ bản, Nxb Thông tin, Hà Nội, 2003
	Tài liệu tham khảo chính
1	Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang, Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1995
2	Hà Minh Đức (chủ biên), Báo chí - những vấn đề lý luận và thực tiễn (T.2), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996

3	Vụ Báo chí – Bộ Văn hoá -Thông tin, Các quy định pháp lý về báo chí, Hà Nội, 1998
4	Luật báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004
5	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật báo chí, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999
6	Các quy định pháp luật về hoạt động quảng cáo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000
7	Luật xuất bản và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999
8	Quy định của nhà nước về hoạt động và quản lý văn hoá thông tin, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2003
9	Các sách in các văn bản liên quan đến: Luật báo chí và xuất bản, về xử phạt hành chính, xử lý hình sự, quyền tác giả...

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DUONG MỸ THAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tâm lý học Truyền thông và giao tiếp
- Mã học phần: MMC304
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 39
 - Thực hành: 6

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Thủy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội – Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0985966072
- Email: thuyntb@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hồng Thái
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội – Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0908272840
- Email: thaiph@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về: truyền thông và giao tiếp, chức năng của truyền thông và giao tiếp, một số nguyên tắc trong giao tiếp để truyền thông hiệu quả,... Hiểu biết các lý luận qua truyền thông, giao tiếp hằng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông bằng ngôn ngữ và truyền thông không lời, các dạng truyền thông,... từ đó vận dụng hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về kỹ năng lắng nghe, diễn đạt, đặt câu hỏi, thương lượng, từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả trong học tập, nghề nghiệp sau này.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, vai trò của truyền thông và giao tiếp
4.1.2	CLO2	Phân tích, đánh giá tình huống, từ đó sử dụng hiểu biết về tâm lý, phương tiện truyền thông, nguyên tắc giao tiếp để ứng xử trong một số các tình huống thường gặp trong công tác chuyên môn
4.1.3	CLO3	Vận dụng mô hình truyền thông, các dạng truyền thông hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp của bản thân
4.1.4	CLO4	Đánh giá và lựa chọn phong cách giao tiếp và kỹ năng truyền thông phù hợp tại môi trường nghề nghiệp
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO5	Thực hành các tình huống truyền thông bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, từ đó giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, ngôn ngữ cơ thể,...
4.2.2	CLO6	Áp dụng tri thức về truyền thông và giao tiếp vào việc rèn luyện bản thân (diễn đạt, lắng nghe, đặt câu hỏi, thương lượng,...) để giao tiếp hiệu quả trong quá trình học tập, trong công việc sau này
4.2.3	CLO7	Ứng xử phù hợp các vấn đề, tình huống trong môi trường học tập và công việc sau này
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO8	Tôn trọng con người, tôn trọng sự khác biệt trong tâm lý con người khi truyền thông và giao tiếp
4.3.2	CL09	Thể hiện năng lực, nguyên tắc giao tiếp phù hợp trong kết nối nhóm, tập thể hoạt động nghề nghiệp

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO6	PLO7	PLO8	PLO10	PLO11
CLO1	X							
CLO2	X	X						
CLO3		X						X
CLO4		X	X					
CLO5				X		X		
CLO6					X	X	X	
CLO7						X	X	
CLO8							X	
CLO9							X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tâm lý học truyền thông và giao tiếp, nhằm giúp người học rèn luyện bản thân, sử dụng các tri thức đã học để giao tiếp, truyền thông hiệu quả trong quá trình học tập, trong cuộc sống và công việc sau này. Người học được giới thiệu cơ bản về: Khái niệm truyền thông và giao tiếp, chức năng của truyền thông và giao tiếp, mô hình truyền thông trong giao tiếp, các yếu tố tác động đến quá trình truyền thông, phương tiện truyền thông, nguyên tắc giao tiếp và phong cách giao tiếp. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số kỹ năng giao tiếp và truyền thông trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp sau này.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Khái quát chung về tâm lý học truyền thông và giao tiếp
1.1.	Khái niệm truyền thông và giao tiếp
1.2.	Chức năng của truyền thông và giao tiếp
1.3.	Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học truyền thông và giao tiếp
1.4	Phân loại giao tiếp
1.5	Một số phương pháp nghiên cứu tâm lý học truyền thông và giao tiếp
Chương 2	Truyền thông như một tiến trình
2.1.	Mô hình truyền thông
2.2	Các dạng truyền thông

2.3.	Các yếu tố tác động đến quá trình truyền thông
2.2.1.	Hiểu về chính mình
2.2.2.	Hiểu về người khác
2.2.3.	Các yếu tố tương tác nhóm
Chương 3	Phương tiện truyền thông
3.1.	Ngôn ngữ trong truyền thông
3.2.	Truyền thông phi ngôn ngữ
Chương 4	Nguyên tắc giao tiếp
4.1.	Khái niệm nguyên tắc giao tiếp
4.2.	Nguyên tắc cơ bản khi truyền đạt thông tin
4.3.	Một số nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp
Chương 5	Phong cách giao tiếp
5.1.	Khái niệm phong cách giao tiếp
5.2.	Đặc trưng của phong cách giao tiếp
5.3.	Các loại phong cách giao tiếp
5.4.	Một vài đặc điểm trong phong cách giao tiếp của người Việt
Chương 6	Một số kỹ năng truyền thông giao tiếp
6.1.	Lắng nghe
6.2.	Diễn đạt
6.3	Đặt câu hỏi
6.4	Thương lượng

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học phân tích các thông điệp truyền thông qua hình ảnh, clip, quan sát phi ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Khái quát chung về tâm lý học truyền thông và giao tiếp	3	2	0	5
2	Truyền thông như một tiến trình	6	3	1	10
3	Phương tiện truyền thông	6	2	2	10
4	Nguyên tắc giao tiếp	3	2	0	5
5	Phong cách giao tiếp	3	2	0	5
6	Một số kỹ năng truyền thông giao tiếp	5	2	3	10
Tổng		26	13	6	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN

1. Vai trò của giao tiếp đối với hoạt động nghề nghiệp của ngành Truyền thông đa phương tiện.
2. Chúng ta cần chú ý gì để quá trình truyền thông và giao tiếp diễn ra hiệu quả trong cuộc sống, học tập và công việc?
3. Tầm quan trọng của việc sử dụng đúng phương tiện truyền thông.
4. Vận dụng các kỹ năng giao tiếp và truyền thông như thế nào cho hiệu quả?

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
1	X							X	X
2	X		X				X	X	X
3		X	X		X			X	
4		X	X		X		X		X
5			X	X		X	X		X
6				X	X	X		X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Thuyết trình

- Phát vấn
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Phân tích tình huống
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X	X	X	X		X		X	X
Phát vấn	X	X		X	X	X			
Đọc và tóm lược tài liệu	X		X	X	X			X	X
Phân tích tình huống		X		X		X	X	X	X
Động não nhanh		X	X		X		X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình	X	X	X	X		X		X	X
Làm việc nhóm	X	X	X	X	X		X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu	X		X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).

- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Tâm lý học giao tiếp (2015), Huỳnh Văn Sơn, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP.HCM.
- Tâm lý học nói gì về truyền thông và xã hội (2020), Ciarán McMahon, NXB Thế giới.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể (2015), Lê Huy Lâm (dịch), NXB Tổng hợp TP.HCM.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Thi (Hình thức: Tự luận, Thời gian làm bài: 45') + Thuyết trình	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Tự luận, Thời gian làm bài: 90')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết trình		X	X		X		X	X	X
Tự luận	X	X	X	X		X	X	X	
Dự lớp	X	X	X			X	X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG


TS. DUƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Văn học ứng dụng (Dành cho ngành Truyền thông Đa phương tiện)
- Mã học phần: MMC305
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành:

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội và Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918807812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử văn học, lý luận văn học, phê bình văn học và đời sống văn học trong thời đại Multimedia.

CLO3		X							X		
CLO4			X	X					X		
CLO5					X	X	X		X		
CLO6								X			
CLO7									X		
CLO8										X	
CLO9										X	
CLO10										X	
CLO11											X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học bao gồm 04 chương, trình bày các kiến thức tổng quan về mối quan hệ giữa văn học và Multimedia, văn học mạng, công chúng mới. Bên cạnh đó, môn học gợi ý những ứng dụng những ưu thế của Multimedia vào quảng bá văn học.

6. Nội dung chi tiết của học phần

Chương	Nội dung
Chương 1.	Văn học trong mối quan hệ với thiết chế Truyền thông đa phương tiện (Multimedia)
1.1.	Thời đại chế ngự của thiết chế Multimedia
1.2.	Văn học Multimedia hóa
Chương 2.	Văn học mạng/máy tính hiện nay
2.1.	Công nghệ hóa, số hóa tác phẩm văn học
2.2.	Một số xu hướng chính của văn học mạng
Chương 3.	Độc giả/Công chúng mới
3.1.	Sự thay đổi cách đọc truyền thống và cách đọc mới
3.2.	Một số xu hướng đọc/tương tác/phản hồi của người đọc/công chúng hiện nay
Chương 4	Ứng dụng Multimedia vào quảng bá văn học

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
1	x	x					x				x
2	x	x		x			x				

Làm việc nhóm		X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
 - Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu phục vụ cho học phần

9.1. Tài liệu bắt buộc

- Phan Anh Tuấn. (2020). *Những khu vực văn học ngoại biên*. Hà Nội: Hội Nhà văn
- Hồ Thị Hồng Hà. (2018). *Giáo trình văn học ứng dụng dành cho ngành Quan hệ công chúng*. Tp.HCM: Đại học Quốc gia Tp.HCM.
- Takashi Saito. (2021). *Nơi chỉ có người đọc mới có thể chạm tới*. Nguyễn Quốc Vương dịch. Hà Nội: Phụ nữ Việt Nam.

9.2. Tài liệu tham khảo

- Philippe Breton và Serge Proulx. (1996). *Bùng nổ truyền thông – sự ra đời một ý thức hệ mới*. Hà Nội: Văn hóa.
- Nguyễn Văn Dân. (2020). *Văn hóa – văn học dưới góc nhìn liên không gian*. Hà Nội: Thế giới.

10. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm kết thúc học phần:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Kết thúc học phần	Ấn phẩm (báo cáo)	100%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DUƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên học phần: **Nghiên cứu thị trường (Marketing Research)**
2. Mã số học phần: **PUR439**
3. Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/4) tín chỉ
4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng ☐ Đại học ☒
5. Đơn vị phụ trách học phần:
6. Loại hình học phần:
Đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Tốt nghiệp ☒
Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☐ Đồ án môn học ☐
Bắt buộc ☐ Tự chọn ☒
7. Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[1] Competence for Technoware (CT) - Năng lực về kỹ thuật.

CT1 (Professional knowledge and competency)

Nội dung: Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản để sinh viên có thể viết bài báo cáo về nghiên cứu thị trường.

Biểu hiện: Hiểu được quy trình và các phương pháp cần thiết cho nghiên cứu thị trường.

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[2] Competence for Humanware (CH) - Năng lực về phần con người.

CH2: Professional ethics

Nội dung: Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

Biểu hiện: Hiểu biết đạo đức của người làm công tác nghiên cứu thị trường.

CH4: Interpersonal relationships

Nội dung: Ứng dụng kiến thức đã học để xây dựng và quản trị các mối quan hệ.

Biểu hiện:

- Xây dựng các mối quan hệ cần thiết cho công việc như quan hệ với nhân viên, doanh nghiệp, đối tác, khách hàng, các cơ quan hữu quan...
- Có năng lực đảm nhận công tác khảo sát, nghiên cứu thị trường.

CI1: Learning ability

Nội dung: Khả năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến công tác nghiên cứu thị trường.

Biểu hiện: Xác định vấn đề cần thiết, thu thập và xử lý thông tin, chọn lọc những thông tin quan trọng và phù hợp để đưa vào nội dung bản nghiên cứu.

CI2: Communication competency

Nội dung: Năng lực thể hiện khả năng giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm tốt.

Biểu hiện: Kỹ năng thuyết trình, diễn đạt ý tưởng, làm việc nhóm hiệu quả.

- Giao tiếp tốt, ứng xử nhân văn với khách hàng, công ty...

[4] Competence for Orgaware (CO) - Năng lực về nhận thức tổ chức, thể chế.

CO4: Problem solving

Nội dung: Trang bị những kiến thức và kinh nghiệm để nhận định, đánh giá và xử lý các vấn đề phát sinh trong công việc.

Biểu hiện: Nhận biết rủi ro và hạn chế những điều có thể xảy ra ở mức thấp nhất cho một bài báo cáo nghiên cứu.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Nghiên cứu thị trường trên các lĩnh vực khác nhau: marketing, quản trị truyền thông – PR, văn hóa tổ chức doanh nghiệp và xã hội, nghiên cứu về giới trẻ, nghiên cứu người lao động và nghiên cứu về sự hài lòng của khách hàng. Nhận biết được nghiên cứu thị trường bao gồm những vấn đề gì và cách thức tiến hành một nghiên cứu. Thực hiện một đề xuất nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu và biết các phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu. Biết soạn thảo và thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. Chọn lựa các phương pháp thu thập thông tin và xử lý dữ liệu phù hợp. Giải thích được ý nghĩa của kết quả nghiên cứu. Sinh viên được yêu cầu rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc nhóm. Sau khóa học sinh viên có thể nắm vững qui trình, các phương pháp cần thiết cho việc nghiên cứu thị trường và chuẩn bị cho một bài báo cáo kết quả nghiên cứu.

2. Nội dung giới thiệu thêm:

- Thảo luận nhóm qua các chủ đề gợi ý của giảng viên.
- Nghiên cứu thêm các đề tài, dự án nghiên cứu thị trường do giảng viên giới thiệu.

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

Chương	Nội dung	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1.	Tổng quan về nghiên cứu thị trường	
Chương 2.	Quy trình nghiên cứu thị trường	
Chương 3.	Nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng	
Chương 4.	Báo cáo kết quả nghiên cứu	

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

STT	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp	30
2	Thảo luận, bài tập nhóm	15
3	Tự học ngoài lớp	60

2. Tỉ trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số buổi tham dự học/tổng số buổi.	10%
2	Điểm bài tập nhóm	Thuyết trình.	30%
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Thi viết/ bài tập.	10%
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết tự luận/trắc nghiệm (60 phút). - Bắt buộc dự thi.	50%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

TT	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1				

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy

- Về trình độ tối thiểu: Thạc sĩ
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Xã hội học, Marketing, Quản trị kinh doanh.

2. Đối với người học:

Các học phần học trước: *Không*

Trách nhiệm của sinh viên: Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập cá nhân và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Thực hiện bài thuyết trình, kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Tài liệu tham khảo:

Stt	Thông tin về tài liệu
1	Marketing Research - A problem solving approach, Seymour Sudman & Edward Blair, Mc Graw Hill, 1999
	Tài liệu tham khảo
2	Nghiên cứu thị trường, Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang, NXB Đại học quốc gia, 2007
3	Cẩm nang nghiên cứu thị trường (Market Research Handbook), ESOMAR, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2010
4	Tương lai của Quảng cáo và Tiếp thị, Christopher Vollmer & Geoffrey Precourt, NXB Thời đại, 2000

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Báo cáo chuyên đề Truyền thông Đa phương tiện
- Mã học phần: MMC303
- Số tín chỉ: 1
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 15, trong đó:
 - Lý thuyết: 15
 - Thực hành:

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh

- Chức danh, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội và Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918807812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nền tảng ứng dụng công nghệ máy tính, công nghệ thông tin về các hoạt động truyền thông, sự kiện, Media.

- Cung cấp cho người học cơ hội tiếp cận với các chương trình thực tế, vận dụng các kiến thức chuyên sâu để giải quyết các chương trình đó.
- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, trình bày vấn đề, kỹ năng làm báo cáo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, công nghệ thông tin vào ứng dụng công nghệ sáng tạo và cá hoạt động truyền thông
4.1.2	CLO2	Áp dụng các ứng dụng kỹ thuật, nghiệp vụ, mô hình vào hoạt động Truyền thông Đa phương tiện
4.1.3	CLO3	Thực hiện, vận hành được ấn phẩm cụ thể trong thực tế
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO4	Có khả năng lên ý tưởng, viết kịch bản, thiết kế cho một ấn phẩm truyền thông cụ thể
4.2.2	CLO5	Có khả năng biên tập và dàn dựng một sản phẩm hoàn chỉnh trong một chiến lược truyền thông
4.2.3	CLO6	Sử dụng tích hợp ngôn ngữ thuộc nhóm ngành truyền thông- đa phương tiện, ứng xử phù hợp trong môi trường năng động đa văn hóa, đa ngôn ngữ
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO7	Truyền cảm hứng sáng tạo trong môi trường làm việc năng động
4.3.2	CLO8	Đóng góp cho xã hội những sản phẩm truyền thông có giá trị, góp phần thúc đẩy sự phát triển của truyền thông cũng như khoa học và kỹ thuật
4.3.3	CLO9	Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp
4.3.4	CLO10	Có thói quen học tập suốt đời.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
CLO1	X										
CLO2		X							X		
CLO3			X	X					X		

CLO4					X				X		
CLO5						X	X		X		
CLO6								X			
CLO7											X
CLO8										X	
CLO9										X	
CLO10											X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học bao gồm 03 chương, trình bày các kiến thức tổng quan về công nghệ truyền thông và sáng tạo/thực hiện 01 ấn phẩm truyền thông và báo cáo sản phẩm. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng lên ý tưởng, viết kịch bản, nhận biết xu thế truyền thông

6. Nội dung chi tiết của học phần

Chương	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về công nghệ truyền thông thế kỷ XXI
1.1.	Tổng quan
1.2.	Những đặc điểm nổi bật
Chương 2.	Sáng tạo ấn phẩm truyền thông
2.1.	Việc lên ý tưởng
2.2.	Cách thức thực hiện
Chương 3.	Báo cáo ấn phẩm truyền thông

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
1	x	x								
2	x	x	x	x	x	x				
3							x	x	x	x
4			x	x	x	x	x	x	x	

6. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình tích cực
- Giải quyết vấn đề
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Đọc và tóm tắt nội dung tài liệu	X	X	X					X		X
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X				
Thuyết trình tích cực							X	X	X	X

7. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết trình	X	X	X	X	X				X	
Làm việc nhóm		X	X	X	X	X			X	
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X	X	X	X		X

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành bài báo cáo kết thúc học phần.

9. Tài liệu phục vụ cho học phần

9.1. Tài liệu bắt buộc

- Nguyễn Thị Trường Giang. (2016). *Giáo trình Lý thuyết và kỹ năng báo mạng điện tử*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Thị Trường Giang (chủ biên). (2017). *Báo chí truyền thông đa phương tiện*. Hà Nội: Đại học quốc gia Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

- Hồ Thị Hồng Hà. (2018). *Giáo trình văn học ứng dụng dành cho ngành Quan hệ công chúng*. Tp.HCM: Đại học Quốc gia Tp.HCM.
- Philippe Breton và Serge Proulx. (1996). *Bùng nổ truyền thông – sự ra đời một ý thức hệ mới*. Hà Nội: Văn hóa.

10. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm kết thúc học phần:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Kết thúc học phần	Ấn phẩm (báo cáo)	100%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên học phần: Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện (Field trips)

2. Mã số học phần: MMC306

3. Phân bố thời gian học tập: 3 (00/03/03) tín chỉ

4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng ☒ Đại học ☒

5. Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Xã hội – Truyền thông

6. Loại hình học phần:

Đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Tốt nghiệp ☐

Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☒ Đồ án môn học ☐

Bắt buộc ☒ Tự chọn ☐

7. Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần

CT3: Năng lực hiểu biết về các lý thuyết, mô hình truyền thông, pháp luật về báo chí và truyền thông trong các hoạt động truyền thông.

Nội dung: Sinh viên có kiến thức và hiểu biết về các lý thuyết, mô hình truyền thông, pháp luật về báo chí và truyền thông trong các hoạt động truyền thông. Áp dụng các kiến thức về pháp luật trong quá trình triển khai, thực hiện và quảng bá các hoạt động về truyền thông.

Biểu hiện:

- Hiểu về lý thuyết, mô hình truyền thông;
- Hiểu về pháp luật của báo chí và truyền thông;
- Có khả năng vận dụng kiến thức về pháp luật trong quá trình triển khai, thực hiện và quảng bá các hoạt động về truyền thông.

CT4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức của lĩnh vực báo chí và truyền thông trong việc tạo ra một sản phẩm báo chí đa phương tiện, đánh giá được hiệu quả tác động của báo chí đa phương tiện đối với xã hội.

Nội dung: Sinh viên được trang bị kiến thức về lĩnh vực truyền thông báo chí, vận dụng được những kiến thức đã học để tạo ra một sản phẩm báo chí đa phương tiện.

Biểu hiện:

- Nắm được các kỹ năng cơ bản trong vấn đề trình bày một sản phẩm báo chí đa phương tiện, nắm các loại hình báo chí cơ bản hiện nay;
- Nắm được nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác truyền thông và báo chí;
- Biết vận dụng kiến thức đã học để thực hiện công tác truyền thông.
- Đánh giá được hiệu quả tác động của báo chí đa phương tiện khi đăng tải trên các phương tiện truyền thông.

CT5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về thiết kế, phát triển, vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo từng lĩnh vực cụ thể.

Nội dung: Sinh viên có kiến thức và hiểu biết về thiết kế một sản phẩm truyền thông hoàn chỉnh, xây dựng dự án và phát triển dự án truyền thông cho các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau.

Biểu hiện:

- Thực hiện được các quy trình của việc tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện như thiết kế Web, xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, quay phim và dựng phim, xử lý hậu kỳ; thiết kế thông điệp và hình ảnh, chụp ảnh, thiết kế và biên tập sản phẩm quảng cáo; video marketing.
- Thực hiện sự điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

CI2: Năng lực sử dụng tin học thể hiện ở việc sử dụng công nghệ hiện đại phục vụ tốt công tác quản lý và phát triển các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

Nội dung: Được trang bị các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại trong việc thiết kế để tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh.

Biểu hiện:

- Sử dụng CNTT trong quá trình tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;
- Sử dụng tích hợp các công nghệ hiện đại vào việc quản lý các hoạt động của sản phẩm truyền thông đa phương tiện;
- Sử dụng CNTT lưu trữ và truy xuất dữ liệu về quản lý và truyền thông;

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần

CI5: Năng lực làm việc nhóm

Nội dung: Có kiến thức điều hành, phân công và hỗ trợ trong quá trình làm việc với các nhóm cụ thể.

Biểu hiện:

- Có kiến thức thành lập nhóm;
Có phong cách làm việc chuyên nghiệp, biết cách xử lý tình huống nhóm;
Thích nghi, tôn trọng sự khác biệt về văn hóa;
- Trung thực, hết mình vì lợi ích chung của cơ sở lao động và lợi ích chính đáng của cá nhân người lao động;
Biết đoàn kết, tôn trọng, học hỏi và hợp tác trong quan hệ với đồng nghiệp;
- Kỹ năng xử lý xung đột nhóm;
Kỹ năng thiết lập quan hệ với các thành viên trong nhóm;
- Kỹ năng làm việc trong nhóm nhỏ và nhóm lớn.

CO2. Lập kế hoạch và triển khai các hoạt động nghề nghiệp tại các đơn vị truyền thông

Nội dung: Sinh viên có khả năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai các dự án truyền thông đa phương tiện liên quan tới doanh nghiệp mà mình tham gia.

Biểu hiện:

- Xây dựng được kế hoạch hoạt động phù hợp với từng lĩnh vực truyền thông;
- Tổ chức được các hoạt động truyền thông cụ thể từ kế hoạch tại doanh nghiệp;
- Quản lý các hoạt động truyền thông đang được triển khai;
- Biết liên kết phối hợp với các tổ chức xã hội khác trong quá trình triển khai các lĩnh vực truyền thông.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (*chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy*):

- Kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên trải nghiệm kiến thức thực tế của người làm công tác ở bộ phận quảng bá thương hiệu, quan hệ khách hàng, tổ chức - cung cấp thông tin, nhân viên marketing, quảng cáo, viết báo, sản xuất và phát hành các sản phẩm báo chí, tổ chức sự kiện, viết kịch bản, thiết kế website, phát thanh viên, biên tập viên, PR, tiếp thị số, thiết kế và quản trị dự án truyền thông đa phương tiện.

- **Kỹ năng:** Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện cơ bản các khả năng tổ chức, phân công và triển khai các hoạt động chuyên môn phục vụ hoạt động truyền thông: báo chí, quảng cáo, tổ chức các sự kiện, tổ chức họp báo, tuyên truyền đối ngoại, kỹ năng xây dựng chiến lược truyền thông, quản lý khủng hoảng truyền thông, quan hệ công chúng, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng làm việc nhóm

- **Thái độ, chuyên cần:** Giúp sinh viên nhận thức được thái độ đối với vấn đề chuyên môn; ý thức, trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuyên cần trong nghề nghiệp; thái độ phục vụ;

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Mục tiêu học phần: nhằm mục đích hoàn thiện những kiến thức lý thuyết, là bước chuyển tiếp giữa thế giới học đường và môi trường làm việc thực sự, là cơ hội để sinh viên tiếp cận với thực tế và thực hành những gì mình đã học, qua việc được giao phụ trách một số nhiệm vụ, công việc nào đó của một nhân viên tại nơi thực tập, đồng thời tạo được những quan hệ mới, biết cách làm việc trong một tập thể đa dạng.

Sinh viên thực hiện và làm những công việc như: Tổ chức sự kiện, đối ngoại, truyền thông, báo chí, thiết kế Web, chụp ảnh, quay phim và dựng phim,, thiết kế và biên tập sản phẩm quảng cáo, biên tập tác phẩm...

Sinh viên tham gia trải nghiệm nghề nghiệp tại doanh nghiệp thuộc lĩnh vực truyền thông, tổ chức sự kiện, báo chí, hoặc các công ty có bộ phận đối ngoại, truyền thông, các công ty quảng cáo, các công ty công nghệ thông tin về truyền thông...

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

Nội dung chi tiết (theo chương, bài, mục chi tiết cấp 1)	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1. Tổng quan về công ty truyền thông thực tập cơ sở 1.1. Lịch sử hình thành 1.2. Cơ cấu tổ chức	CT3, CI5, CO2
Chương 2. Trải nghiệm tại các bộ phận dịch vụ, phòng ban và các đơn vị chức năng 2.1. Huấn luyện bộ phận Sự kiện 2.2. Huấn luyện bộ phận Truyền thông 2.3. Huấn luyện bộ phận Thiết kế & Media 2.4. Huấn luyện bộ phận sale & Marketing 2.5. Huấn luyện bộ phận nhân sự	CT3, CT4, CT5, CI2, CI5, CO2

2.6. Huấn luyện các bộ phận dịch vụ bổ sung	
Chương 3. Giao lưu với CB-CNV 3.1. Giao lưu kinh nghiệm xử lý tình huống của nhân viên 3.2. Giao lưu kinh nghiệm tổ chức truyền thông, xử lý khủng hoảng truyền thông của các trường bộ phận 3.3. Giao lưu kinh nghiệm về hoạch định, chiến lược truyền thông của Ban giám đốc	CT3, CT4, CT5, CI2, CI5, CO2

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

Tt	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp, phòng thí nghiệm/thực hành (có giảng viên)	<0>
2	Rèn kỹ năng trên lớp, phòng thí nghiệm/thực hành (có giảng viên hướng dẫn)	<10>
3	Tự học ngoài lớp (theo nội dung được giảng viên yêu cầu và nộp kết quả cho giảng viên. Ví dụ: bài tập về nhà, báo cáo thu hoạch, bài thuyết trình ...)	<50>
4	Tự nghiên cứu và viết báo cáo (có giảng viên hướng dẫn)	<30>

2. Tỷ trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

Tt	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%
2	Quá trình tham gia	- Mức độ tham gia tại đơn vị thực hành, đóng góp vào kết quả công việc tại cơ sở thực tập.	30%
3	Báo cáo cá nhân	Dựa trên dữ liệu và kiến thức thu thập được từ đơn vị tham gia thực tập, mỗi sinh viên thực hiện một báo cáo.	60%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

Tt	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1				

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy (cơ hữu, thỉnh giảng):

- Về trình độ tối thiểu: Thạc sĩ
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Quan hệ công chúng, truyền thông, báo chí

2. Đối với người học:

Các học phần tiên quyết: Không

Các học phần học trước:

3. Tài liệu tham khảo:

Tt	Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1	Nguyễn Văn Hà, <i>Cơ sở lý luận báo chí</i> , Nxb ĐHQG TP.HCM, 2012	
2	Nguyễn Thị Trường Giang, <i>Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo</i> , Nxb Chính trị - Hành chính quốc gia, 2011	
3	Nguyễn Thị Trường Giang, <i>Lý thuyết và kỹ năng báo mạng điện tử</i> , Nxb Chính trị quốc gia, 2016	
4	Nguyễn Thị Trường Giang, <i>Báo chí truyền thông đa phương tiện</i> , Nxb quốc gia Hà Nội, 2017	
5	Philippe Breton - Serge Proulx, <i>Bùng nổ truyền thông, sự ra đời một ý thức hệ mới</i> , Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1996	
6	Tạ Ngọc Tấn, <i>Truyền thông đại chúng</i> , Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỜNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kỹ Thuật Audio – Video
- Mã học phần: MMC407
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 60 %
 - Thực hành: 40 %

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phan Nguyễn Vĩnh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Điện ảnh – Truyền hình - Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0986.579.090
- Email: pnvinhvttv@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đỗ Hoàng Phố
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Thiết kế Nghệ thuật - Trường Đại học Hoa Sen
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về máy quay, các thiết bị phụ trợ và kỹ thuật quay.

- Cung cấp những kiến thức và kỹ năng để người học có khả năng vận hành, bảo trì, sửa chữa, phân tích, tính toán, thiết kế các mạch điện tử, máy thu phát và xử lý tín hiệu trong hệ thống audio/video.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để tính toán các thông số, thực hiện các kỹ thuật mã hóa tín hiệu audio/video số; Hiểu về nguyên lý truyền hình kỹ thuật số và phương pháp điều chế OFDM

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	- Mô tả được cấu trúc của ống kính; các vòng điều chỉnh ống kính; - Mô tả được cấu trúc thân máy; các phím nút điều chỉnh;
4.1.2	CLO2	Phân biệt được các đường kết nối tín hiệu, nguồn điện cho máy quay;
4.1.3	CLO3	- Giải thích được thông số tín hiệu audio trên máy quay: số kênh tiếng, tần số lấy mẫu, mức âm lượng; - Phân biệt được các cổng in/out tín hiệu audio vào máy quay: XLR, giắc 3.5, giắc RCA;
4.1.4	CLO4	- Giải thích được chức năng của các phụ kiện: chân máy quay, pin, sạc, thẻ nhớ; - Giải thích được thông số tín hiệu video trên máy quay: độ phân giải, tần số quét, định dạng ghi hình, nhiệt độ màu, độ sáng ảnh, định dạng file ; - Phân biệt được các cổng xuất tín hiệu video của máy quay: composite, HDMI, SDI;
4.1.5	CLO5	- Đánh giá được chất lượng các thông số kỹ thuật của máy quay; - Hiểu rõ chức năng của các thiết bị phụ trợ: micro, mixer lưu động, Monitor, loa kiểm tra, ray, cầu...; - Liệt kê được qui định về nhận và trả thiết bị.
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	- Lắp ráp thành thạo: chân máy quay, pin, sạc, thẻ nhớ; - Điều chỉnh thành thạo ống kính máy quay; - Điều chỉnh thành thạo cân bằng trắng, điều chỉnh nhiệt độ màu theo ánh sáng tại nơi ghi hình; - Điều chỉnh thành thạo độ sáng của ảnh: Iris, gain, kính lọc ND;

4.2.2	CLO7	- Điều chỉnh thành thạo Shutter speed; - Điều chỉnh thành thạo âm thanh cho máy quay: số kênh tiếng, tần số lấy mẫu, mức âm lượng; - Đầu nối được tín hiệu video/ audio từ máy quay đến các thiết bị: monitor, mixer, thiết bị chuyển đổi tín hiệu;
4.2.3	CLO8	- Sử dụng được chức năng chèn logo, chữ tại Mixer lưu động; - Sử dụng phím Rec để bắt đầu ghi và dừng ghi một đúp hình;
4.2.4	CLO9	- Chẩn đoán được dung lượng pin sử dụng cho máy quay; - Chẩn đoán được dung lượng thẻ nhớ ghi hình cho máy quay; - Chẩn đoán được dữ liệu trong thẻ nhớ vừa ghi hình; - Áp dụng các qui định về vị trí và thời gian chèn logo, chữ đối với các chương trình trực tiếp; - Thực hiện đúng qui định về nhận thiết bị và trả thiết bị.
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO10	- Thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của người kỹ thuật viên; - Có ý thức tổ chức kỷ luật và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp ;
4.3.2	CL011	- Có ý thức cộng đồng, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; - Có tác phong nhanh nhẹn, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;
4.3.3	CLO12	Có tinh thần cầu thị, không ngừng học hỏi phấn đấu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X

CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho người học kiến thức về hệ thống, thiết bị và nguyên tắc xử lý tín hiệu audio-video, nguyên lý các mạch thu, phát tín hiệu video-audio; Học phần còn cung cấp cho sinh viên cách phân loại thiết bị video, audio và cách lấy ánh sáng cho phim. Ngoài ra học phần nhằm giúp người học có khả năng triển khai ứng dụng, bảo dưỡng, sửa chữa amply, radio, máy thu hình và thiết kế một số mạch điện tử thu phát thông tin.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan
1.1.	Lịch sử hình thành Audio – Video
1.2.	Xu hướng công nghệ Audio – Video
1.3.	Các thiết bị Video
1.4	Các thiết bị Audio
Chương 2	Các nguyên lý Video
2.1.	Nguyên lý màu sắc
2.2.	Nguyên lý dòng quét
2.3.	Nguyên lý Camera
Chương 3	Các nguyên lý Audio
3.1.	Các định nghĩa về âm thanh cho phim
3.2.	Các loại mic, thiết bị xử lý âm thanh thu âm ở tiền kỳ
Chương 4	Phân loại thiết bị Video
4.1.	Thiết bị cho mảng Digital Film và TVC
4.2.	Thiết bị cho mảng truyền hình
4.3.	Thiết bị cho mảng phim ngắn, Vlog
4.4.	POV Cam, Beauty Cam, Action Cam, ... camera
4.5.	Các thiết bị phụ trợ khác: Camera Crane, Dolly, Steadycam
Chương 5	Phân loại thiết bị Audio
5.1.	Các loại microphone: lavalier, hand held, rùa, boom ...

5.2.	Các thiết bị thu âm, kiểm âm
5.3.	Audio Mixer, Metter
5.4.	Audio Amplifier, Speaker Monitor, Headphone
Chương 6	Ánh sáng cho phim
6.1.	Nguyên lý ánh sáng cho phim
6.2.	Các tính chất ánh sáng
6.3	Các thiết bị ánh sáng cơ bản cho phim
Chương 7	Hệ thống dựng phim trực tiếp
7.1.	Video Switcher, Multiview
7.2.	Hệ thống liên lạc nội bộ: Intercom/Tally
7.3.	Hệ thống dựng phim trực tiếp

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân: Người học: Quay phim NỘI-NGÀY (bối cảnh trong nhà) và quay phim NGOÀI-NGÀY (ngoài trời)
6.2.2.	Bài tập nhóm - Người học: Quay phim Phóng sự truyền hình 3 phút. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Tổng quan	1			1
2	Các nguyên lý Video	2			2
3	Các nguyên lý Audio	2			2
4	Phân loại thiết bị Video	3			3
5	Thực hành các thiết bị Video		5		5
6	Phân loại thiết bị Audio	2			2
7	Thực hành các thiết bị Video		5		5
8	Ánh sáng cho phim	2			2
9	Thực hành ánh sáng cho phim		10		10
10	Hệ thống dựng phim trực tiếp	3			3

				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Tập bài giảng của môn học

11.2. Tài liệu tham khảo

Trần Văn Cang (1994), *Nghệ thuật quay phim video*, NXB Trẻ, Tp. HCM

- Trần Bảo Khanh (2000), *Quay phim truyền hình*, Phân viện báo chí tuyên truyền

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Trắc nghiệm và tự luận 90 phút)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Bài tập lớn	60%

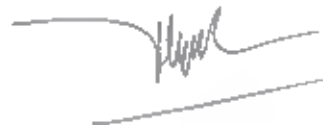
Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DUONG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên học phần: **Quảng cáo (Advertisement)**
- Mã số học phần: MAR423
- Phân bố thời gian học tập: 2 (2/1/6) tín chỉ
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng ☒ Đại học ☒
- Đơn vị phụ trách học phần:
- Loại hình học phần:
Đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Tốt nghiệp ☐
Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☐ Đồ án môn học ☐
Bắt buộc ☒ Tự chọn ☐
- Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

Nắm được những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Quảng cáo; Hiểu những công việc mà nhà quảng cáo sẽ phải làm trong hoạt động này; Biết cách lựa chọn kênh truyền thông phù hợp với từng nội dung quảng cáo; Học cách tư duy, sáng tạo trong quảng cáo; Xây dựng kịch bản quảng cáo và thực hiện mẫu quảng cáo phát trên phát thanh và truyền hình.

1. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

Sinh viên học được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quay phim, dựng phim, kỹ năng làm việc với áp lực cao và có bản lĩnh trong xử lý những tình huống nảy sinh trong công việc.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về quảng cáo (định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử của quảng cáo, vấn đề văn hóa và đạo đức trong quảng cáo); tổ chức hoạt động của phòng quảng cáo và công ty quảng cáo; đặc điểm của quảng cáo trên các phương tiện báo in, radio, truyền hình, cinema; quảng cáo ngoài trời và trên các phương tiện giao thông công cộng; các loại hình quảng cáo khác; kế hoạch sử dụng các phương tiện truyền thông cho quảng cáo; quảng cáo ở Việt Nam.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Quảng cáo và trong mối tương quan trực tiếp đến việc thực hiện các chiến lược marketing của doanh nghiệp.

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

	Nội dung chi tiết (theo chương/bài, mục chi tiết cấp 1)	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1	TỔNG QUAN VỀ QUẢNG CÁO	GC5, GC7
1.1	Định nghĩa quảng cáo	
1.2	Vai trò của quảng cáo	
1.3	Chức năng của quảng cáo	
1.4	Lịch sử của quảng cáo	
1.5	Đạo đức trong quảng cáo	
1.6	Phân loại quảng cáo	
1.7	Những vấn đề về quảng cáo hiện nay	
1.8	Giới thiệu những mẫu quảng cáo kinh điển	
Chương 2	PHÒNG QUẢNG CÁO VÀ CÔNG TY QUẢNG CÁO (Advertising Agency)	GC5, GC7
2.1	Phân biệt hai thuật ngữ Advertising và Advertiser	
2.2	Vai trò của công ty quảng cáo	
2.3	Loại hình các công ty quảng cáo	
2.4	Phương thức thanh toán	
2.5	Tổ chức phòng quảng cáo trong công ty	
2.6	Làm việc, theo dõi hoạt động của công ty quảng cáo	
Chương 3	QUẢNG CÁO ABOVE – THE - LINE	GC5, GC7
3.1	Định nghĩa Above-the-line	
3.2	Quảng cáo báo in - Cấu trúc, độc giả của báo in - Ưu điểm, khuyết điểm của báo in trong quảng cáo	

	- Thẻ loại quảng cáo báo in - Phân tích lượng phát hành	
3.3	Quảng cáo Radio - Cấu trúc, độc giả của Radio - Ưu điểm, khuyết điểm của Radio trong quảng cáo - Phân tích Radio Rating	
3.4	Quảng cáo Truyền hình - Cấu trúc, độc giả của truyền hình - Ưu điểm, khuyết điểm của truyền hình trong quảng cáo - Hình thức quảng cáo trên truyền hình - Hệ thống Rating-points	
3.5	Quảng cáo Cinema - Đặc điểm khán giả Cinema - Ưu điểm, khuyết điểm của Cinema trong quảng cáo	
3.6	Quảng cáo ngoài trời và các phương tiện giao thông công cộng - Phân biệt quảng cáo ngoài trời và quảng cáo trên các phương tiện giao thông công cộng (PTGTCC) - Tầm quan trọng của quảng cáo ngoài trời và quảng cáo trên PTGTCC - Đặc điểm của quảng cáo ngoài trời và quảng cáo trên PTGTCC - Ưu điểm và khuyết điểm của quảng cáo ngoài trời và quảng cáo trên PTGTCC	
3.7	Quảng cáo Internet	
3.8	Giới thiệu những mẫu quảng cáo kinh điển	
Chương 4	QUẢNG CÁO BELOW - THE - LINE	GC5, GC7
4.1	Định nghĩa Quảng cáo Below-the-line	
4.2	Tầm quan trọng của Quảng cáo Below-the-line	
4.3	Loại hình Quảng cáo Below-The-Line - POS - Quảng cáo trên lịch - Quảng cáo trên sách - Quảng cáo trên túi xách - Stickers - CD, CD roms - Paper-clips - Playing cards - Give-aways - Paper clips - Bookmatchs	
4.4	Khuynh hướng quảng cáo Below-The-Line trong tương lai	
4.5	Giới thiệu một mẫu quảng cáo kinh điển	
Chương 5	SÁNG TẠO TRONG QUẢNG CÁO	GC5, GC7

5.1	Khái niệm Copywriting	
5.2	Khái niệm Copywriter	
5.3	Công việc của Copywriter	
5.4	Khái niệm Slogan	
5.5	Quy trình xây dựng slogan	
5.6	Định vị sản phẩm	
5.7	Định vị thông điệp sản phẩm	
5.8	Thực hành: - Viết kịch bản và dựng quảng cáo trên phát thanh. - Thiết kế quảng cáo trên Poster. - Xây dựng ý tưởng quảng cáo TVC và tập quay TVC.	
Chương 6	CHIẾN LƯỢC MUA SÓNG, MUA TRANG (Media buying strategy)	GC5, GC7
6.1	Định nghĩa - Media strategy - Media buyer - Media planner - Media plan	
6.2	Các yếu tố của một kế hoạch sử dụng các phương tiện truyền thông (Media plan) - Khán giả mục tiêu - Xác định địa lý - Phương pháp Frequency - Kết hợp Reach và Frequency - Media schedule (Bảng thời gian sử dụng Media)	
6.3	Công việc của một chuyên gia Media Buying - Chọn phương tiện truyền thông - Thương lượng giá cả - Quản lý hiệu quả các phương tiện truyền thông	
Chương 7	QUẢNG CÁO TẠI VIỆT NAM	GC5, GC7
7.1	Nói chuyện chuyên đề: Quảng cáo tại Việt Nam (Guest Speaker)	
7.2	Trả và nhận xét bài tập nhóm	
7.3	Hướng dẫn ôn tập	

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

TT	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp (có giảng viên)	<15>
2	Rèn kỹ năng trên lớp (có giảng viên hướng dẫn)	<15>

3	Tự học ngoài lớp (theo nội dung được giảng viên yêu cầu và nộp kết quả cho giảng viên. Ví dụ: bài tập về nhà, báo cáo thu hoạch, bài thuyết trình ...)	<30>
4	Tự nghiên cứu và viết báo cáo (không có giảng viên)	<0>

2. Ti trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%
2	Điểm bài tập	Số bài tập đã làm/số bài tập được giao	10%
5	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết/trắc nghiệm : 60 phút	20%
6	Điểm thi kết thúc học phần	- Tiểu luận hoặc báo cáo: 60 phút - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và có điểm quá trình - Bắt buộc dự thi	60%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

TT	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1				

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy (cơ hữu, thỉnh giảng):

- Về trình độ tối thiểu: *Thạc sĩ*
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Quan hệ công chúng, Báo chí, truyền thông
- Các yêu cầu thêm về kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp: Có kinh nghiệm giảng dạy đại học

2. Đối với người học:

Các học phần tiên quyết: sinh viên đã hoàn thành các môn cơ sở ngành, đặc biệt là một số môn cần thiết hỗ trợ cho hoạt động Quảng cáo như nhiếp ảnh, quay phim, truyền thông marketing...

Các học phần học trước:

3. Tài liệu tham khảo:

TT	Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
Sách, tài liệu chính		
1	<i>Bài giảng: Nhập môn Quảng cáo</i>	
Sách, tài liệu tham khảo		
1	Philip Kotler, (Vũ Trọng Hùng dịch), Quản Trị Marketing, Nxb Thống kê	...
2	Trương Tiếp Trương – Thái Quân (2004), Sự thật về quảng cáo, Nxb Trẻ	
3	Phi Vân (2007), Quảng cáo ở Việt Nam, Nxb Trẻ	
4	Nhật An, Phan Thu (2007), Copy Writer, Nxb Trẻ	
5	Nguyễn Dương (2006), Thương hiệu và quảng cáo, Nxb Lao động xã hội	
6	Dupont (2009), 1001 Ý tưởng đột phá trong quảng cáo, Nxb Trẻ	
7	Andy Maslen (2011), 100 ý tưởng viết quảng cáo tuyệt hay, Nxb Trẻ	
8	Kathy J. Kobliski (2006), Phương thức quảng cáo tối ưu, Nxb Lao động xã hội	
9	Philip Kotler (Ban biên dịch: Trần Văn Chánh, Huỳnh Văn Thanh, Phạm Viêm Phương, Đỗ Văn Tấn), Những nguyên lý tiếp thị (tập 2), Nxb Thống kê	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên học phần: **Báo in và báo trực tuyến**
2. Mã số học phần: **PUR423**
3. Phân bổ thời gian học tập: 2 (2/0/4) tín chỉ
4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng ☒ Đại học ☒
5. Đơn vị phụ trách học phần:
6. Loại hình học phần:
Đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Tốt nghiệp ☐
Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☐ Đồ án môn học ☐
Bắt buộc ☒ Tự chọn ☐
7. Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[1] Competence for Technoware (CT) - Năng lực về kỹ thuật.

CT1 (Professionnal knowledge and competency)

Nội dung: Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản để sinh viên có thể viết bài về báo in và báo trực tuyến.

Biểu hiện: Hiểu được qui trình và cách viết bài báo in và báo trực tuyến.

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[2] Competence for Humanware (CH) - Năng lực về phần con người.

CH2: Professional ethics

Nội dung: Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

Biểu hiện: Hiểu biết đạo đức của người làm công việc viết bài báo in và báo trực tuyến.

CH4: Interpersonal relationships

Nội dung: Ứng dụng kiến thức đã học để xây dựng và quản trị các mối quan hệ.

Biểu hiện:

- Xây dựng các mối quan hệ cần thiết cho công việc như quan hệ với nhân viên, nhà đầu tư, giới truyền thông, đối tác, khách hàng, các cơ quan hữu quan...
- Có năng lực đảm nhận công việc viết tin/bài báo in và báo trực tuyến để truyền thông cho các doanh nghiệp.

CI1: Learning ability

Nội dung: Khả năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến hoạt động viết bài báo in và báo trực tuyến.

Biểu hiện: Xác định vấn đề cần thiết, thu thập và xử lý thông tin, chọn lọc những thông tin quan trọng và phù hợp để đưa vào nội dung bài viết.

CI2: Communication competency

Nội dung: Năng lực thể hiện khả năng giao tiếp, ứng xử tốt.

Biểu hiện: Kỹ năng thuyết trình, diễn đạt ý tưởng.

- Giao tiếp tốt, ứng xử nhân văn với khách hàng, giới truyền thông...

[4] Competence for Orgaware (CO) - Năng lực về nhận thức tổ chức, thể chế.

CO4: Problem solving

Nội dung: Trang bị những kiến thức và kinh nghiệm để nhận định, đánh giá và xử lý các vấn đề phát sinh trong công việc.

Biểu hiện: Nhận biết rủi ro và hạn chế những điều có thể xảy ra ở mức thấp nhất trong việc viết bài báo in và báo trực tuyến.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản:

Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về loại hình báo in - một phương tiện truyền thông đại chúng truyền thông có lịch sử lâu đời nhất và báo trực tuyến - loại hình báo chí mới và phổ biến nhất hiện nay. Những kiến thức này là điều kiện tiên quyết để sinh viên đi vào các môn chuyên sâu và cũng là nền tảng cho những người muốn làm việc trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

Hiểu rõ đặc trưng của báo in, báo trực tuyến để thấy điểm khác biệt, thế mạnh cũng như hạn chế của nó so với các loại hình truyền thông khác, những người làm truyền thông từ đó sẽ tận dụng và phát huy được tối đa sức mạnh của các phương tiện này.

2. Nội dung giới thiệu thêm:

- Thảo luận nhóm qua các bài đọc của giảng viên.

- Nghiên cứu thêm các bài viết trên các báo in và báo trực tuyến do giảng viên giới thiệu.

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

Chương	Nội dung	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1.	TỔNG QUAN VỀ BÁO IN	CT1, CH2
1.1	Thuật ngữ và khái niệm báo in	
1.2	Báo in thế giới: châu Âu, Bắc Mỹ, châu Á	
1.3	Báo in Việt Nam: từ Gia Định báo đến báo chí Việt Nam hiện đại	
1.4	Vai trò và vị trí của báo in trong hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng	
Chương 2.	ĐẶC ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI BÁO IN	CT1
2.1	Đặc điểm về kênh truyền	
2.2	Đặc điểm về thông tin và tiếp nhận thông tin	
2.3	Đặc điểm về hình thức trình bày	
2.4	Đặc điểm về ngôn ngữ	
2.5	Đặc điểm về lưu trữ và phát hành	
2.6	Các tiêu chí phân loại	
Chương 3.	TỔNG QUAN VỀ BÁO TRỰC TUYẾN	CT1, CH1
3.1	Vấn đề thuật ngữ	
3.2	Sự ra đời của báo chí trực tuyến trên thế giới	
3.3	Báo chí trực tuyến ở Việt Nam	
Chương 4.	ĐẶC ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI BÁO TRỰC TUYẾN	CT1
4.1	Đặc điểm của báo trực tuyến	

	- Các ưu điểm	
	- Các mặt hạn chế	
	- Đặc trưng loại hình	
4.2	Phân loại báo trực tuyến	
	- Theo giấy phép	
	- Theo hình thức	
	- Theo cách thức hoạt động	
Chương 5.	TỔ CHỨC TOÀ SOẠN BÁO IN – BÁO TRỰC TUYẾN	CI1, CO4
5.1	Bộ phận lãnh đạo	
	- Tổng biên tập	
	- Các Phó tổng biên tập	
5.2	Bộ phận thu thập thông tin	
	- Các ban chuyên môn	
	- Trưởng ban, Phó trưởng ban	
	- Phóng viên	
5.3	Bộ phận xử lý thông tin	
	- Toà soạn	
	- Tổng thư ký, Phó tổng thư ký toà soạn	
	- Thư ký toà soạn, phó thư ký toà soạn	
	- Biên tập viên	
5.4	Bộ phận kỹ thuật	
	- Báo in (Hoạ sĩ trình bày, dàn trang, sửa morasse...)	
	- Báo trực tuyến (IT, thiết kế web, an ninh mạng...)	
Chương 6.	QUI TRÌNH SẢN XUẤT BÁO IN – BÁO TRỰC TUYẾN	CH4, CI2
6.1	Quy trình sản xuất nội dung	

6.2	Kỹ thuật dàn tra chế bản in ấn cho báo in	
6.3	Hệ thống phân phối báo in	
6.4	Quy trình đăng tải duyệt tin bài của báo trực tuyến	
Chương 7.	MỐI QUAN HỆ GIỮA BÁO IN VÀ BÁO TRỰC TUYẾN TRONG THỜI ĐẠI MỚI	
7.1	Từ truyền thông truyền thống đến truyền thông đa phương tiện	
7.2	Báo in và báo trực tuyến	
7.3	Báo trực tuyến và các loại hình truyền thông xã hội	

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

STT	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp.	15
2	Thảo luận, bài tập nhóm.	15
3	Tự học ngoài lớp.	60

2. Ti trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số buổi tham dự học/tổng số buổi.	10%
2	Điểm bài tập nhóm	Thuyết trình.	30%
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Thi viết/ bài tập.	10%
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết tự luận/trắc nghiệm (60 phút). - Bắt buộc dự thi.	50%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

TT	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1				

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Về trình độ tối thiểu: Thạc sỹ
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Báo chí, Truyền thông.

2. Đối với người học:

Các học phần học trước: *Không*

Trách nhiệm của sinh viên: Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập cá nhân và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Thực hiện bài thuyết trình, kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Tài liệu tham khảo:

Stt	Thông tin về tài liệu
1	Bài giảng của giảng viên (slides bài giảng).
	Tài liệu tham khảo chính
2	Richard Keeble (edited), <i>Print Journalism-A critical introduction</i> , Nxb Routledge, 2005
3	Mike Ward, <i>Journalism Online</i> , Focal Press, Oxford, 2002
	Tài liệu tham khảo khác
4	Đỗ Quang Hưng (chủ biên), <i>Lịch sử báo chí Việt Nam 1865-1945</i> , Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000
5	Dương Xuân Sơn, <i>Các loại hình báo chí truyền thông</i> , Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2014
6	Huỳnh Văn Thông (chủ biên), <i>Giáo trình Báo trực tuyến</i> , Nxb ĐHQG TP.HCM, 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG


TS. DUƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên học phần: **Truyền thông số (Digital media)**

2. Mã số học phần: **PUR440**

3. Phân bố thời gian học tập: 2 (2/0/4) tín chỉ

4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng ☒ Đại học ☒

5. Đơn vị phụ trách học phần:

6. Loại hình học phần:

Đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Tốt nghiệp ☐

Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☐ Đồ án môn học ☐

Bắt buộc ☒ Tự chọn ☐

7. Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[1] Competence for Technoware (CT) - Năng lực về kỹ thuật.

CT1 (Professional knowledge and competency)

Nội dung: Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về truyền thông và quy trình truyền thông số.

Biểu hiện: Hiểu được qui trình và cách truyền thông số.

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[2] Competence for Humanware (CH) - Năng lực về phần con người.

CH2: Professional ethics

Nội dung: Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

Biểu hiện: Hiểu biết về các phương thức truyền thông số

CH4: Interpersonal relationships

Nội dung: Ứng dụng kiến thức đã học để xây dựng và quản trị truyền thông số.

Biểu hiện:

- Xây dựng các mối quan hệ cần thiết cho công việc như quan hệ với nhân viên, nhà đầu tư, giới truyền thông, đối tác, khách hàng, các cơ quan hữu quan...
- Có năng lực đảm nhận công việc truyền thông cho doanh nghiệp.

CI1: Learning ability

Nội dung: Khả năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến hoạt động truyền thông.

Biểu hiện: Xác định vấn đề cần thiết, thu thập và xử lý thông tin, chọn lọc những thông tin quan trọng và phù hợp để đưa vào kế hoạch truyền thông.

CI2: Communication competency

Nội dung: Năng lực thể hiện khả năng giao tiếp, ứng xử tốt.

Biểu hiện: Kỹ năng thuyết trình, diễn đạt ý tưởng.

- Giao tiếp tốt, ứng xử nhân văn với khách hàng, giới truyền thông...

[4] Competence for Orgaware (CO) - Năng lực về nhận thức tổ chức, thể chế.

CO4: Problem solving

Nội dung: Trang bị những kiến thức và kinh nghiệm để nhận định, đánh giá và xử lý các vấn đề phát sinh trong công việc.

Biểu hiện: Nhận biết rủi ro và hạn chế những điều có thể xảy ra ở mức thấp nhất trong việc truyền thông.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản:

Môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình truyền thông số hiện nay, tình hình phát triển chung trên thế giới và ở Việt Nam, các công nghệ và xu hướng phát triển mới của truyền thông thế giới. Qua đó, sinh viên có thể hình dung về vị trí và vai trò của truyền thông số hiện nay và những vấn đề xung quanh nó.

Môn học này cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để tham gia vào lĩnh vực truyền thông số. Sinh viên sẽ có những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các sản phẩm truyền thông số.

2. Nội dung giới thiệu thêm:

- Thảo luận nhóm.

- Giới thiệu các video, clip quảng cáo.

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

Chương	Nội dung	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1.	TỔNG QUAN VỀ KỸ THUẬT SỐ	CT1, CH2
1.1	Khái niệm về kỹ thuật số	
1.2	Phân biệt kỹ thuật số và kỹ thuật	
1.3	Sự hình thành và phát triển của kỹ thuật số	
1.4	Vai trò, đặc trưng của kỹ thuật số	
Chương 2.	CÁC LOẠI HÌNH TRUYỀN THÔNG NỀN TẢNG KỸ THUẬT SỐ	CT1
2.1	Phát thanh – Truyền hình	
2.2	Báo trực tuyến – Trang thông tin điện tử tổng hợp – Cổng thông tin	
2.3	Xuất bản trực tuyến	
2.4	Mạng xã hội – Diễn đàn – Blog – Fanpage	
2.5	Các trang web thương mại, dịch vụ, giải trí	
Chương 3.	CÁC SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN	CT1, CH1
3.1	Sản phẩm ngôn từ - văn bản	
3.2	Sản phẩm âm thanh	
3.3	Sản phẩm hình ảnh – đồ họa	
3.4	Sản phẩm video – animation	
3.5	Sản phẩm tích hợp – tương tác	
3.6	Xu hướng phát triển trên thế giới	
3.7	Thực tế trong môi trường truyền thông tại Việt Nam	

Chương 4.	SẢN XUẤT SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN	CT1
4.1	Khái niệm Truyền thông đa phương tiện	
4.2	Các yếu tố cấu thành sản phẩm truyền thông đa phương tiện	
4.3	Kỹ thuật viết nội dung, làm kịch bản	
4.4	Kỹ thuật sản xuất âm thanh, hình ảnh, video tích hợp	
4.5	Kỹ thuật “đóng gói” và “phân phối” sản phẩm truyền thông đa phương tiện	

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

STT	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp	15
2	Thảo luận, bài tập nhóm	15
3	Tự học ngoài lớp	60

2. Tỉ trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số buổi tham dự học/tổng số buổi	10%
2	Điểm bài tập nhóm	Thuyết trình	30%
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Thi viết/ bài tập	10%
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết tự luận/trắc nghiệm (60 phút) - Bắt buộc dự thi	50%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

TT	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1				

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Về trình độ tối thiểu: Thạc sỹ
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Báo chí, Truyền thông.

2. Đối với người học:

Các học phần học trước: *Không*

Trách nhiệm của sinh viên: Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập cá nhân và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Thực hiện bài thuyết trình, kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Tài liệu tham khảo:

Stt	Thông tin về tài liệu
1	Bài giảng của giảng viên (slides bài giảng)
	Tài liệu tham khảo khác
2	David Gaunlett, Ross Horsley, <i>Web studies 2.0</i> , A Hodder Arnold Publication, 2006
3	Cherian George, <i>Contentious Journalism and the Internet</i> , Singapore University Press, 2006
4	Tay Vaughan, <i>Multimedia: Making It Work</i> (6 th Edition), McGraw Hill Technology Education, USA 2004
5	Rodney Jones, Christoph Hafner, <i>Understanding Digital Literacies – A practical introduction</i> , Routledge, 2012

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Tên học phần: | THIẾT KẾ WEB |
| - Mã học phần: | MMC403 |
| - Số tín chỉ: | 2 |
| - Loại học phần: | Bắt buộc |
| - Học phần tiên quyết: | Đại cương về CNTT |
| - Số giờ tín chỉ: | 30, trong đó: |
| • Lý thuyết: | 30 |
| • Thực hành: | 0 |

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NAM
- Chức danh, học vị: Thạc sỹ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Công nghệ thông tin- Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại:
- Email:

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Internet, cách tạo một Website đơn giản.
- Cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng trong việc thiết kế Website tĩnh với công nghệ HTML, CSS tạo tiền đề cho việc phát triển và lập trình Web động

- Trang bị kiến thức thiết kế và quản lý một Website tĩnh với cấu trúc đơn giản với đầy đủ những công cụ cơ bản có sẵn hỗ trợ cho việc thiết kế Web
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO 2.2	Sử dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình thông dụng, kỹ thuật lập trình, phương pháp lập trình, công nghệ lập trình thông dụng, tổ chức dữ liệu và thuật toán. Giải quyết các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực công nghệ thông tin
4.1.2	CLO 2.4	Sử dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng, lập trình web, hệ điều hành mã nguồn mở. Phát hiện và sửa đổi, giải quyết được các lỗi lập trình hoặc hệ điều hành.
4.1.3		Tổ chức và quản trị các hệ thống website; được cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên tắc hoạt động của hệ thống web, cách thức xây dựng website tĩnh, website theo chuẩn thương mại.
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO 5.2	Xây dựng và phát triển quan hệ nội bộ và quan hệ với bên ngoài trong quá trình làm việc của nhóm.
4.2.2	CLO 7.1	Sử dụng các ứng dụng CNTT thành thạo.
4.2.3	CLO 7.2	Xác định, so sánh các công nghệ mới, các xu thế phát triển trong quá trình học tập.
4.2.4	CLO 8.3	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành.
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO 9.3	Có ý thức đóng góp tạo ra những sản phẩm có giá trị, góp phần thúc đẩy sự phát triển khoa học và kỹ thuật đất nước.
4.3.2	CLO 9.4	Thể hiện tinh thần khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn
4.3.3	CLO 10.1	Đề ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho việc phát triển sự nghiệp.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 2.2		X								
CLO 2.4		X								
			X							

CLO 5.2					X					
CLO 7.1							X			
CLO 7.2							X			
CLO 8.3								X		
CLO 9.3									X	
CLO 9.4									X	
CLO 10.1										X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Thiết kế Web” giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về Internet, cách tạo một Website đơn giản, cung cấp kiến thức nền tảng trong việc thiết kế Website tĩnh với công nghệ HTML, CSS tạo tiền đề cho việc phát triển và lập trình Web động. Đồng thời học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên hiểu được nguyên tắc thiết kế và quản lý một Website tĩnh với cấu trúc đơn giản với đầy đủ những công cụ cơ bản có sẵn hỗ trợ cho việc thiết kế Web, cung cấp các phương pháp thiết kế Web cơ bản bằng Dreamweaver, biết cách quản lý và xuất bản website lên Internet.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung chi tiết
Chương 1	Giới thiệu mạng Internet và Web
1.1.	Giới thiệu về môn học Web
1.2.	Lịch sử phát triển
1.3.	Các khái niệm cơ bản
1.4	Các dịch vụ cơ bản của Internet
1.5.	Khai thác tài nguyên trên Internet
Chương 2	Tổng quan về thiết kế Web
2.1.	Xác định mục đích, yêu cầu của Website cần thiết kế.
2.2.	Mục tiêu, yêu cầu cơ bản của Website
2.3.	Đối tượng phục vụ
2.4.	Chủ đề của Website
2.5.	Thiết kế giao diện Website

2.6.	Khảo sát các Website
Chương 3.	HTML cơ bản
3.1.	Giới thiệu HTML
3.2.	Các thẻ HTML cơ bản
3.3.	Frame
3.4.	Forms và Cascading Style Sheet (CSS)
3.5.	Thiết kế layout
3.6.	Thiết kế các trang Web theo mẫu
3.7.	Bài tập thiết kế web
3.8.	Thiết kế hoàn chỉnh trang web giới thiệu nhóm
Chương 4.	Form & CSS
4.1.	Giới thiệu form
4.2.	Các thành phần nhập liệu thông dụng
4.3.	Sử dụng form
4.4.	Giới thiệu CSS
4.5.	Cách sử dụng CSS trong trang Web
Chương 5.	Ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT – HTML DOM
5.1.	DHTML
5.2.	Tổng quan về javascript
5.3.	Các toán tử trong JavaScript
5.4.	Các cấu trúc điều khiển trong JavaScript
5.5.	Hàm JavaScript
Chương 6.	Thiết kế Web với các công cụ
6.1.	Quản lý sự kiện
6.2.	Các đối tượng của JavaScript
6.3.	Giới thiệu các framework

6.4.	Hosting
------	---------

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (2 tín chỉ = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Giới thiệu mạng Internet và Web	5		
2	Tổng quan về thiết kế Web	5		
3	HTML cơ bản	5		
4	Form & CSS	5		
5	Ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT – HTML DOM	5		
6	Thiết kế Web với các công cụ	5		
Tổng		30		

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

-
-
-

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO 2.2	CLO 2.4		CLO 5.2	CLO 7.1	CLO 7.2	CLO 8.3	CLO 9.3	CLO 9.4	CLO 10.1
1	X	X	X							X
2	X		X							X
3			X							X
4			X	X						X
5			X		X	X	X	X	X	X
6			X		X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
Phát vấn
Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO 2.2	CLO 2.4		CLO 5.2	CLO 7.1	CLO 7.2	CLO 8.3	CLO 9.3	CLO 9.4	CLO 10.1
Thuyết trình	X	X	X							X
Phát vấn	X									X
Hỏi lại hoặc vấn đáp			X							X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO 2.2	CLO 2.4		CLO 5.2	CLO 7.1	CLO 7.2	CLO 8.3	CLO 9.3	CLO 9.4	CLO 10.1
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm				X						X
Tự học, tự nghiên cứu										X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).

- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

- 1- Giáo trình lập trình web với HTML và Javascript/Phạm Thị Nhung

11.2. Tài liệu tham khảo

- 1- Lập trình web bằng ASP.net với Macromedia dreamweaver MX/VN-Guide tổng hợp và biên dịch
- 2- Giáo trình lập trình web với asp.net/ĐỖ LÂM THIÊN

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm trên máy tính, Thời gian làm bài: 45')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO 2.2	CLO 2.4		CLO 5.2	CLO 7.1	CLO 7.2	CLO 8.3	CLO 9.3	CLO 9.4	CLO 10.1
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình			X		X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG

TS. DUƠNG MỸ THAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần:	THỰC HÀNH THIẾT KẾ WEB
- Mã học phần:	MMC404
- Số tín chỉ:	2
- Loại học phần:	Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:	THIẾT KẾ WEB
- Số giờ tín chỉ:	30, trong đó:
• Lý thuyết:	0
• Thực hành:	30

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NAM
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Công nghệ thông tin- Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại:
- Email:

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Internet, cách tạo một Website đơn giản.
- Cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng trong việc thiết kế Website tĩnh với công nghệ HTML, CSS tạo tiền đề cho việc phát triển và lập trình Web động

CLO 2.4		X								
			X							
CLO 5.2					X					
CLO 7.1							X			
CLO 7.2							X			
CLO 8.3								X		
CLO 9.3									X	
CLO 9.4									X	
CLO 10.1										X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Thực hành thiết kế Web” giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về Internet, cách tạo một Website đơn giản, cung cấp kiến thức nền tảng trong việc thiết kế Website tĩnh với công nghệ HTML, CSS tạo tiền đề cho việc phát triển và lập trình Web động. Đồng thời học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên hiểu được nguyên tắc thiết kế và quản lý một Website tĩnh với cấu trúc đơn giản với đầy đủ những công cụ cơ bản có sẵn hỗ trợ cho việc thiết kế Web, cung cấp các phương pháp thiết kế Web cơ bản bằng Dreamweaver, biết cách quản lý và xuất bản website lên Internet.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung chi tiết
Bài 1.	Làm quen với HTML và Dreamweaver
1.1.	Làm quen với HTML
1.2.	Sử dụng các thẻ cơ bản để tạo một trang HTML đơn giản
1.3.	Xuất bản website lên internet
1.4.	Tạo và quản lý website bằng Dreamweaver
1.5.	Tạo và sử dụng template của Dreamweaver để tạo trang web
Bài 2.	Danh sách và Table
2.1.	Tạo danh sách trong HTML
2.2.	Tạo bố cục trang bằng table
2.3.	Tạo bố cục trang bằng Div
Bài 3.	Làm việc với Form

3.1.	Các phương thức truyền dữ liệu
3.2.	Các đối tượng trong form
3.3.	Xây dựng các trang sử dụng các đối tượng trên form
Bài 4.	Form & CSS
4.1.	Header
4.2.	Sidebar
4.3.	Content
4.4.	Footer
4.5.	Kết hợp các thuộc tính CSS
Bài 5.	Ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT – HTML DOM
5.1.	Cách viết Javascript
5.2.	Các hàm cơ bản của Javascript
5.3.	Kiểm tra các đối tượng trong form bằng Javascript
5.4.	Các đối tượng cơ bản trong Javascript: Array, String, Date, ...
5.5.	Mô hình BOM, DOM, cách truy xuất trong mô hình DOM
Bài 6.	Lập trình Web với các công cụ
6.1.	Tạo form tách nhập mảng
6.2.	Tạo trang web cho phép link đến một trang Web khác trong đó cho phép tùy chọn các đối tượng Window
6.3.	Tạo form có giao diện đăng nhập

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện các bài tập thực hành theo yêu cầu của giảng viên.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (2 tín chỉ = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ
--------	------------	-----------------

		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Làm quen với HTML và Dreamweaver		5	
2	Danh sách và Table		5	
3	Làm việc với Form		5	
4	Form & CSS		5	
5	Ngôn ngữ Script – JAVASCRIPT – HTML DOM		5	
6	Lập trình Web với các công cụ		5	
Tổng			30	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

- Thực hiện các bài tập thực hành trên máy.
- Mỗi bài tập thực hành phải có kết quả cụ thể theo yêu cầu của giảng viên.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO 2.2	CLO 2.4		CLO 5.2	CLO 7.1	CLO 7.2	CLO 8.3	CLO 9.3	CLO 9.4	CLO 10.1
1	X	X	X							X
2	X		X							X
3			X							X
4			X	X						X
5			X		X	X	X	X	X	X
6			X		X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp

Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO 2.2	CLO 2.4		CLO 5.2	CLO 7.1	CLO 7.2	CLO 8.3	CLO 9.3	CLO 9.4	CLO 10.1
Thuyết trình	X	X	X							X

Phát vấn	X									X
Hỏi lại hoặc vấn đáp			X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO 2.2	CLO 2.4		CLO 5.2	CLO 7.1	CLO 7.2	CLO 8.3	CLO 9.3	CLO 9.4	CLO 10.1
Làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu				X						X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

1- Giáo trình lập trình web với HTML và Javascript/Phạm Thị Nhung

11.2. Tài liệu tham khảo

1- Lập trình web bằng ASP.net với Macromedia dreamweaver MX/VN-Guide tổng hợp và biên dịch

2- Giáo trình lập trình web với asp.net/ĐỖ LÂM THIÊN

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: làm bài thực hành trên máy tính, Thời gian làm bài: 90')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO 2.2	CLO 2.4		CLO 5.2	CLO 7.1	CLO 7.2	CLO 8.3	CLO 9.3	CLO 9.4	CLO 10.1
Đánh giá bài tập trên lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá làm việc nhóm			X		X	X	X	X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội
- Mã học phần: MMC401
- Số tín chỉ: 03 tín chỉ
- Loại học phần: Học phần bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Thiết kế web, Nghiên cứu thị trường
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 30
 - Thực hành: 15

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Bích Trâm
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Marketing - Trường Đại học Tài chính – Marketing
- Điện thoại: 0937 800 969
- Email: bichtram@ufm.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

Cung cấp cho người học những kiến thức chung về vai trò, bản chất, cách tiếp cận khách hàng mục tiêu của các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như: website, mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, email ... và vai trò của chúng trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện và sự phát triển chung của xã hội; Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng và đánh giá các hoạt động marketing kỹ thuật số

và mạng xã hội; Cách vận dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số trong tổng thể của chiến dịch truyền thông kỹ thuật số như: quy trình thực hiện, phương pháp kiểm tra và quản lý phù hợp; Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các công cụ marketing kỹ thuật số và mạng xã hội; Trong đó đặc biệt nhấn mạnh về vị trí, vai trò của marketing kỹ thuật số và mạng xã hội trong truyền thông cho thương hiệu trên môi trường Internet. Ngoài ra học phần còn trang bị cho người học kiến thức về tổng quan về marketing kỹ thuật số và cách phân loại và vận hành của nhóm các phương tiện truyền thông kỹ thuật số (Paid media, owned media, earned media); Phân tích hành trình của khách hàng (customer journey) và mô hình truyền thông tích hợp (mô hình 5A); Phương pháp phân tích các công cụ truyền thông kỹ thuật số của doanh nghiệp và đối thủ như: website, mạng xã hội; Phương pháp và ý nghĩa của một số chỉ số đánh giá quan trọng khi đánh giá hiệu quả các hoạt động marketing kỹ thuật số và mạng xã hội; Vận dụng các phương tiện marketing kỹ thuật số và mạng xã hội trong kế hoạch truyền thông tích hợp của doanh nghiệp; Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Trình bày được vai trò và các kiến thức cơ bản của marketing kỹ thuật số, mạng xã hội trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện và trong sự phát triển chung của xã hội.
4.1.2	CLO2	Áp dụng được các kiến thức về lý thuyết, mô hình truyền thông, pháp luật trong hoạt động phân tích, lập kế hoạch và triển khai các chiến lược marketing kỹ thuật số.
4.1.3	CLO3	Thực hiện được các quy trình trong việc tạo ra các sản phẩm truyền thông trên phương tiện kỹ thuật số và mạng xã hội.
4.1.4	CLO4	Thiết kế được các sản phẩm truyền thông phù hợp với yêu cầu của các phương tiện truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội.
4.1.5	CLO5	Đánh giá được hiệu quả các sản phẩm truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội qua một số chỉ số quan trọng.
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Có khả năng thu thập thông tin, phân tích, xử lý và tổng hợp thông tin từ các hoạt động marketing kỹ thuật số và mạng xã hội của doanh nghiệp để phục vụ cho quá trình xây dựng và đánh giá hiệu quả chiến lược truyền thông.
4.2.2	CLO7	Có khả năng thiết kế và quản trị các dự án truyền thông trên các phương tiện kỹ thuật số, mạng xã hội và dự án truyền thông tích hợp.

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 9 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về các hoạt động marketing kỹ thuật số và mạng xã hội, nhằm giúp người học có khả năng phân tích; xây dựng các sản phẩm truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội; tích hợp các phương tiện kỹ thuật số trong kế hoạch truyền thông đa phương tiện. Người học được giới thiệu cơ bản về cách phân loại và vận hành nhóm các phương tiện truyền thông kỹ thuật số (POEM), mô hình truyền thông tích hợp (5A), các hoạt động marketing kỹ thuật số và một số chỉ số đánh giá hiệu quả của hoạt động marketing kỹ thuật số. Ngoài ra, học phần giới thiệu về một số công cụ phổ biến được sử dụng trong quá trình phân tích và đánh giá các hoạt động marketing kỹ thuật số và mạng xã hội.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội
1.1.	Khái niệm và đặc điểm của marketing kỹ thuật số
1.2.	Phân loại phương tiện truyền thông trong marketing kỹ thuật số
1.3.	Tầm quan trọng của marketing kỹ thuật số và mạng xã hội
1.4.	Hành trình khách hàng và mô trình truyền thông tích hợp
Chương 2	Phân tích môi trường Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội
2.1.	Khái niệm và vai trò của phân tích môi trường trong marketing kỹ thuật số
2.2.	Môi trường nội vi và mức độ ứng dụng kỹ thuật số trong doanh nghiệp
2.3.	Phân tích môi trường vĩ mô
2.4.	Phân tích môi trường vĩ mô
Chương 3	Phân tích website và các chỉ số đo lường website
3.1.	Khái niệm và phân loại website trong hoạt động truyền thông kỹ thuật số
3.2.	Phân tích website
3.3.	Một số chỉ số đánh giá website
Chương 4	Marketing qua công cụ tìm kiếm
4.1.	Tổng quan về công cụ tìm kiếm
4.2.	Vai trò của công cụ tìm kiếm trong hoạt động truyền thông website
4.3.	Phương pháp tối ưu website theo công cụ tìm kiếm (SEO)
4.4.	Quảng cáo tìm kiếm trả tiền
4.5.	Một số chỉ số đánh giá hiệu quả truyền thông qua công cụ tìm kiếm
Chương 5	Mạng xã hội và hoạt động marketing trên mạng xã hội
5.1.	Khái niệm về mạng xã hội và truyền thông trên mạng xã hội

5.2.	Các công cụ truyền thông trên mạng xã hội
5.3.	Hoạt động marketing qua các công cụ truyền thông trên mạng xã hội
5.4.	Xây dựng và quản lý nội dung truyền thông trên mạng xã hội
5.5.	Một số chỉ số đánh giá hiệu quả truyền thông trên mạng xã hội
Chương 6	Email marketing
6.1.	Khái niệm và vai trò của Email marketing
6.2.	Phương pháp triển khai hoạt động Email marketing
6.3.	Một số chỉ số đánh giá cơ bản về email marketing
Chương 7	Mobile marketing
7.1.	Khái niệm và vai trò của Mobile Marketing
7.2.	Phương pháp triển khai và một số chỉ số đánh giá về Mobile marketing
Chương 8	Quảng cáo và PR trực tuyến
8.1.	Khái niệm và vai trò của quảng cáo trực tuyến
8.2.	Mô hình vận hành và một số hình thức quảng cáo trực tuyến
8.3.	Khái niệm PR trực tuyến và quy trình xử lý khủng hoảng trên phương tiện truyền thông kỹ thuật số.
Chương 9	Xây dựng kế hoạch truyền thông kỹ thuật số
9.1	Khái niệm
9.2.	Nội dung cơ bản của kế hoạch truyền thông kỹ thuật số
9.3.	Phương pháp giám sát mục tiêu và đo lường hiệu quả của kế hoạch

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học chọn một sản phẩm cụ thể đang được một doanh nghiệp cụ thể trên thị trường triển khai hoạt động truyền thông kỹ thuật số và vận dụng các công cụ phân tích để tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội của sản phẩm đó.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học tiến hành xây dựng kế hoạch truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội cho một thương hiệu/ sản phẩm có thật trên thị trường. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Tổng quan về Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3			3
2	Phân tích môi trường Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3	1		4
3	Phân tích website và các chỉ số đo lường website	3	1	1	5
4	Marketing qua công cụ tìm kiếm	4	1	1	6
5	Mạng xã hội và hoạt động marketing trên mạng xã hội	4	1	1	6
6	Email marketing	3		2	5
7	Mobile marketing	3		1	4
8	Quảng cáo và PR trực tuyến	3		2	5
9	Xây dựng kế hoạch truyền thông kỹ thuật số	4	1	2	7
Tổng		30	5	10	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Truy cập vào một website bất kỳ, mô tả các đối tượng truyền thông mục tiêu của website và nhận định đối thủ cạnh tranh của website.
2. Theo người học, nên dựa vào yếu tố nào để phân biệt các loại website trong hoạt động truyền thông của doanh nghiệp? Người học truy cập vào một website bất kỳ, xác định đây là loại website gì và so sánh hiệu quả website và đối thủ cạnh tranh qua các chỉ số đo lường cơ bản đã học.
3. Tìm kiếm chính xác một cụm từ (Ví dụ: “Khóa học digital marketing”). Xác định các kết quả tìm kiếm tự nhiên, tìm kiếm trả tiền. Chọn một trang “landing page” cụ thể từ trang kết quả tìm kiếm và đánh giá hiệu quả SEO của trang web đó.
4. Chọn một trang mạng xã hội bất kỳ của doanh nghiệp và tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả về nội dung của trang .
5. Hãy đọc một kế hoạch truyền thông kỹ thuật số cụ thể mà giảng viên đã gửi trong tài liệu học tập, đánh giá từng nội dung kế hoạch và đề xuất điều chỉnh nếu có.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13
1	X					X	X	X					
2		X				X					X	X	X
3			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4			X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
5			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9		X				X	X	X		X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn

Giải quyết vấn đề

Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
Phát vấn	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Động não nhanh		X	X	X	X	X		X	X	X			

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Nêu quan điểm cá nhân

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Làm bài tập cá nhân
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13
Ghi chú và nêu quan điểm cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình			X	X	X	X	X	X	X	X			
Làm việc nhóm			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Làm bài tập cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
 - Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
 - Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan. (2017). Marketing 4.0 (Moving from traditional to Digital). NXB Trẻ.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Philip Kotler, Piyachart Isarabhakdee. (2017). Branding 4.0 (Thấu hiểu toàn cảnh 4.0 sẽ định nghĩa lại tất cả những gì bạn biết về kinh doanh, tiếp thị và thương hiệu). NXB Lao động.
- Charlie Pownall (2016). Quản trị thương hiệu trực tuyến (bảo vệ hình ảnh doanh nghiệp trên mạng xã hội). NXB Thế giới.
- Sunil Gupta (2018). Driving Digital Strategy (Kinh doanh trong thời đại 4.0). NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân.
- Trung Đức (2014). Facebook marketing. NXB Thống kê.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tñ chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Bài tập cá nhân + Thuyết trình nhóm	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận. Thời gian làm bài: 60 phút	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13
Dự lớp	X										X	X	X
Bài tập cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
Thuyết trình nhóm			X	X	X	X	X	X	X	X			
Tự luận		X			X	X	X	X	X		X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỜNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên học phần: **Viết và biên tập tin**
2. Mã số học phần: **PUR425**
3. Phân bố thời gian học tập: 2 (2/0/4) tín chỉ
4. Trình độ đào tạo: Cao đẳng [x] Đại học [x]
5. Đơn vị phụ trách học phần:
6. Loại hình học phần:
Đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Tốt nghiệp
Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☐ Đồ án môn học
Bắt buộc ☒ Tự chọn ☐
7. Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[1] Competence for Technoware (CT) - Năng lực về kỹ thuật.

CT1 (Professional knowledge and competency)

Nội dung: Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản để sinh viên có thể viết tin cho tổ chức/doanh nghiệp, cá nhân.

Biểu hiện: Hiểu được qui trình và cách viết tin gây ấn tượng.

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

[2] Competence for Humanware (CH) - Năng lực về phần con người.

CH2: Professional ethics

Nội dung: Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

2025/5/5 15:48 Phm Thanh Hng

Biểu hiện: Hiểu biết đạo đức của người làm công việc viết bài tin, thông cáo báo chí cho tổ chức/doanh nghiệp.

CH4: Interpersonal relationships

Nội dung: Ứng dụng kiến thức đã học để xây dựng và quản trị các mối quan hệ.

Biểu hiện:

- Xây dựng các mối quan hệ cần thiết cho công việc như quan hệ với nhân viên, nhà đầu tư, giới truyền thông, đối tác, khách hàng, các cơ quan hữu quan...
- Có năng lực đảm nhận công việc viết tin/bài PR, thông cáo báo chí cho tổ chức/doanh nghiệp.

[3] Competence for InforWare (CI) - Năng lực về thông tin.

CI1: Learning ability

Nội dung: Khả năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến hoạt động viết bài PR, thông cáo báo chí.

Biểu hiện: Xác định vấn đề cần thiết, thu thập và xử lý thông tin, chọn lọc những thông tin quan trọng và phù hợp để đưa vào nội dung bài viết.

CI2: Communication competency

Nội dung: Năng lực thể hiện khả năng giao tiếp, ứng xử tốt.

Biểu hiện: Kỹ năng thuyết trình, diễn đạt ý tưởng.

- Giao tiếp tốt, ứng xử nhân văn với khách hàng, giới truyền thông...

[4] Competence for Orgaware (CO) - Năng lực về nhận thức tổ chức, thể chế.

CO4: Problem solving

Nội dung: Trang bị những kiến thức và kinh nghiệm để nhận định, đánh giá và xử lý các vấn đề phát sinh trong công việc.

Biểu hiện: Nhận biết rủi ro và hạn chế những điều có thể xảy ra ở mức thấp nhất trong việc viết tin, thông cáo báo chí.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Nội dung cơ bản:

Môn học nhằm trang bị kiến thức lý thuyết về thể loại Tin và các kỹ năng làm tin như khai thác nguồn tin, thu thập và xử lý thông tin, kỹ thuật viết và biên tập tin cho các loại hình báo chí khác nhau. Tầm quan trọng của Tin và viết tin trong báo chí và trong hoạt động PR. Đặc trưng tính chất của các thể loại tin và phương pháp tác nghiệp.

Các kỹ năng cơ bản để sản tin và làm tin. Hướng dẫn cách viết tin trong ngành truyền thông.

Bên cạnh đó, sinh viên còn xây dựng được những khả năng về tư duy, phản biện và kinh nghiệm thực tế trong hoạt động tác nghiệp báo chí.

2. Nội dung giới thiệu thêm:

- Thảo luận nhóm.
- Giới thiệu các bài viết trên báo, tạp chí, kỷ sự,....

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

Chương	Nội dung	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1.	TỔNG QUAN VỀ THỂ LOẠI TIN	CT1, CH2
1.1	Khái niệm về tin	
1.2	Đặc điểm của tin	
1.3	Các dạng tin	
	- Tin văn	
	- Tin ngắn	
	- Tin sâu	
	- Tin tổng hợp	
	- Tin tường thuật	
	- Tin ảnh	
	- Tin công báo	
Chương 2.	ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ VÀ PHONG CÁCH CỦA TIN	CT1
2.1	Đặc điểm ngôn ngữ của tin	
	- Ngôn ngữ sự kiện	
	- Ngôn ngữ tính lược	
	- Ngôn ngữ định lượng	
2.2	Yêu cầu về ngôn ngữ	
	- Chính xác	

	- Ngắn gọn, súc tích	
	- Dễ hiểu	
	- Hấp dẫn	
2.3	Phong cách viết tin cho các loại hình báo chí	
	- Viết để đọc _ Tin cho báo in, Tin cho báo trực tuyến	
	- Viết để nghe _ Tin cho phát thanh	
	- Viết để nghe/nhìn _ Tin cho truyền hình	
Chương 3.	NGUỒN TIN - THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN	CT1, CT11
3.1	Tiêu chí chọn lọc tin tức	
3.2	Các nguồn tin	
3.3	Thu thập thông tin	
3.4	Kiểm chứng thông tin	
3.5	Xử lý thông tin	
Chương 4.	KỸ THUẬT VIẾT TIN	CT1
4.1	Các kiểu cấu trúc tin	
4.2	Các yếu tố và trật tự của các yếu tố trong tin (5W+1H)	
4.3	Kỹ thuật viết tin theo cấu trúc hình tháp ngược	
Chương 5.	THUẬT BIÊN TẬP TIN	
5.1	nguyên tắc biên tập	
5.2	Biên tập tít cho tin	
5.3	Viết chú thích ảnh đi kèm	

5.4	Đi thực tế, tự thu thập thông tin và viết tin với các phiên bản cho báo in, cho báo trực tuyến và cho phát thanh, truyền hình	
-----	---	--

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

STT	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp	15
2	Thảo luận, bài tập nhóm	15
3	Tự học ngoài lớp	60

2. Tỉ trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số buổi tham dự học/tổng số buổi.	10%
2	Điểm bài tập nhóm	Thuyết trình.	30%
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Thi viết/ bài tập.	10%
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết tự luận/trắc nghiệm (60 phút). - Bắt buộc dự thi.	50%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

TT	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1				

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Về trình độ tối thiểu: Thạc sỹ
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Báo chí, Truyền thông.

2. Đối với người học:

Các học phần học trước: *Không*

Trách nhiệm của sinh viên: Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập cá nhân và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Thực hiện bài thuyết trình, kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Tài liệu tham khảo:

Stt	Thông tin về tài liệu
1	Bài giảng của giảng viên (slides bài giảng).
2	The Missouri Group (Nhóm dịch: Trần Đức Tài, Lê Thanh Nhân, Từ Lê Tâm, Phạm Duy Phúc, Triệu Thanh Lê), <i>Nhà báo hiện đại</i> , Nxb Trẻ, 2007
3	Peter Eng và Jeff Hodson, <i>Tường thuật và viết tin-số tay những điều cơ bản</i> , Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2007
Tài liệu tham khảo khác	
1	Tạ Ngọc Tấn (chủ biên), <i>Tác phẩm báo chí</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995
2	Trần Quang, <i>Kỹ thuật viết tin</i> , Nxb ĐHQG Hà Nội, 2005
3	Nhiều tác giả, <i>Thế loại báo chí</i> (đọc phần 1: Tin), Nxb ĐHQG TP.HCM, 2005
4	Tạp chí chuyên ngành: <i>Nghề báo, Người làm báo</i>

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghệ thuật nhiếp ảnh
- Mã học phần: MMC406
- Số tín chỉ: 3 (3,0,0) tín chỉ
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 3, trong đó:
 - Lý thuyết: 3
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Minh Hùng
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Đài truyền hình Việt Nam (VTV)
- Điện thoại: 0913.150915
- Email: minhhung.cm.vtv@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về máy ảnh và các thiết bị liên quan.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, làm chủ máy chụp hình và phương pháp chụp, chế độ chụp cho các môi trường khác nhau; Hiểu biết về cách sử dụng tốc độ, khẩu độ, ISO, các chế độ chụp Auto, Manual; Hiểu biết về màu

sắc, ánh sáng, và sử dụng định dạng JPEG, RAW...; Nắm được các nguyên tắc và thủ pháp về thị giác trong nhiếp ảnh để chủ động lấy bố cục, ánh sáng sao cho bức ảnh đẹp và có ý nghĩa.

- Trang bị kiến thức để có được để người học biết cách áp dụng các thủ pháp về kỹ thuật, nghệ thuật vào từng trường hợp cụ thể trong đời sống hàng ngày, tạo nên những bức ảnh ấn tượng và đầy xúc cảm. Hiểu được kỹ thuật xóa phông hậu cảnh, chụp ngược sáng, thừa/ thiếu sáng.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Người học hiểu về máy ảnh và các thiết bị liên quan.
4.1.2	CLO2	Người học biết các kỹ thuật kỹ thuật, làm chủ máy chụp hình và phương pháp chụp, chế độ chụp cho các môi trường khác nhau.
4.1.3	CLO3	Người học hiểu biết về cách sử dụng tốc độ, khẩu độ, ISO , các chế độ chụp Auto, Manual
4.1.4	CLO4	Người học có thể hiểu biết về màu sắc, ánh sáng, và sử dụng định dạng JPEG, RAW....
4.1.5	CLO5	Người học hiểu được các nguyên tắc và thủ pháp về thị giác trong nhiếp ảnh để chủ động lấy bố cục, ánh sáng sao cho bức ảnh đẹp và có ý nghĩa
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Người học có thể hiểu và chọn được máy ảnh phù hợp với nhu cầu sử dụng
4.2.2	CLO7	Người học hiểu và vận dụng các các thủ pháp về kỹ thuật vào việc chụp hình
4.2.3	CLO8	Người học hiểu và vận dụng các kỹ thuật chụp hình vào các thể loại ảnh sao cho đẹp và ý nghĩa.
4.2.4	CLO9	Người học vận dụng vào việc xử lý hình ảnh và chụp hình căn bản
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO10	Người học thực hành các thủ pháp về kỹ thuật, nghệ thuật vào từng trường hợp cụ thể trong đời sống hàng ngày, tạo nên những bức ảnh ấn tượng và đầy xúc cảm.
4.3.2	CL011	Người học thực hiện kỹ thuật xóa phông hậu cảnh, chụp ngược sáng, thừa/ thiếu sáng.
4.3.3	CLO12	Thực hiện một sản phẩm thể hiện được ngôn ngữ của hình ảnh

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

PLO1, PLO2,..., PLO7: là các chuẩn đầu ra của CTĐT, nội dung chi tiết ở file đính kèm

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về máy ảnh và các thiết bị liên quan. Cung cấp những kiến thức về kỹ thuật, làm chủ máy chụp hình và phương pháp chụp, chế độ chụp cho các môi trường khác nhau, cách sử dụng tốc độ, khẩu độ, ISO, các chế độ chụp Auto, Manual. Cung cấp kiến thức về màu sắc, ánh sáng, và sử dụng định dạng JPEG, RAW... Các nguyên tắc và thủ pháp về thị giác trong nhiếp ảnh để chủ động lấy bố cục, ánh sáng sao cho bức ảnh đẹp và có ý nghĩa.

Giúp người học biết cách áp dụng các thủ pháp về kỹ thuật, nghệ thuật vào từng trường hợp cụ thể trong đời sống hàng ngày, tạo nên những bức ảnh ấn tượng và đầy xúc cảm. Hiểu được kỹ thuật xóa phông hậu cảnh, chụp ngược sáng, thừa/ thiếu sáng.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

	Nội dung chi tiết (theo chương/bài, mục chi tiết cấp 1)
Chương 1.	Làm quen với thiết bị chụp hình

1.1.	Tìm hiểu về máy ảnh
1.2.	Các bộ phận và tính năng của máy ảnh.
1.3.	Các chế độ chụp
Chương 2.	Kỹ thuật chụp hình
2.1.	Kỹ thuật căn bản (Thao tác cầm máy, thao tác chụp hình, Kỹ năng chỉnh nét và chỉnh sáng)
2.2.	Nguyên tắc chụp hình (Kiểm tra hiện trạng máy móc, Kiểm tra các thông số kỹ thuật của máy, Thiết định các thông số kỹ thuật chụp ảnh, Chụp ảnh)
2.3.	Độ nét sâu của trường ảnh
2.4.	Tốc độ chụp ảnh
2.5.	Các chế độ đo sáng (Đo sáng phức hợp, Đo sáng Trung tâm, Đo sáng Điểm, Hiệu chỉnh kết quả đo sáng)
2.6.	Các hiệu chỉnh khác (Cân bằng trắng (White Balance), Độ nhạy sáng ISO)
Chương 3	Bố cục tạo hình trong nghệ thuật nhiếp ảnh
3.1.	Bố cục tạo hình cho ảnh tĩnh – động
3.2.	Các quy tắc căn bản trong bố cục khung hình
3.3.	Quy tắc bố cục 1/3
3.4.	Ngôn ngữ của bố cục
3.5.	Các lỗi bố cục phổ biến
Chương 4	Tính chất, công dụng và tiêu cự của các loại ống kính
4.1.	Ống kính ống kính normal (trung bình)
4.2.	Ống kính wide (góc rộng)
4.3.	Ống kính Tele (góc hẹp)
4.4.	Ống kính zoom (đa tiêu cự)
4.5.	Ống kính đặc biệt.
4.6.	Chụp xóa background
Chương 5	Ánh sáng trong nhiếp ảnh
5.1.	Ánh sáng tự nhiên và nhân tạo
5.2.	Ánh sáng thuận
5.3.	Ánh sáng bên
5.4.	Ánh sáng ngược
Chương 6	Nghệ thuật chụp các thể loại ảnh
6.1.	Ảnh phong cảnh

6.2. Thực hành	
	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân Người học chụp hình theo chủ đề
6.2.2.	Bài tập nhóm - Người học thực hiện một sản phẩm nhiếp ảnh hoàn chỉnh. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

tiết)		Số tiết tín chỉ			
Chương	Tên chương	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Làm quen với thiết bị chụp hình	5	0	0	5
2	Kỹ thuật chụp hình	5	5	0	10
3	Bố cục tạo hình trong nghệ thuật nhiếp ảnh	5	5	0	10
4	Tính chất, công dụng và tiêu cự của các loại ống kính	5	5	0	10
5	Ánh sáng trong nhiếp ảnh	5	0	0	5
6	Nghệ thuật chụp các thể loại ảnh	5	0	0	5
Tổng		30	15	0	45

1. Kỹ thuật chụp hình
2. Bố cục tạo hình
3. Nghệ thuật chụp các thể loại ảnh

[illegible]

3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng [1]
- Phát vấn [2]
- Hỏi lại hoặc vấn đáp [3]
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu [4]
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân) [5]

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
[1]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[2]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[3]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[4]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[5]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình [1]
- Làm việc nhóm [2]
- Tự học, tự nghiên cứu [3]

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
[1]						X	X	X	X	X	X	X
[2]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[3]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

Bài giảng: Nghệ thuật nhiếp ảnh

11.2. Tài liệu tham khảo

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Bài tập thực hành nhóm và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Sản phẩm nhiếp ảnh	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
BT thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
SP nhiếp ảnh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỜNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG


TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kỹ thuật quay phim
- Mã học phần: MMC408
- Số tín chỉ: 3 (3,0,0) tín chỉ
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 3, trong đó:
 - Lý thuyết: 3
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Minh Hùng
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Đài truyền hình Việt Nam (VTV)
- Điện thoại: 0913.150915
- Email: minhhung.cm.vtv@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về camera và thiết bị ghi hình, cũng như cách sử dụng các thiết bị trên một cách chính xác và nghệ thuật.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công dụng của camera và thiết bị ghi hình, từ đó hiểu các loại máy quay thông dụng được sử dụng cho từng mục

đích cụ thể. Người học được cung cấp kiến thức về các phần cơ bản của máy quay và một số chức năng trên máy quay cần lưu ý khi quay như: mức sáng, màn sập điện tử, cân bằng trắng, kính lọc cho máy quay, tỷ lệ tương phản, ống kính máy quay.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về quay phim như các cỡ cảnh, khung hình và bố cục tạo hình, các động tác và chuyển động máy quay, các góc độ máy quay, định hướng trên phim và trực diễn xuất.

- Trang bị kiến thức để có được những hình ảnh đẹp và chân thực khi ghi lại hình ảnh những tình huống trong các thể loại như: Phim truyện, tài liệu, ca nhạc... Bên cạnh đó, người học được biết đến những “chìa khóa” trong nghệ thuật kể chuyện qua hình ảnh một cách chân thực, sống động và lôi cuốn.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Người học hiểu về những loại máy quay thông dụng.
4.1.2	CLO2	Người học biết các kỹ thuật cơ bản trong quay phim.
4.1.3	CLO3	Người học hiểu được các kỹ thuật trong quay phim như cỡ cảnh, bố cục khung hình
4.1.4	CLO4	Người học có thể hiểu được các kỹ thuật chuyên sâu trong quay phim như hiểu về các động tác máy, các góc máy trong quay phim.
4.1.5	CLO5	Người học hiểu được nghệ thuật ghi lại những khoảnh khắc tuyệt vời trước máy quay
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Người học có thể chọn được camera và máy quay phù hợp với nhu cầu sử dụng
4.2.2	CLO7	Người học vận dụng các kỹ thuật chuyên sâu trong quay phim.
4.2.3	CLO8	Người học vận dụng nghệ thuật ghi hình đẹp và có ý nghĩa của ngôn ngữ hình ảnh.
4.2.4	CLO9	Người học vận dụng vào việc xử lý hình ảnh và cảnh quay cơ bản
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO10	Người học thực hành việc ghi lại những hình ảnh đúng kỹ thuật phù hợp với từng mục đích sử dụng của những hình ảnh đó.
4.3.2	CLO11	Người học có thể truyền tải những nội dung bằng ngôn ngữ hình ảnh được thực hiện một cách nghệ thuật hơn.
4.3.3	CLO12	Thực hiện một sản phẩm truyền hình cơ bản

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như công dụng của camera và thiết bị ghi hình, từ đó hiểu các loại máy quay thông dụng được sử dụng cho từng mục đích cụ thể. Người học được cung cấp kiến thức về các phần cơ bản của máy quay và một số chức năng trên máy quay cần lưu ý khi quay như: mức sáng, màn sập điện tử, cân bằng trắng, kính lọc cho máy quay, tỷ lệ tương phản, ống kính máy quay. Bên cạnh đó, học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về quay phim như các cỡ cảnh, khung hình và bố cục tạo hình, các động tác và chuyển động máy quay, các góc độ máy quay, định hướng trên phim và trực diễn xuất.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

	Nội dung chi tiết (theo chương/bài, mục chi tiết cấp 1)
Chương 1.	Những kiến thức cơ bản của máy quay
1.1.	Công dụng của camera và thiết bị ghi hình
1.2.	Các loại máy quay
1.3.	Các phần cơ bản của máy quay
1.4.	Một số chức năng trên máy quay cần lưu ý khi quay

Chương 2.	Các cỡ cảnh và ý nghĩa của các cỡ cảnh
2.1.	Toàn cảnh
2.2.	Trung cảnh
2.3.	Cận cảnh
2.4.	Đặc tả
Chương 3	Lấy khung hình và bố cục tạo hình
3.1.	Tỷ lệ khung hình
3.2.	Bố cục tạo hình
3.3.	Các quy tắc căn bản trong bố cục khung hình
3.4.	Một số lưu ý khi lấy khung hình
Chương 4	Các động tác và chuyển động máy
4.1.	Tìm hiểu chung và mục đích sử dụng chuyển động máy
4.2.	Các động tác trong chuyển động máy
4.3.	Các loại chuyển động máy
Chương 5	Các góc độ máy quay
5.1.	Góc độ ngang tầm nhìn
5.2.	Góc độ máy cao
5.3.	Góc độ máy thấp
5.4.	Góc độ máy nghiêng
5.5.	Các loại góc độ hình ảnh theo khía cạnh tâm lý
Chương 6	Định hướng trên phim và trực diễn xuất
6.1.	Định hướng trên phim
6.2.	Trực diễn xuất

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học ghi hình một phóng sự ngắn
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thực hiện một sản phẩm truyền hình theo chủ đề. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Những kiến thức cơ bản của máy quay	4	1	0	5
2	Các cỡ cảnh và ý nghĩa của các cỡ cảnh	5	5	0	10
3	Lấy khung hình và bố cục tạo hình	6	4	0	10
4	Các động tác và chuyển động máy	8	2	0	10
5	Các góc độ máy quay	3	2	0	5
6	Định hướng trên phim và trực diện xuất	4	1	0	5
Tổng		30	15	0	45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Kỹ thuật ghi hình, các động tác chuyển động máy
2. Các góc độ máy quay
3. Thực hiện một sản phẩm truyền hình cơ bản

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng [1]
- Phát vấn [2]
- Hỏi lại hoặc vấn đáp [3]
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu [4]
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân) [5]

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
[1]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[2]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[3]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[4]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[5]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình [1]
- Làm việc nhóm [2]
- Tự học, tự nghiên cứu [3]

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
[1]						X	X	X	X	X	X	X
[2]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[3]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Bài giảng: Quay phim

- [2] Trần Bảo Khánh (2000), Quay phim truyền hình, Phân viện Báo chí Tuyên truyền

11.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Bruno TOUSSAINT (2007), Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình (Nguyễn Thị Hương, Phạm Tố Uyên dịch) NXB DIXIT/Jean Pierre FOUGEA – Hội Điện ảnh Việt Nam.
- [2] Thomas L.Ford, Kỹ thuật quay video căn bản
- Mascelli, Joseph V. (1991), *Nghệ thuật quay phim và video* (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chỉnh lý), NXB Thông tin.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Bài tập thực hành nhóm và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Sản phẩm truyền hình	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
BT thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
SP truyền hình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DUONG MỸ THAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kỹ thuật dựng phim
- Mã học phần: MMC409
- Số tín chỉ: 3 (3,0,0) tín chỉ
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 3, trong đó:
 - Lý thuyết: 3
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Minh Hùng
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Đài truyền hình Việt Nam (VTV)
- Điện thoại: 0913.150915
- Email: minhhung.cm.vtv@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về dựng phim trong nghệ thuật điện ảnh, truyền hình.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận hiện đại trong công tác dựng phim hiện nay của thế giới, giúp sinh viên hoàn thiện “bản phim trên giấy” hay còn gọi là Dựng phim Tiền kỳ (chỉ có trong phim truyện); đồng thời rèn luyện kỹ

năng thực hành dựng phim, giúp sinh viên có thể trực tiếp dựng phim cơ bản hoặc phối hợp và chỉ đạo tốt hơn với Chuyên viên dựng phim trong giai đoạn sản xuất hậu kỳ - Dựng phim hậu kỳ để hoàn thành tác phẩm điện ảnh-truyền hình.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về dựng phim cũng như công nghệ và phần mềm

- Trang bị những kiến thức định hướng thẩm mỹ và đạo đức nghề, định hướng nghề, động cơ khởi nghiệp và thái độ học tập suốt đời cho sinh viên trong quá trình học tập làm phim.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Người học hiểu về dựng phim trong nghệ thuật điện ảnh.
4.1.2	CLO2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận hiện đại trong công tác dựng phim hiện nay của thế giới
4.1.3	CLO3	Người học hoàn thiện “bản phim trên giấy” hay còn gọi là Dựng phim Tiền kỳ (chỉ có trong phim truyện.
4.1.4	CLO4	Người học có thể trực tiếp dựng phim cơ bản hoặc phối hợp và chỉ đạo tốt hơn với Chuyên viên dựng phim trong giai đoạn sản xuất hậu kỳ - Dựng phim hậu kỳ để hoàn thành tác phẩm điện ảnh-truyền hình
4.1.5	CLO5	Người học có thể phối hợp và chỉ đạo tốt hơn với Chuyên viên dựng phim trong giai đoạn sản xuất hậu kỳ - Dựng phim hậu kỳ để hoàn thành tác phẩm điện ảnh-truyền hình
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Người học có thể sử dụng công nghệ xử lý hình ảnh.
4.2.2	CLO7	Người học có thể vận dụng các phần mềm xử lý hình ảnh chuyên sâu.
4.2.3	CLO8	Người học hiểu và vận dụng xử lý âm thanh
4.2.4	CLO9	Người học kết hợp xử lý hình ảnh, âm thanh kỹ thuật số trong phim điện ảnh và truyền hình.
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO10	Trang bị những kiến thức định hướng thẩm mỹ và đạo đức nghề, định hướng nghề.
4.3.2	CL011	Thúc đẩy động cơ khởi nghiệp và thái độ học tập suốt đời cho sinh viên trong quá trình học tập làm phim.

4.3.3	CLO12	Thực hiện một sản phẩm thể hiện được ngôn ngữ của hình ảnh
-------	-------	--

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có 02 phần, phần lý thuyết trình bày tổng quan về dựng phim; Ngôn ngữ và cú pháp điện ảnh; Kỹ thuật chuyển cảnh; Thủ pháp điện ảnh trong dựng phim; Xử lý tiết tấu phim; Nguyên tắc ráp dựng phim. Sau khi có được nền kiến thức cơ bản, m người học sẽ thực hiện bài thực hành về dựng phim trên bộ dựng phim kỹ thuật số Adobe Premiere CC Pro (2017,...,2020) thực hiện một số thể loại như phim tài liệu, phim truyện và phim ca nhạc.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

	Nội dung chi tiết (theo chương/bài, mục chi tiết cấp 1)
LÝ THUYẾT DỰNG PHIM	
Chương 1	Tổng quan về dựng phim
1.1.	Khái niệm về dựng phim
1.2.	Lược sử phát triển dựng phim
1.3.	Dựng phim dưới góc độ đạo diễn

Chương 2	Ngôn ngữ và cú pháp điện ảnh
2.1.	Cỡ cảnh, góc độ thu hình
2.2.	Ánh sáng, bố cục khuôn hình
2.3.	Ráp dựng các Shot có khung hình thay đổi
2.4.	Ráp dựng liên tục và ráp dựng không liên tục
2.5.	Sự khác nhau khi dựng phim truyện và tài liệu.
2.6.	Các lỗi cú pháp điện ảnh
2.7.	Xem trích đoạn phim minh họa và thảo luận
Chương 3	Kỹ thuật chuyển cảnh
3.1.	Xử lý không gian-thời gian
3.2.	Kỹ thuật chuyển cảnh
3.3.	Xem các Clip minh họa
Chương 4	Thủ pháp điện ảnh trong dựng phim
4.1.	Khái niệm thủ pháp điện ảnh trong dựng phim
4.2.	Một số thủ pháp dựng phim
4.3.	Xem trích đoạn phim và thảo luận
Chương 5	Xử lý tiết tấu phim
5.1.	Khái niệm tiết tấu phim
5.2.	Các thành phần tạo nên tiết tấu phim
5.3.	Xử lý tiết tấu phim ở giai đoạn hậu kỳ
Chương 6	Nguyên tắc ráp dựng phim
6.1.	Quy trình dựng : Dựng thô, Dựng tinh
6.2.	Dựng hình ảnh
6.3.	Dựng âm thanh
6.4.	Một số nguyên tắc và điều ghi nhớ trong dựng phim
THỰC HÀNH DỰNG PHIM	
Chương 7	<i>Bài thực hành 1: Sử dụng Cơ bản phần mềm dựng Adobe Premiere Pro CC 2017)</i> <i>(có thể là CC 2018, 2019,2020 tùy theo cơ sở đào tạo có sẵn)</i>
7.1	Giao diện làm việc của CC 2017;Nhập dữ liệu; Quản lý dữ liệu; Sử dụng các công cụ cắt, di chuyển file
7.2	Thay đổi khung hình, tốc độ nhân vật hoặc tàu xe.
7.3	Hiệu ứng hình ảnh; Sử dụng Video Effects có sẵn, Phối hợp Key Frame để sáng tạo
7.4	Kỹ thuật chuyển cảnh (Sử dụng các Video Transitions, Sáng tạo các

	chuyển cảnh không dùng kỹ xảo)
7.5	Dựng âm thanh
7.6	Thiết kế Tiêu đề Bảng chữ
7.7	Kỹ xảo Chromakey
7.8	Chỉnh màu cơ bản
7.9	Kết xuất phim: Kết xuất phim theo các định dạng HD, FHD, 4K; Định dạng phim điện ảnh số chiếu rạp DCP.
Chương 8	Bài thực hành 2: Dựng các thể loại phim
8.1	Dựng phim truyện
8.2	Dựng phim tài liệu
8.3	Dựng phim ca nhạc

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học dựng phim theo chủ đề
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thực hiện một sản phẩm truyền hình hoàn chỉnh. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Tổng quan về dựng phim	5	0	0	5
2	Ngôn ngữ và cú pháp điện ảnh	5	0	0	5
3	Kỹ thuật chuyển cảnh	5	0	0	5
4	Thủ pháp điện ảnh trong dựng phim	5	0	0	5
5	Xử lý tiết tấu phim	5	0	0	5
6	Nguyên tắc ráp dựng phim	5	0	0	5
7	Bài thực hành 1: Sử dụng Cơ bản phần mềm dựng Adobe Premiere Pro CC 2017)	0	10	0	10
8	Bài thực hành 2: Dựng các thể loại phim	0	5	0	5

Tổng	45	0	0	45
------	----	---	---	----

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ BÀI TẬP

1. Kỹ thuật chuyển cảnh
2. Thủ pháp điện ảnh trong dựng phim
3. Sử dụng phần mềm dựng phim

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng [1]
- Phát vấn [2]
- Hỏi lại hoặc vấn đáp [3]
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu [4]
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân) [5]

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
[1]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[2]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[3]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[4]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[5]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Thuyết trình [1]

Làm việc nhóm [2]

Tự học, tự nghiên cứu [3]

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
[1]						X	X	X	X	X	X	X
[2]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[3]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Bài giảng: Kỹ thuật dựng phim

[2] Dave D. Peck (1999), Video Editing with Adobe Premiere 6.5, Thomson xuất bản

11.2. Tài liệu tham khảo

Bruno TOUSSAINT (2007), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình* (Nguyễn Thị Hương, Phạm Tố Uyên dịch) NXB DIXIT/Jean Pierre FOUGEA – Hội Điện ảnh Việt Nam.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Bài tập thực hành nhóm và Thuyết trình)	40%

2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Sản phẩm truyền hình	60%
---	-------------------	-------------------------------	-----

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
BT thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
SP truyền hình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Ứng dụng đồ họa đa phương tiện
- Mã học phần: MMC410
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Nhập môn ngành CNTT
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: ...
 - Thực hành: ...

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Văn Tiền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội – Truyền thông Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0989 503 100
- Email: TienTV@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp những kiến thức nền tảng trong việc ứng dụng ngành đồ họa đa phương tiện vào công việc chuyên môn về truyền thông xã hội.

- Cung cấp cho người học những kiến thức trong việc thực hiện việc xử lý ảnh kỹ thuật số từ đơn giản đến phức tạp.

- Cung cấp cho người học những kiến thức về cách thiết kế sản phẩm trong lĩnh vực in ấn quảng cáo và thiết kế website

- Cung cấp cho người học kiến thức về đồ họa vector, khai thác và sử dụng các điểm mạnh của phần mềm thiết kế Adobe Illustrator.

- Cung cấp cho người học kiến thức và phương pháp thiết kế các sản phẩm đồ họa có giá trị thực tiễn.

- Cung cấp cho người học kiến thức về đồ họa về dàn trang chuyên nghiệp, khai thác và sử dụng các điểm mạnh của phần mềm thiết kế Adobe Indesign.

- Cung cấp cho người học kiến thức và phương pháp Layout mang tính thẩm mỹ.

- Phát triển kỹ năng phối hợp linh hoạt giữa những phần mềm một cách hiệu quả.

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Nắm vững lệnh, sử dụng các công cụ trong phần mềm photoshop, Illustrator, Indesign nhằm chỉnh sửa ảnh màu, ảnh nghệ thuật, thiết kế mẫu quảng cáo.
4.1.2	CLO2	Trang bị kiến thức căn bản về các hệ màu, điểm ảnh, cắt ghép ảnh, phục hồi ảnh
4.1.3	CLO3	Trang bị các kiến thức để thực hiện việc chỉnh sửa hoặc ghép ảnh từ cơ bản đến chuyên sâu.
4.1.4	CLO4	Triển khai giao diện, banner website
4.1.5	CLO5	Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu cho doanh nghiệp
4.1.6	CLO6	Cung cấp cho các sinh viên những kiến thức căn bản về bố cục trong tạp chí, cách thiết kế bìa sách, tạp chí, Catalogue...
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	Thực hiện biên tập và xử lý ảnh studio, Thiết kế logo, ấn phẩm
4.2.2	CLO7	Sử dụng thành thạo Photoshop, Illustrator, Indesign trong thiết kế và in ấn quảng cáo
4.2.3	CLO8	Thực hiện thiết kế website
4.2.4	CLO9	Nhận thức được tầm quan trọng của từng phần mềm và phối hợp với nhau trong thiết kế đồ họa.
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm

4.3.1	CLO10	Có ý thức trách nhiệm trong nghề nghiệp và xây dựng đạo đức của một người thiết kế chuyên nghiệp.
4.3.2	CLO11	Có thói quen học tập suốt đời.
4.3.3	CLO12	Biết tôn trọng các quy định của pháp luật trong Luật Bản quyền, sở hữu trí tuệ.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
CLO1	x										
CLO2	x										
CLO3		x									
CLO4				x							
CLO5					x						
CLO6					x						
CLO7						x					
CLO8								x			
CLO9									x		
CLO10										x	x
CLO11										x	x
CLO12										x	x

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 3 chương, cung cấp những kiến thức nền tảng trong việc ứng dụng ngành đồ họa đa phương tiện vào công việc chuyên môn về truyền thông xã hội. Nhằm giúp người học hiểu biết và sử dụng thành thạo và ứng dụng hiệu quả phần mềm Photoshop, Illustrator và Indesign. Người học được hướng dẫn cụ thể về các loại ấn phẩm và cách thiết kế. Ngoài ra, học phần giới thiệu lĩnh vực thiết kế giao diện Website cho doanh nghiệp.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Xử lý ảnh với Photoshop
1.1.	Khái niệm về ảnh bitmap và vector

1.2.	Giao diện màn hình
1.3.	Khái niệm về vùng chọn, công cụ chọn
1.4.	Kích thước file
1.5.	Khái niệm layers, chức năng layers
1.6.	Ứng dụng layers
1.7.	Khái niệm, hệ màu, cách tô màu nền và viền.
1.8.	Khái niệm về công cụ vẽ đường path
1.9.	Văn bản trong photoshop
1.10.	Cách tạo văn bản
1.11.	Hiệu ứng chữ
1.12.	Khái niệm, cách thức làm việc với Paste into
1.13.	Khái niệm, cách thức làm việc với Group
1.14.	Khái niệm, cách thức làm việc với mặt nạ
1.15.	Các lệnh liên quan đến hiệu chỉnh sáng tối
1.16.	Tút chỉnh ảnh
1.17.	Các loại hiệu ứng thông thường
1.18.	Các loại hiệu ứng đặc biệt
1.19.	Ứng dụng
1.20.	Các khái niệm về web layout
1.21.	Cách thiết kế và xuất bản
Chương 2	Thiết kế ấn phẩm với Illustrator
2.1.	Không gian làm việc
2.2.	Thao tác
2.3.	Các Panel
2.4.	Artboard
2.5.	Rectangle, Ellipse, Line, Star...
2.6.	Pentool
2.7.	Giống hàng
2.8.	Khái niệm về sự kết hợp đối tượng
2.9.	Phương pháp và kỹ thuật kết hợp đối tượng
2.10.	Các kỹ thuật chọn

2.11.	Hệ màu, bảng màu
2.12.	Kỹ thuật tô màu
2.13.	Hiệu ứng màu
2.14.	Giới thiệu các kiểu, loại văn bản
2.15.	Chuyển đổi văn bản thành đối tượng
2.16.	Typography
2.17.	Khái niệm symbol
2.18.	Thư viện
2.19.	Cách tạo và ứng dụng
2.20.	Blend
2.21.	Clipping Mask
2.22.	Perspective
2.23.	Phối hợp với Photoshop
2.24.	Xuất bản ấn phẩm
Chương 3	Kỹ thuật dàn trang với Indesign
3.1.	Giới thiệu tổng quan về dàn trang
3.2.	Làm việc với phần mềm dàn trang InDesign
3.3.	Thiết lập các thông số kỹ thuật
3.4.	Văn bản và hình ảnh
3.5.	Thiết lập tài liệu mới
3.6.	Page
3.7.	Đổ văn bản vào tài liệu
3.8.	Character style
3.9.	Paragraph style
3.10.	Column
3.11.	Text wrap
3.12.	Hình từ Photoshop Path
3.13.	Master Page
3.14.	Công dụng
3.15.	Cách sử dụng (New, Apply, tạo số trang...)
3.16.	Tách trang bìa
3.17.	Lập Book mới
3.18.	Bố trí tài liệu vào Book

3.19.	Các xử lý quản lý Book
3.20.	Đóng gói báo / tạp chí chuyển nhà in

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện bài tập cá nhân do giảng viên yêu cầu
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Xử lý ảnh với Photoshop	3	2	
1.1.	...	3	2	
1.2.		3	2	
2	Thiết kế ấn phẩm với Illustrator	3	2	
2.1.		3	3	
2.2.		3	3	
3	Kỹ thuật dàn trang với Indesign	3	3	
3.1.	...	4	3	
Tổng		25	20	45

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Thuyết trình

Phát vấn

3.19.	Các xử lý quản lý Book
3.20.	Đóng gói báo / tạp chí chuyển nhà in

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện bài tập cá nhân do giảng viên yêu cầu
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Xử lý ảnh với Photoshop	3	2	
1.1.	...	3	2	
1.2.		3	2	
2	Thiết kế ấn phẩm với Illustrator	3	2	
2.1.		3	3	
2.2.		3	3	
3	Kỹ thuật dàn trang với Indesign	3	3	
3.1.	...	4	3	
Tổng		25	20	45

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn

- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phát vấn	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Thuyết trình	X	X		X	X					X		
Làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Tự học, tự nghiên cứu	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

- Tài liệu tham khảo trên Internet

- Nguyễn Minh Đức, *Căn bản về Photoshop CS tinh chỉnh và xử lý màu*, NXB Giao thông vận tải, 2009
- (2007) (chủ biên). NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm trên máy tính, Thời gian làm bài: 75')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Bài tập trên lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập ở nhà	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá chuyên cần									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DUONG MY THAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Sản xuất chương trình phát thanh
- Mã học phần: MMC411
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 30 ..., trong đó:
 - Lý thuyết: 30
 - Thực hành: 00

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Huỳnh Vũ Thạch
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Đài truyền hình Quốc hội
- Điện thoại: 0907716751
- Email: huynhvuthach2910@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về cách thức sản xuất một chương trình phát thanh, để sau khi ra trường người học có thể tác nghiệp được trong lĩnh vực ngành phát thanh – truyền hình.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về viết báo, sản xuất và phát hành các sản phẩm báo chí.

- Trang bị kiến thức về xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, xử lý hậu kỳ...

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập.
4.1.2	CLO2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học trong quá trình học các học phần chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường.
4.1.3	CLO3	Thực hiện thành thạo việc tạo ra một sản phẩm báo chí đa phương tiện và thiết kế ấn phẩm báo chí đa phương tiện.
4.1.4	CLO4	Thực hiện được các quy trình của việc tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
4.1.5	CLO5	Thực hiện được một cách sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, xử lý hậu kỳ...
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Có khả năng viết báo, sản xuất và phát hành các sản phẩm báo chí.
4.2.2	CLO7	Có khả năng làm việc trong các lĩnh vực truyền thông với nhiều vai trò như phát thanh viên, biên tập viên
4.2.3	CLO8	Có khả năng thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin và tổng hợp thông tin về các lĩnh vực truyền thông.
4.2.4	CLO9	Sử dụng CNTT trong quá trình tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO10	Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc: nghiêm túc, kỷ luật, cẩn thận, năng động, sáng tạo, cầu tiến
4.3.2	CL011	Thể hiện trách nhiệm năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm

4.3.3	CLO12	Có thói quen học tập suốt đời và đóng góp cho xã hội.
-------	-------	---

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần sản xuất chương trình phát thanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về loại hình báo phát thanh, như lịch sử ra đời, sự phát triển của báo phát thanh trên thế giới và Việt Nam, những đặc trưng của báo phát thanh. Nắm bắt kiến thức và thực hành viết cho báo phát thanh, cách xây dựng một chương trình phát thanh.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Sự hình thành và phát triển của báo phát thanh
1.1.	Lịch sử phát thanh thế giới
1.2.	Lịch sử phát thanh Việt Nam
1.3.	Cơ cấu tổ chức của đài phát thanh
Chương 2	Đặc trưng của báo phát thanh
2.1.	Chức năng xã hội của báo phát thanh
2.2.	Ba yếu tố cơ bản của báo phát thanh
2.3.	Ưu, nhược điểm của báo phát thanh
Chương 3	Yếu tố nội dung, yếu tố hình thức của tác phẩm phát thanh
3.1.	Yếu tố nội dung của tác phẩm phát thanh

3.2.	Yếu tố hình thức của tác phẩm phát thanh
Chương 4	Tin trên sóng phát thanh
4.1.	Các thể loại phát thanh (thông tin phát thanh)
4.2.	Thực hành làm tin phát thanh
Chương 5	Văn nghệ trên sóng phát thanh
5.1.	Các thể loại phát thanh (tài liệu, nghệ thuật của báo chí phát thanh)
5.2.	Thực hành làm chương trình ca nhạc phát thanh
Chương 6	Quảng cáo trên sóng phát thanh
6.1.	Lý thuyết về quảng cáo phát thanh
6.2.	Thực hành làm quảng cáo trên sóng phát thanh

6.2. Thực hành

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Sự hình thành và phát triển của báo phát thanh	5			5
2	Đặc trưng của báo phát thanh	5			5
3	Yếu tố nội dung, yếu tố hình thức của tác phẩm phát thanh	5			5
4	Tin trên sóng phát thanh	5			5
5	Văn nghệ trên sóng phát thanh	5			5
6	Quảng cáo trên sóng phát thanh	5			5
Tổng		30			30

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Phát thanh trên radio và phát thanh trên truyền hình có điểm gì giống và khác nhau?
2. Mối quan hệ giữa phát thanh và mạng xã hội

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

[illegible]

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

[illegible]

			X						X	X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình
- Mã học phần: MMC412
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 30 ..., trong đó:
 - Lý thuyết: 30
 - Thực hành: 00

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Huỳnh Vũ Thạch
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Đài truyền hình Quốc hội
- Điện thoại: 0907716751
- Email: huynhvuthach2910@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về cách thức sản xuất một chương trình truyền hình, để sau khi ra trường người học có thể tác nghiệp được trong lĩnh vực ngành phát thanh – truyền hình.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về sản xuất chương trình truyền hình.
- Trang bị kiến thức về xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, quay phim và dựng phim, xử lý hậu kỳ để sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực như pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, tâm lý, văn học, xã hội học... có liên quan, ảnh hưởng đến ngành học vào trong quá trình học tập.
4.1.2	CLO2	Áp dụng được các kiến thức về lý thuyết, mô hình truyền thông vào việc phân tích sự phát triển của các phương tiện truyền thông tại Việt Nam.
4.1.3	CLO3	Áp dụng được các kiến thức về các đặc điểm, xu hướng truyền thông để hiểu được tính chất, vai trò của ngành học trong sự phát triển chung của xã hội.
4.1.4	CLO4	Thực hiện được các quy trình của việc tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
4.1.5	CLO5	Thực hiện được một cách sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, quay phim và dựng phim, xử lý hậu kỳ...
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	Có khả năng thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin và tổng hợp thông tin về các lĩnh vực truyền thông....
4.2.2	CLO7	Có khả năng sản xuất và phát hành các sản phẩm báo chí
4.2.3	CLO8	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện.
4.2.4	CLO9	Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa.
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO10	Có ý thức phục vụ cho cộng đồng, luôn trung thực và hoà đồng, có tinh thần tôn trọng sự thật và tôn trọng sự khác biệt.

4.3.2	CL011	Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc: nghiêm túc, kỷ luật, cẩn thận, năng động, sáng tạo, cầu tiến
4.3.3	CLO12	Thể hiện trách nhiệm năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp những kiến thức chung về truyền hình, như: các khái niệm và thuật ngữ; đặc trưng loại hình; lịch sử truyền hình thế giới và Việt Nam; hệ thống đài truyền hình quốc gia và địa phương; cơ cấu tổ chức và hoạt động của một đài truyền hình; vai trò và nhiệm vụ của các thành viên trong êkíp sản xuất chương trình; cấu trúc chương trình truyền hình; kế hoạch sản xuất và phân bổ chương trình phát sóng; quá trình sản xuất chương trình truyền hình và tổng quan về các thể loại truyền hình.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Sự hình thành và phát triển của báo truyền hình
1.1.	Lịch sử truyền hình
1.2.	Quy trình sản xuất chương trình truyền hình
Chương 2	Quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí
Chương 3	Bình luận truyền hình
3.1.	Lý thuyết

3.2.	Thực hành
Chương 4	Phóng sự truyền hình
4.1.	Lý thuyết
4.2.	Thực hành
Chương 5	Talkshow truyền hình
5.1.	Lý thuyết
5.2.	Thực hành
Chương 6	Voxpop truyền hình
6.1.	Lý thuyết
6.2.	Thực hành

6.2. Thực hành

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Sự hình thành và phát triển của báo truyền hình	5			5
2	Quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí	5			5
3	Bình luận truyền hình	5			5
4	Phóng sự truyền hình	5			5
5	Talkshow truyền hình	5			5
6	Voxpop truyền hình	5			5
Tổng		30			30

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Thực hành: sáng tạo 1 chương trình truyền hình?
2. Viết, dựng một sản phẩm bình luận truyền hình
3. Viết, dựng một sản phẩm phóng sự truyền hình
4. Viết, dựng một sản phẩm voxpop truyền hình

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		

2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		

	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết giảng (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

Tập bài giảng của giảng viên.

11.2. Tài liệu tham khảo

1. PGS TS Dương Xuân Sơn (2014), Các loại hình báo chí truyền thông – NXB Thông tin và truyền thông.

2/ TS Nguyễn Thị Thoa (2012), Tác phẩm báo chí – NXB giáo dục Việt Nam

3/ Nhật An (2006), Phát thanh truyền hình, NXB Trẻ.

4/ The Missouri Group (2007), News reporting & writing (Bản dịch tiếng Việt: nhà báo hiện đại, Viết cho phát thanh và truyền hình) – NXB Trẻ.

5/ Trần Bảo Khánh (2003), Sản xuất chương trình truyền hình, NXB Văn hóa thông tin.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận cá nhân	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỜNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Biên kịch phim ngắn
- Mã học phần: MMC405
- Số tín chỉ: 2
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 2, trong đó:
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Thực hành: ...

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Đào Lê Na
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Văn học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0986742782
- Email: lenadao@hcmussh.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về điện ảnh
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thể loại phim ngắn

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về kịch bản phim ngắn, về nhân vật, cấu trúc, tóm tắt kịch bản, đề cương chi tiết, viết cảnh phim, thoại phim.
- Trang bị kiến thức về cách trình bày kịch bản phim ngắn trước hội đồng thẩm định.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Sinh viên biết được những kiến thức nền tảng về tư duy điện ảnh
4.1.2	CLO2	Có kiến thức cơ bản về các thể loại phim
4.1.3	CLO3	Có kiến thức nền tảng về cấu trúc tác phẩm tự sự
4.1.4	CLO4	Có kiến thức nền tảng về các loại nhân vật
4.1.5	CLO5	Có kiến thức nền tảng về đặc trưng ngôn ngữ điện ảnh
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	Phân tích được cấu trúc của các kịch bản tốt
4.2.2	CLO7	Biết cách tìm kiếm ý tưởng và phát triển ý tưởng thành kịch bản hoàn chỉnh
4.2.3	CLO8	Áp dụng kiến thức đã học trong đề viết kịch bản cho các loại hình khác như phim quảng cáo, sitcom, phim truyền hình...
4.2.4	CLO9	Biết lập hồ sơ thuyết trình kịch bản cho các quỹ hỗ trợ hoặc các nhà đầu tư
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO10	Có thái độ khách quan khi đánh giá kịch bản
4.3.2	CLO11	Trung thực trong sáng tạo
4.3.3	CLO12	Truyền đạt và gợi cảm hứng cho người học thế hệ kế tiếp

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
CLO1		X	X	X							
CLO2		X	X	X							
CLO3		X	X	X							
CLO4		X	X	X							
CLO5		X	X	X							
CLO6					X	X	X	X	X		

CLO7					X	X	X	X	X		
CLO8					X	X	X	X	X		
CLO9					X	X	X	X	X		
CLO10										X	X
CLO11										X	X
CLO12										X	X

PLO1, PLO2,..., PLO7: là các chuẩn đầu ra của CTĐT, nội dung chi tiết ở file đính kèm

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về điện ảnh, kỹ thuật viết kịch bản phim ngắn nhằm giúp người học có thể áp dụng để viết kịch bản phim, phân tích kịch bản phim, mở rộng viết các kịch bản quảng cáo, MV...Người học được giới thiệu cơ bản về kiến thức kịch bản phim ngắn. Ngoài ra, học phần giới thiệu cách phân tích phim ngắn, kịch bản phim ngắn, cách thuyết trình và chào bán kịch bản.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Dẫn nhập: Khái quát về điện ảnh và kịch bản
1.1.	Điện ảnh là gì?
1.2.	Các yếu tố của điện ảnh
1.3.	Kịch bản phim là gì
1.4	Cách đánh giá kịch bản phim
Chương 2	Các yếu tố tự sự
2.1.	Thể loại
2.2.	Chủ đề và Tựa đề
2.3.	Xây dựng cấu trúc
Chương 3	Xây dựng nhân vật
3.1.	Sáng tạo nhân vật
3.2.	Sự phát triển của nhân vật
3.3.	Các mô típ nhân vật phổ biến
Chương 4	Phát triển ý tưởng kịch bản
4.1.	Trình bày cách phát triển kịch bản từ tin tức báo chí
4.2.	Trình bày cách phát triển kịch bản từ tranh
4.3.	Trình bày cách phát triển kịch bản từ tác phẩm văn học
Chương 5	Hoàn thiện và chỉnh sửa kịch bản
5.1.	Viết cảnh phim

5.2.	Viết thoại phim
5.3.	Cách chỉnh sửa kịch bản
Chương 6	Làm hồ sơ và phương pháp thuyết trình kịch bản
6.1.	Tóm tắt kịch bản trong một câu (logline)
6.2.	Tóm tắt kịch bản trong một trang (synopsis)
6.3.	Các yếu tố ảnh hưởng (mood – board)
6.4.	Sơ đồ nhân vật
6.5.	Chọn bối cảnh, âm nhạc và hình ảnh mẫu

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học chuẩn bị ý tưởng viết kịch bản
	Người học tự phát triển ý tưởng kịch bản theo cấu trúc đã học
	Người học hoàn thiện kịch bản phim ngắn cá nhân
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học làm việc nhóm trên lớp để thực hành phát triển kịch bản - Người học thuyết trình kịch bản theo nhóm - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Dẫn nhập: Khái quát về điện ảnh và kịch bản	5			
2	Các yếu tố tự sự	5			
3	Xây dựng nhân vật	5			
4	Phát triển ý tưởng kịch bản	5			
5	Hoàn thiện và chỉnh sửa kịch bản	5			
6	Làm hồ sơ và phương pháp thuyết trình kịch bản	5			
Tổng					

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Phân tích kịch bản của một số phim ngắn được chiếu trên lớp
2. Tự sáng tác một kịch bản phim ngắn

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)**11.1. Tài liệu bắt buộc**

- Ray Frensham, (2011), *Tự học viết kịch bản phim*, Nxb Tri thức
- Snyder, B. (2005). *Save the cat!: The last book on screenwriting you'll ever need*.

11.2. Tài liệu tham khảo

Field, S. (2005). *Screenplay: the foundations of screenwriting*. 3rd ed., expanded ed. New York: Dell Pub. Co.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Bài tập lớn	60%

Mã trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

**TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG**



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Tiếng Anh chuyên ngành**
- Mã học phần: MMC402
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết: Tiếng Anh giao tiếp 1, Tiếng Anh giao tiếp 2
- Số giờ tín chỉ: 45 tiết, trong đó:
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Thực hành: ...

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thái Hiền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa QHCC và truyền thông - Trường Đại học Kinh tế - Tài chính
- Điện thoại: 0902430690.
- Email: hienpt@uef.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành truyền thông,
- Củng cố những kiến thức cơ bản về truyền thông và các lĩnh vực liên quan đến truyền thông đa phương tiện.

- Sử dụng hiệu quả vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, vận dụng kiến thức đã học để đọc hiểu tài liệu trong các lĩnh vực liên quan.
- Phát triển kỹ năng thuyết trình, thảo luận nhóm.
- Rèn luyện năng lực phân tích và đánh giá tính tin cậy của thông tin.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Liên hệ được các kiến thức cơ bản về truyền thông và các loại hình truyền thông đa phương tiện
4.1.2	CLO2	Giải thích được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành về truyền thông và các loại hình truyền thông đa phương tiện
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO3	Vận dụng được các thuật ngữ chuyên ngành khi làm bài tập, thuyết trình và thảo luận nhóm bằng tiếng Anh
4.2.2	CLO4	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO5	Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu
4.3.2	CLO6	Phát triển năng lực đánh giá, phân tích mức độ tin cậy, chính xác của thông tin

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO2	PLO3	PLO6	PLO8	PLO10
CLO1	X	X			
CLO2	X	X			
CLO3			X	X	
CLO4				X	
CLO5					X
CLO6					X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 05 chương, cung cấp cho người học hệ thống thuật ngữ chuyên ngành truyền thông, nhằm giúp người học nâng cao kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành. Người học được giới thiệu cơ bản về truyền thông đại chúng, hoạt động truyền thông và công nghệ, các loại hình truyền thông đa phương tiện và những xu hướng phát triển của truyền thông hiện đại.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Mass Communication and Its Digital Transformation
1.1.	Three Types of Convergence
1.2.	Implications of Convergence
1.3.	Mass communication in the digital age
Chương 2	Media literacy in the digital age
2.1.	What is media literacy
2.2.	What makes mediated communication different?
2.3.	Developing Critical Media-literacy skills
Chương 3	Visual Media: Photography, Movies and Television
3.1.	Photography
3.2.	Movies
3.3.	Television
Chương 4	Interactive Media: The Internet, Video Games and Augmented Reality
4.1.	Interactivity and Interactive Media
4.2.	The Internet
4.3.	Video games
4.4.	Augmented Reality
Chương 5.	Social media
5.1	Defining Social Media
5.2	What is “social” about Social Media?
5.3	Types of Social Media
5.4	The Impact of Social media

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học....
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học
	- Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. **Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)**

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Mass Communication and Its Digital Transformation	6			6
2	Media literacy in the digital age	6			6
3	Visual Media: Photography, Movies and Television	12			1 2
4	Interactive Media: The Internet, Video Games and Augmented Reality	12			1 2
5	Social media	9			9
Tổng g		45			4 5

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN

- Chương 1:** Discuss ways in which audiences can engage with each other through social media and with media organizations. Do you think this has made audiences more active? Why or why not? (trang 12)
- Chương 2:** Do you consider information from a blog or tweet or via a mobile device more or less trustworthy than material found on an organization's website? Why do you think so? How do you decide what information to trust online? (trang 60)
- Chương 3:** Technological limitations kept film reels short, so only a few minutes of footage could be shown at a time. In what ways could current technological limitations hamper our ability to tell stories through the Internet? How could storytelling be enriched? (trang 137)
- Chương 3:** If you had to restrict your viewing to only one of the following for a month— network television, premium cable, or video on demand—which would it be and why? (Trang 157)
- Chương 4:** Consider the differences between immediate interactivity, such as pushing a button or discussing on IM, and delayed interactivity, such as email or a discussion board post. How does the change in time affect conversations and relations? (trang 163)
- Chương 4:** Gamification is a growing trend, with many websites and mobile apps offering rewards such as points or badges to encourage users to interact more with the site and one another. What potential disadvantages do you see with the gamification trend, if any? (trang 188)
- Chương 5:** Which of the five ways in which our media use is changing (choice, creation, curation, conversation, or collaboration) do you think is the most important?

Why? (trang 200)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	X	X	X	X		
2	X	X	X			X
3	X	X	X		X	
4	X	X	X			
5	X	X	X			X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Đặt câu hỏi thảo luận theo nhóm
- Thuyết trình

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Thuyết giảng	X	X	X			
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X			
Đặt câu hỏi, thảo luận theo nhóm	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	X	X	X		X	
Làm việc nhóm	X	X	X	X		
Tự học, tự nghiên cứu	X	X			X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)**11.1. Tài liệu bắt buộc**

- McIntosh, Shawn; Pavlik, John V (2017). *Converging media: a new introduction to mass communication (5th ed.)* NXB Oxford.

11.2. Tài liệu tham khảo

- Giảng viên cung cấp tại lớp.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia trên lớp	Chuyên cần + tham gia thảo luận tại lớp	10%
		Bài tập cá nhân	10%
2	Giữa kỳ	Thuyết trình	20%
3	Kết thúc học phần	Kiểm tra cuối kỳ	60%

Mã trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thảo luận	X	X	X	X		X
Thuyết trình	X	X	X	X	X	
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X
Dự lớp					X	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG


TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghiệp vụ đạo diễn
- Mã học phần: MMC413
- Số tín chỉ: 3 (3,0,0) tín chỉ
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết: không
- Số giờ tín chỉ: 3, trong đó:
 - Lý thuyết: 3
 - Thực hành: 0

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Minh Hùng
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Đài truyền hình Việt Nam (VTV)
- Điện thoại: 0913.150915
- Email: minhhung.cm.vtv@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học ..
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về nghiệp vụ đạo diễn.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng (nghiệp vụ đạo diễn), nhằm hiểu được bản chất, công việc chính của nghề đạo diễn.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu và hiểu biết về các bước công việc theo quy trình của đạo diễn, nắm được các nhóm vấn đề của công việc đạo diễn phim, biết được đạo diễn phối hợp công việc với các bộ môn khác, hiểu về việc đánh giá và phân tích kịch bản của đạo diễn, hiểu biết được kỹ năng để trở thành một người đạo diễn.

- Ngoài ra môn học cũng định hướng thẩm mỹ và đạo đức nghề, định hướng nghề, động cơ khởi nghiệp và thái độ học tập suốt đời cho sinh viên trong quá trình học tập làm phim.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Cung cấp cho người học những kiến thức chung về nghiệp vụ đạo diễn như nghiên cứu kịch bản, viết phân cảnh nội dung, viết phân cảnh quay, phân cảnh kỹ thuật, chọn diễn viên, xếp vai, chọn cảnh quay, làm việc ở hiện trường...
4.1.2	CLO2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng (nghiệp vụ đạo diễn).
4.1.3	CLO3	Người học hiểu được bản chất, công việc chính của nghề đạo diễn.
4.1.4	CLO4	Người học được cung cấp các quy trình công việc cần thực hiện của một đạo diễn
4.1.5	CLO5	Người học hiểu được sự phối hợp giữa đạo diễn với các bộ phận khác để công việc được thuận lợi hơn
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	Người học có thể nắm được các công việc của đạo diễn và phối hợp với các bộ phận liên quan một cách hiệu quả
4.2.2	CLO7	Người học vận dụng các kiến thức để đánh giá kịch bản.
4.2.3	CLO8	Người học vận dụng các kiến thức để phân tích kịch bản.
4.2.4	CLO9	Người học vận dụng vào việc xử lý vấn đề phát sinh khi thực hiện công việc của một đạo diễn
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO10	Người học định hướng thẩm mỹ và đạo đức nghề.
4.3.2	CLO11	Người học định hướng nghề, động cơ khởi nghiệp và thái độ học tập suốt đời trong quá trình học tập làm phim
4.3.3	CLO12	Thực hiện công việc của một đạo diễn để ra một sản phẩm nghệ

	thuật cơ bản
--	--------------

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công việc của một người đạo diễn như nghiên cứu kịch bản, viết phân cảnh nội dung, viết phân cảnh quay, phân cảnh kỹ thuật, chọn diễn viên, xếp vai, chọn cảnh quay, làm việc ở hiện trường, lao động sáng tạo của đạo diễn, chi tiết trong điện ảnh, dàn cảnh điện ảnh và diễn viên, cách quan sát và ghi hình, tổ chức để thành công với nghề đạo diễn, nghệ thuật Montage.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

	Nội dung chi tiết (theo chương/bài, mục chi tiết cấp 1)
Chương 1.	Nhập môn nghiệp vụ đạo diễn
1.1.	Khái quát về nghề đạo diễn
1.2.	Công việc của Đạo diễn
1.3.	Các nhóm vấn đề của công việc đạo diễn

Chương 2.	Lao động sáng tạo của đạo diễn
2.1.	Từ ngôn ngữ văn học sang ngôn ngữ điện ảnh.
2.2.	Chỉ đạo diễn xuất
2.3.	Kỹ năng xử lý từ khi nhận kịch bản, break-down kịch bản
2.4.	Các kỹ năng làm việc với quay phim, thiết kế mỹ thuật, âm thanh
2.5	Tư duy dựng ngay từ trên hiện trường
Chương 3	Dàn cảnh điện ảnh
3.1.	Dàn cảnh diễn viên
3.2.	Dàn cảnh đạo cụ
3.3.	Chi tiết trong điện ảnh
Chương 4	Tổ chất để dẫn tới thành công
4.1.	Trí tưởng tượng phong thú
4.2.	Khả năng hiện thực hoá trí tưởng tượng
4.3.	Vốn kiến thức, trải nghiệm sống
4.4.	Nhạy cảm về tâm lý
4.5.	Óc sắp xếp, tổ chức

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Phân tích một tác phẩm nghệ thuật
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Viết kịch bản phân cảnh một truyện ngắn hoặc đoạn truyện. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Nhập môn nghiệp vụ đạo diễn	10	5	0	15
2	Lao động sáng tạo của đạo diễn	10	0	0	10
3	Dàn cảnh điện ảnh	5	5	0	10
4	Tổ chất để dẫn tới thành công	5	5	0	10

Tổng	30	15	0	45
-------------	-----------	-----------	----------	-----------

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ BÀI TẬP

1. Phân tích một tác phẩm văn học
2. Phân cảnh quay và phân diễn viên
3. Thực hiện viết kịch bản phân cảnh một truyện ngắn hoặc một đoạn truyện

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X		X	X	X	X	X	X	X	X
4				X	X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng [1]
- Phát vấn [2]
- Hỏi lại hoặc vấn đáp [3]
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu [4]
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân) [5]

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
[1]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[2]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[3]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[4]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[5]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình [1]
- Làm việc nhóm [2]
- Tự học, tự nghiên cứu [3]

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
[1]						X	X	X	X	X	X	X
[2]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
[3]	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Bài giảng: Nghiệp vụ đạo diễn

[2] Bùi Phú (1984), Đặc trưng ngôn ngữ điện ảnh, NXB Văn Hóa

[3] David Mamet (Nguyễn Lê Chi dịch) (2013), Bài học cho đạo diễn, NXB Hồng Đức.

11.2. Tài liệu tham khảo

[1] Frédéric Plas (Phạm Thị Hoa dịch) (2004), Làm phim đầu tay, Hội Đa Việt Nam

[2] Laurent Tirard (Trương Quế Chi dịch) (2013), Những bài học điện ảnh 2, NXB Văn Hóa Sài Gòn

[3] Erika Fischer Kichte (Bùi Khởi Giang dịch) (1997), Ký hiệu học nghệ thuật sân khấu điện ảnh, Viện nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh, Hà Nội

[4] Việt Linh (chủ biên) (2011), Gọi tiếng cho hình, NXB Tổng Hợp, TP.HCM

[5] Việt Linh (chủ biên) (2011), Đóng phim là thế nào, NXB Tổng hợp, TP.HCM

[6] Việt Linh (chủ biên) (2011), Khi đạo diễn trẻ già dặn, NXB Tổng Hợp, TP.HCM

- **Thang điểm đánh giá**

Theo thang điểm tín chỉ.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kỹ thuật trường quay
- Mã học phần: MMC414
- Số tín chỉ: 2
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
 - Lý thuyết: 60 %
 - Thực hành: 40 %

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phan Nguyên Vĩnh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Điện ảnh – Truyền hình - Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0986.579.090
- Email: pnvinhvttv@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đỗ Hoàng Phổ
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Thiết kế Nghệ thuật - Trường Đại học Hoa Sen
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về trường quay, về kỹ thuật viên trường quay. Kỹ thuật viên trường quay phải am hiểu các hệ thống thiết bị bên trong trường quay do mình quản lý, hiểu được ý tưởng sản xuất của bên nội dung để phối hợp, chuẩn bị thiết bị phù hợp, đồng bộ.

- Cung cấp sinh viên kiến thức cơ bản về tạo hình quay phim như cỡ cảnh, bố cục, góc máy, động tác máy, trục máy.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các thông số cơ bản của các thiết bị đèn chiếu sáng, bàn điều khiển ánh sáng, hệ thống camera trong trường quay, bàn trộn hình ảnh, hệ thống âm thanh gồm micro, bàn trộn âm thanh, thiết bị liên lạc intercom...

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	- Chỉ ra được những nội dung về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy trong trường quay và các khu vực xung quanh; Mô tả được chức năng của hệ thống các thiết bị sử dụng khi sản xuất các chương trình truyền hình bên trong trường quay;
4.1.2	CLO2	- Trình bày được đặc điểm về âm thanh, hình ảnh, ánh sáng trong các chương trình truyền hình;
4.1.3	CLO3	- Giải thích được các thông số cơ bản của các thiết bị đèn chiếu sáng, bàn điều khiển ánh sáng, hệ thống camera trong trường quay, bàn trộn hình ảnh, hệ thống âm thanh gồm micro, bàn trộn âm thanh, thiết bị liên lạc intercom...;
4.1.4	CLO4	- Trình bày được cách thức kết nối các thiết bị;
4.1.5	CLO5	- Viết được quy trình vận hành, sử dụng và quy trình bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị trong trường quay.
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	- Tính toán định mức, điều tiết số lượng các thiết bị, vật tư cần thiết để đảm bảo chất lượng tín hiệu hình ảnh và âm thanh theo yêu cầu của đơn vị sản xuất nội dung;
4.2.2	CLO7	- Phân tích được những lỗi cơ bản đối với từng loại thiết bị trong trường quay;
4.2.3	CLO8	- Kiểm tra, đánh giá được các thông số kỹ thuật đảm bảo chất lượng tín hiệu hình ảnh và âm thanh trong quá trình sản xuất các chương trình truyền hình;
4.2.4	CLO9	- Lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kì các thiết bị trong trường quay.
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO10	- Có ý thức cộng đồng, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; Có tác phong nhanh nhẹn, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;

4.3.2	CL011	- Có tinh thần cầu thị, không ngừng học hỏi phấn đấu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
4.3.3	CLO12	- Tác phong chuyên nghiệp, nghiêm chỉnh chấp hành chỉ đạo của đạo diễn, biên tập.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 9 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về trường quay, kỹ thuật viên trường quay. Người học được giới thiệu cơ bản về ánh sáng, âm thanh và tạo hình quay phim. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp cho sinh viên xây dựng hệ thống đường hình, đường tiếng, hệ thống liên lạc nội bộ, ánh sáng trường quay... sao cho hiệu quả. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên những kỹ năng chạy setup toàn hệ thống, chạy duyệt chương trình theo kịch bản, ON AIR/LIVE/LIVESTREAM...

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan
1.1.	Áp dụng các kiến thức cơ bản về mỹ thuật
1.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản về ánh sáng

1.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản về âm thanh
1.4	Áp dụng kiến thức về tạo hình quay phim
Chương 2	Xây dựng hệ thống đường hình
2.1.	Đọc kịch bản, lên sơ đồ camera, lens, video switcher và các phụ kiện kèm theo.
	Lên sơ đồ đầu nối hệ thống đường hình
	Lên phương án dự phòng về thiết bị, truyền dẫn, điện ...
	Phân bổ nhân sự thực hiện
Chương 3	Xây dựng hệ thống đường tiếng
2.1.	Đọc kịch bản, số lượng microphone, chủng loại microphone, Audio mixer, loa, thiết bị ghi âm, nhập và tách âm thanh và các phụ kiện kèm theo.
2.2	Lên sơ đồ đầu nối hệ thống đường tiếng
2.3	Lên phương án dự phòng về thiết bị, truyền dẫn, điện, xử lý vấn đề ground ...
2.4	Phân bổ nhân sự thực hiện
Chương 4	Ánh sáng trường quay
4.1	Đọc kịch bản, dự rehearsal, lên lighting note
4.2	Lên phương án mood and tone cho show
4.3	Lên sơ đồ bố trí ánh sáng, list thiết bị ánh sáng
4.4	Bố trí nhân sự vận hành hệ thống ánh sáng trong trường quay
Chương 5	Hệ thống liên lạc nội bộ
5.1	Hệ thống liên lạc intercom
5.2	Quy hoạch phân bổ intercom cho các bộ phận.
5.3	Phân bổ bộ đàm
5.4	Phân bổ intercom có dây
5.5	Phân bổ intercom không dây
5.6	Hệ thống liên lạc dự phòng
Chương 6	Chạy setup toàn hệ thống

6.1	Chạy test kỹ thuật hệ thống đường hình
6.2	Chạy test kỹ thuật hệ thống đường tiếng
6.3	Chạy test kỹ thuật hệ thống ánh sáng
6.4	Chạy test đồng bộ đường hình-đường tiếng và ánh sáng
Chương 7	Chạy duyệt chương trình theo kịch bản
7.1.	Kiểm tra các bộ phận sẵn sàng theo đúng timeline.
7.2.	Đếm ngược để bắt đầu chạy chương trình
7.3.	Do thời gian
7.4.	Fix các lỗi
7.5.	Chạy Final để chuẩn bị cho Production chính thức
Chương 8	ON AIR/LIVE/LIVESTREAM
8.1.	Standby trước giờ Production 1h
8.2.	Double check toàn bộ các khâu.
8.3.	Nhắc còn 30ph, 20 phút, 10 phút, 5 phút, 1 phút, 30s, 20s ... 1 và action
8.4.	ON-AIR/LIVE/LIVESTREAM theo kịch bản, tắt cả Record.
Chương 9	Final – Report – Development
9.1.	Cut Record, Final Files, bàn giao dữ liệu đã ghi hình, Ký report chương trình, ký nghiệm thu.
9.2.	Thu hồi thiết bị, đóng thùng, thu dọn thiết bị đầy đủ về kho.
9.3.	Tổng kết, development, chỉ ra những lỗi cá nhân hay tập thể.

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân:
	Người học: chia ra vận hành từng thiết bị riêng lẻ trong trường quay: camera, microphone, vmix, ánh sáng, audio mixer, video mixer ...
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học: Thực hiện 01 talkshow 4 camera đồng bộ livestream

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Chương 1	2			5
2	Chương 2: đường hình	2			2

3	Thực hành đường hình		3		3
4	Chương 3: đường tiếng	2			2
5	Thực hành đường tiếng		3		3
6	Chương 4: ánh sáng	2			2
7	Thực hành ánh sáng		3		3
8	Chương 5: hệ thống liên lạc	2			2
9	Thực hành hệ thống liên lạc		3		3
10	Chạy test hệ thống	2			2
11	Thực hành chạy test hệ thống		3		3
12	Thực hiện talshow livestream		3		
13	Đánh giá cuối kỳ: đánh giá trực tiếp trên livestream talkshow		0		
Tổng		12	18		30

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Talkshow 4 camera tại trường quay
2. Quay ca nhạc tại trường quay
3. Truyền hình trực tiếp gameshow tại trường quay

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu

- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)**11.1. Tài liệu bắt buộc**

- Tập bài giảng môn học

11.2. Tài liệu tham khảo

1. Bruno TOUSSAINT (2007), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình* (Nguyễn Thị Hương, Phạm Tố Uyên dịch), NXB DIXIT/Jean Pierre FOUGEA – Hội Điện ảnh Việt Nam.
2. Mascelli, Joseph V. (1991), *Nghệ thuật quay phim và video* (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chỉnh lý), NXB Thông tin.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

<i>TT</i>	<i>Điểm thành phần</i>	<i>Hình thức đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Bài tập lớn	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Hậu kỳ kỹ thuật số
- Mã học phần: MMC415
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết: Quay phim và dựng phim
- Số giờ tín chỉ: 60, trong đó:
 - Lý thuyết: 60 %
 - Thực hành: 40 %

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phan Nguyên Vĩnh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Điện ảnh – Truyền hình - Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0986.579.090
- Email: pnvinhvttv@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đỗ Hoàng Phố
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Thiết kế Nghệ thuật - Trường Đại học Hoa Sen
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ xảo VFX (Visual Effects). Đây là quá trình tạo ra hoặc thêm các hiệu ứng hình ảnh để nâng cao chất lượng hình ảnh trong một Video đã được quay từ trước.

- Cung cấp cho sinh viên hiểu được nhiệm vụ của người làm VFX là thể hiện được bối cảnh phim và nội dung cần truyền tải thông qua việc tạo ra các hiệu ứng nhằm nâng cao trải nghiệm xem phim của khán giả.

- Cung cấp cho người học biết được tầm quan trọng của kỹ thuật xử lý hậu kỳ trong thời đại kỹ thuật số.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức, phương pháp, trình bày hồ sơ cá nhân ấn tượng.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Trình bày được quy trình làm kỹ xảo VFX trong điện ảnh, truyền hình;
4.1.2	CLO2	Có kiến thức về mỹ thuật tạo hình, đường nét, màu sắc, hình khối, Hiểu rõ quy tắc dựng không gian, vật thể, bối cảnh ;
4.1.3	CLO3	Trình bày, phân biệt được các khái niệm cơ bản về cỡ máy, góc máy, động tác máy, câu hình, giải thích được ngôn ngữ kịch bản;;
4.1.4	CLO4	Trình bày được một số kỹ thuật thiết kế kỹ xảo nâng cao với Plug-in của After Effect;
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO5	Kỹ năng chuyển từ kịch bản văn học sang kịch bản hình ảnh;
4.2.2	CLO6	Sử dụng thành thạo phần mềm vẽ mỹ thuật cho từng phân cảnh làm VFX;
4.2.3	CLO7	Tạo và thiết lập các kỹ xảo hạt, khói, ánh sáng;
4.2.4	CLO8	Tạo và thiết lập các mô hình 3D
4.2.5	CLO9	Chuyển cảnh nâng cao;
4.2.6	CLO10	Chỉnh màu nâng cao trong After Effect;
4.2.7	CLO11	Thực hiện được kỹ thuật thay thế hình ảnh;
4.2.8	CLO12	Bắt dính chuyển động Track motion và camera tracker;
4.2.9	CLO13	Sử dụng lập trình Script trong After Effect;
4.2.10	CLO14	Thành thạo trong việc kết hợp các yếu tố màu sắc, không gian, bối cảnh khi ghép hình ảnh 3D vào video;
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO15	Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp, nghiêm chỉnh chấp hành chỉ đạo của đạo diễn, cấp trên;

4.3.2	CL016	Chịu được áp lực cao trong công việc; Có tinh thần cầu thị, không ngừng học hỏi, rèn luyện
4.3.3	CLO17	Kiến trì, nghiêm túc và sáng tạo.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X
CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về hậu kỳ kỹ thuật số, nhằm giúp người học nắm được lịch sử hình thành VFX, trình bày được đặc trưng kịch bản văn học, kịch bản phân cảnh và giải thích được ngôn ngữ kịch bản. Người học được giới thiệu cơ bản về quy trình VFX – SFX cho phim, lên storyboard VFX-SFX cho phim. Ngoài ra, qua học phần này, sinh viên được khảo sát thực tế - chọn tone màu cho phim và mô phỏng bằng đồ họa máy tính. Từ đó sinh viên sẽ thực hành thành thạo trong việc kết hợp các yếu tố màu sắc, không gian, bối cảnh khi ghép hình ảnh 3D vào video và xuất file thành công.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan
1.1.	Lịch sử hình thành VFX
1.2.	Đọc hiểu, kịch bản

1.3.	Trình bày được đặc trưng kịch bản văn học, kịch bản phân cảnh
1.4	Giải thích được ngôn ngữ kịch bản
Chương 2	Xây dựng quy trình VFX – SFX cho phim
2.1.	Quy trình làm kỹ xảo VFX/SFX trong điện ảnh, truyền hình;
2.2.	Mỹ thuật tạo hình, đường nét, màu sắc, hình khối ...
2.3.	Mỹ thuật tạo hình, đường nét, màu sắc, hình khối...
2.4	Các khái niệm cơ bản về cỡ máy, góc máy, động tác máy, câu hình...;
Chương 3	Lên storyboard VFX-SFX cho phim
3.1.	- Kỹ năng chuyển từ kịch bản văn học sang kịch bản hình ảnh; - Sử dụng thành thạo phần mềm vẽ mỹ thuật từng cho từng phân cảnh làm VFX; - Phân tích được cách thức thể hiện hình ảnh trong kịch bản phân cảnh;
3.2.	- Lựa chọn được các cỡ cảnh phù hợp; - Chính sửa được hình ảnh phân cảnh theo yêu cầu; - Bổ sung được các thông tin quan trọng trong kịch bản phân cảnh.
Chương 4	Khảo sát thực tế - chọn tone màu cho phim
4.1.	Kỹ năng chọn bối cảnh, góc nhìn cho từng phân cảnh làm VFX;
4.2.	Chốt với quay phim chọn góc nhìn nào để đồng bộ hóa với góc camera trong cảnh thực tế cũng như góc camera trong đồ họa.
4.3.	Chọn tone màu cho phim
Chương 5	Mô phỏng bằng đồ họa máy tính
5.1.	Thiết kế được kỹ xảo cho Clip, sản phẩm truyền hình, điện ảnh Tạo và thiết lập các kỹ xảo hạt, khói, ánh sáng; Tạo và thiết lập các mô hình 3D;
5.2.	Chuyển cảnh nâng cao;
5.3.	Chỉnh màu nâng cao trong After Effect;
5.4.	Thực hiện được kỹ thuật thay thế hình ảnh;
5.5	Bắt dính chuyển động Track Motion và Camera tracker
5.6	Sử dụng script trong After Effect.
Chương 6	Tổng hợp (Composting)
6.1.	Thành thạo trong việc kết hợp các yếu tố màu sắc, không gian, bối cảnh khi ghép hình ảnh 3D vào video;
6.2.	Kỹ năng chuyển cảnh nâng cao;

	Kỹ năng chỉnh màu nâng cao trong After Effect;
6.3	Thực hiện được kỹ thuật thay thế hình ảnh; Nhắm bắt tâm lý người xem.
Chương 7	Xuất file
7.1.	Các kênh phát hành sản phẩm media, các quy chuẩn file của từng kênh.
7.2.	Phát hiện và khắc phục lỗi sản phẩm trước khi bàn giao;
7.3.	Thành thạo quá trình lưu trữ file, gửi file chờ duyệt theo quy định.

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân:
	Người học: Thực hiện 01 trailer giới thiệu phim 30s
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học: Thực hiện 1 bộ Graphic cho 1 gameshow

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Chương 1	2			2
2	Chương 2	2			2
3	Chương 3	3			3
4	Chương 4	3			3
5	Thực hành VFX trên Software 2D		5		5
6	Chương 5	5			5
	Thực hành VFX trên Software 3D		5		5
7	Chương 6	5			5
8	Thực hành VFX live chromakey		5		5
9	Chương 7	5			5
10	Thực hành VFX live chromakey		5		5
12	Đánh giá cuối kỳ: đánh giá trực tiếp trên phim VFX cuối kỳ				
Tổng		25	20		45

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Phân tích VFX phim điện ảnh
2. Phân tích bộ Graphics của 01 format gameshow truyền hình.
3. Phân tích bộ Graphics 01 format thể thao trực tiếp truyền hình.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

(Hội đồng khoa học phân tích thêm)

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
-

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Bài giảng của giảng viên

11.2. Tài liệu tham khảo

- Adobe Premiere (2013), Kỹ thuật dựng phim, NXB Văn hóa thông tin.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

<i>TT</i>	<i>Điểm thành phần</i>	<i>Hình thức đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Bài tập lớn	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đồ án chuyên ngành Sản xuất phim và quảng cáo
- Mã học phần: MMC416
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Thực tập cơ sở
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết:
 - Thực hành:

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học ...
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về sản xuất phim và quảng cáo và góp phần định hướng công việc sẽ làm sau khi ra trường.
- Cung cấp cho người học cơ hội tiếp cận với các đề án trong thực tế, vận dụng các kiến thức chuyên sâu đã học ở các học phần chuyên ngành để xây dựng kịch bản phim/

quảng cáo, quay phim, dựng phim, xử lý hậu kỳ, hoàn thiện một sản phẩm truyền thông đa phương tiện đảm bảo yêu cầu về chất lượng.

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, trình bày vấn đề, kỹ năng làm báo cáo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Giải thích được cơ sở lý thuyết vận dụng trong nội dung thiết kế, xây dựng kịch bản phim/ quảng cáo, các dự án truyền thông.
4.1.2	CLO2	Trình bày, giải quyết, xử lý tình huống thực tế trong lĩnh vực xây dựng kịch bản phim/ quảng cáo, quay phim, dựng phim...trong hoạt động truyền thông dựa trên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành đã được học.
4.1.3	CLO3	Thực hiện thành thạo việc xây dựng kịch bản phim, sản xuất phim/ quảng cáo và phổ biến trên các phương tiện truyền thông một cách hiệu quả.
4.1.4	CLO4	Phân tích được các kỹ thuật chuyên sâu trong việc quay phim/ quay quảng cáo cũng như hiểu về các động tác máy, các góc máy trong quay phim, dựng phim.
4.1.5	CLO5	Phân tích được nghệ thuật ghi lại những khoảnh khắc đẹp trước máy quay, chọn những hình ảnh bắt mắt, phù hợp để dựng phim/quảng cáo.
4.1.6	CLO6	Đánh giá hiệu quả của sản phẩm phim/quảng cáo, các sản phẩm truyền thông khi phổ biến trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO7	Tham gia làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả.
4.2.2	CLO8	Tham gia, tổng hợp, diễn giải một vị trí làm trong thực tế phù hợp với kiến thức chuyên ngành.
4.2.3	CLO9	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo...
4.2.4	CLO10	Biết thiết lập, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ với đồng nghiệp, đối tác trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá..
4.2.5	CLO11	Sử dụng tiếng Anh khung trình độ quốc gia B1, giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan.
4.2.6	CLO12	Sử dụng hiệu quả các tính năng của các sản phẩm công nghệ trong hành nghề, tác nghiệp.

4.2.7	CLO13	Biết cách phân tích và dự đoán nhu cầu của khách hàng khi cần sử dụng dịch vụ truyền thông đa phương tiện.
4.2.8	CLO14	Trình bày logic, báo cáo trôi chảy sản phẩm truyền thông mà mình làm ra.
4.2.10	CLO15	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành.
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO16	Có lập trường, tư tưởng vững vàng, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp. Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc...
4.3.2	CLO17	Có ý thức đóng góp tạo ra những sản phẩm có giá trị, góp phần thúc đẩy sự phát triển khoa học và kỹ thuật đất nước.
4.3.3	CLO18	Đề ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho việc phát triển sự nghiệp.
4.3.4	CLO19	Có thói quen học tập suốt đời.

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giúp sinh viên tiếp cận được với các đồ án trong thực tế. Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức chuyên sâu đã học ở các học phần chuyên ngành để xây dựng kịch bản phim/ quảng cáo, quay phim, dựng phim, xử lý hậu kỳ, hoàn thiện một sản phẩm truyền thông đa phương tiện đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Ngoài ra, thông qua học phần này sẽ giúp sinh viên rèn luyện thái độ, tác phong và vận dụng hiệu quả các kiến thức được học tập tại nhà trường vào tác nghiệp, hành nghề. Bên cạnh đó, môn học giúp sinh viên vận dụng tích hợp các kỹ năng như giải quyết vấn đề, xử lý tình huống, sử dụng công nghệ thông tin... và qua đó, sinh viên có cơ hội trau dồi đạo đức nghề nghiệp.

6. Nội dung chi tiết của học phần

Người học hoàn thành báo cáo nội dung đồ án chuyên ngành gồm các nội dung như sau:

Chương	Nội dung
Chương 1.	Đặc tả yêu cầu đồ án
1.1.	Tổng quan
1.2.	Đặc tả yêu cầu đồ án
Chương 2.	Khảo sát thực tế
2.1.	Khảo sát các sự kiện tại các phim trường, những nơi tổ chức sự kiện truyền thông
2.2.	Thu thập thông tin, dữ kiện
Chương 3.	Mô hình giải pháp đề xuất vận dụng vào đồ án
Chương 4.	Triển khai thực hiện đồ án

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18	CLO19
1	x	x						x		x									
2				x							x	x	x	x	x	x			
3			x	x	x	x	x	x								x	x	x	x
4			x	x	x	x	x	x	x		x			x			x	x	x

7. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Thuyết trình tích cực

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Thuyết	Giải	Phát vấn	Phương pháp
		x	CLO1
	x	x	CLO2
x			CLO3
x	x		CLO4
x			CLO5
x			CLO6
x	x		CLO7
x		x	CLO8
			CLO9
x		x	CLO10
	x		CLO11
	x		CLO12
	x		CLO13
	x		CLO14
	x		CLO15
x	x		CLO16
x			CLO17
x			CLO18
x	x		CLO19

8. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18	CLO19
Thuyết trình	x	x	x		x			x	x		x	x	x	x		x	x	x	
Làm việc nhóm			x		x	x	x			x	x	x			x	x	x		

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Tiêu luận/ Báo cáo	Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18	CLO19
x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THIẾT KẾ DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
- Mã học phần: MMC423
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 30 ..., trong đó:
 - Lý thuyết: 30
 - Thực hành: 00

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Ao Thu Hoài
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Trường Đại học Tài chính – Marketing
- Điện thoại: 0888681689
- Email: aothuhoai@ufm.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về lĩnh vực dự án truyền thông.
- Giới thiệu cho người học làm quen với các dự án, các chiến lược truyền thông.
- Giúp người học biết lên kế hoạch, nắm quy trình thực thi dự án truyền thông.
- Hướng cho người học tầm nhìn rộng về ngành Truyền thông đa phương tiện.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Hiểu được những thuật ngữ chuyên môn, những kiến thức cơ bản về thương hiệu
4.1.2	CLO2	Nắm được những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu: tạo dựng, duy trì, phát triển, giữ gìn, bảo vệ thương hiệu
4.1.3	CLO3	Biết cách khai thác triệt để giá trị của thương hiệu
4.1.4	CLO4	Hiểu biết khái quát về chức năng, vai trò, nhiệm vụ của nhà quản trị thương hiệu
4.1.5	CLO5	Hiểu biết được môi trường của người làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO6	Kỹ năng phân tích, đánh giá uy tín và chất lượng của thương hiệu
4.2.2	CLO7	Tư duy phản biện từ nhiều khía cạnh, góc độ từ đó thiết kế nên một dự án tối nhất
4.2.3	CLO8	Xử lý tình huống phát sinh và giải quyết vấn đề hiệu quả
4.2.4	CLO9	Kỹ năng thuyết trình, xây dựng liên kết nhóm, tìm kiếm, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ đối tác
4.3		Mức tự chủ và trách nhiệm
4.3.1	CLO10	Giúp người học có ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập cũng như môi trường làm việc sau khi ra trường
4.3.2	CLO11	Phát huy sức sáng tạo cá nhân
4.3.3	CLO12	Tinh thần đồng đội, tính kỷ luật cao trong môi trường làm việc

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						
CLO3			X				
CLO4				X			
CLO5					X	X	X
CLO6					X	X	X

CLO7					X	X	X
CLO8					X	X	X
CLO9					X	X	X
CLO10					X	X	X
CLO11					X	X	X
CLO12					X	X	X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thiết kế dự án truyền thông bao gồm 6 chương. Nội dung tập trung làm rõ những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu. Những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu. Hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về Thương hiệu
Chương 2	Xây dựng Thương hiệu
Chương 3	Phát triển Thương hiệu
Chương 4	Bảo vệ Thương hiệu
Chương 5	Khai thác giá trị Thương hiệu
Chương 6	Tổ chức, quản trị Thương hiệu

6.2. Thực hành

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	Tổng quan về Thương hiệu	5			5
2	Xây dựng Thương hiệu	5			5
3	Phát triển Thương hiệu	5			5
4	Bảo vệ Thương hiệu	5			5
5	Khai thác giá trị Thương hiệu	5			5

6	Tổ chức, quản trị Thương hiệu	5			5
Tổng		30			30

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Những yếu tố nào làm nên thương hiệu?
2. Uy tín hay chất lượng quyết định giá trị của thương hiệu?
3. Làm thế nào để bảo vệ và khai thác hiệu quả thương hiệu?

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X
					X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)

11.1. Tài liệu bắt buộc

- Bài giảng của giảng viên

11.2. Tài liệu tham khảo

- PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) – PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng, (2018), *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nxb. Thông tin và truyền thông
- Bùi Văn Quang (2018), *Quản trị Thương hiệu – Lý thuyết và thực tiễn*, Nxb. Lao động Xã hội.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: QUẢN TRỊ DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG
- Mã học phần: MMC424
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành: 00

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Ao Thu Hoài
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Trường Đại học Tài chính – Marketing
- Điện thoại: 0888681689
- Email: aothuhoai@ufm.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học .
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cũng như kỹ năng chung về tổ chức, quản lý và thực hiện thành công một chương trình IMC.
- Cung cấp cho người học những kiến thức để biết nắm bắt chính xác chiến lược marketing, IMC và các công cụ của IMC.

- Giúp cho người học biết phân tích các cơ hội để từ đó đưa ra các chương trình tiếp thị hiệu quả và hiểu biết tiến trình truyền thông
- Trang bị kiến thức về các kỹ năng về tổ chức và phối hợp các công cụ truyền thông cũng như đánh giá và đo lường hiệu quả của chúng.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Hiểu biết cách tổ chức, quản lý, điều hành linh hoạt và sáng tạo để thực hiện thành công một chương trình IMC
4.1.2	CLO2	Biết cách phân tích, thực hiện có hiệu quả chiến lược truyền thông
4.1.3	CLO3	Biết xác lập và thực hiện mục tiêu, tính toán ngân sách IMC
4.1.4	CLO4	Biết lập kế hoạch và chiến lược phương tiện truyền thông
4.1.5	CLO5	Nắm được quy trình giám sát và kiểm soát được một chương trình IMC
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Biết cách giải quyết vấn đề, xử lý tình huống thực tiễn khi thực hiện chương trình truyền thông
4.2.2	CLO7	Kỹ năng trình bày, báo cáo công việc và thể hiện ý tưởng sáng tạo
4.2.3	CLO8	Kỹ năng xây dựng chiến lược truyền thông
4.2.4	CLO9	Kỹ năng làm việc nhóm, thiết lập và phát triển mối quan hệ trong và ngoài nhóm
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO10	Có ý thức trong học tập và đề ra ý tưởng trong quá trình làm việc nhóm
4.3.2	CLO11	Thể hiện sáng tạo cá nhân và tinh thần đồng đội trong học tập và công việc
4.3.3	CLO12	Có tinh thần trách nhiệm cao trong học tập và công việc sau khi ra trường

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	X	X					
CLO2	X						

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)**11.1. Tài liệu bắt buộc**

- Bài giảng của giảng viên

11.2. Tài liệu tham khảo

- Minh Tú (dịch) (2018), *Quản trị dự án – Những nguyên tắc căn bản* (Joseph Heagney), NXB. Công thương.

- TS. Đinh Bá Hùng Anh (2019), *Quản trị dự án (Ms. Project)*, NXB. Tài chính.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + Thuyết trình	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận cá nhân	60%

Mã trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp									X			

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: 3DS Max
- Mã học phần: MMC425
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Nhập môn ngành CNTT
- Số giờ tín chỉ: ..., trong đó:
 - Lý thuyết: .
 - Thực hành: .

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Văn Tiền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Công nghệ Thông tin - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0989.503.100
- Email: TienTV@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức về đồ hoạ 3D.
- Cung cấp cho người học những cách thức, phương pháp về dựng mô hình 3D phục vụ cho games, nội ngoại thất, showroom.

CLO2	x									
CLO3		x								
CLO4				x						
CLO5					x					
CLO6					x					
CLO7						x				
CLO8							x			
CLO9								x		
CLO10										x
CLO11										x

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 10 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về đồ họa 3D, nhằm giúp người học hiểu biết và sử dụng thành thạo và ứng dụng hiệu quả phần mềm 3DS Max. Người học được giới thiệu cơ bản về các hiệu ứng, cách dựng hình các vận hành trong phần mềm 3DS Max. Ngoài ra, học phần giới thiệu lĩnh vực thiết kế nội ngoại thất và games.

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Giới thiệu và các khái niệm cơ bản
1.1.	Cài đặt và giao diện
1.2.	Thao tác trên vùng nhìn
1.3.	Làm việc với đối tượng nguyên sinh
1.4	Thao tác cho đối tượng
Chương 2	Điều chỉnh đối tượng thứ cấp
2.1.	Khái niệm các cấp độ con (Vertex, segment, Edge...)
2.2.	Ứng dụng cho việc biến đổi
2.3.	Các hiệu ứng điều chỉnh cấp độ thứ cấp
Chương 3	Đối tượng 2D. Chuyển từ 2D sang 3D
3.1.	Các đối tượng 2D
3.2.	Cách chuyển từ 2D sang 3D
Chương 4	Kết hợp đối tượng

4.1.	Giống hàng
4.2.	Hàn, Giao, Xén
4.3.	Phân bố đối trọng
Chương 5	Phép biến đổi đối tượng
5.1.	Phép biến đổi uốn cong
5.2.	Phép biến đổi xoắn, loc, noise...
5.3.	Bevel Profile
Chương 6	Vật liệu
6.1.	Khái niệm vật liệu
6.2.	Làm việc với vật liệu
6.3.	Các loại vật liệu đặc biệt
Chương 7	Ánh sáng
7.1.	Khái niệm ánh sáng
7.2.	Các loại đèn trong 3DS Max
7.3.	Cách đặt đèn và các thông số thông dụng
Chương 8	Chuyển động trong 3DS Max
8.1.	Khái niệm và làm việc với keyframe
8.2.	Tạo chuyển động
8.3.	Điều chỉnh chuyển động
Chương 9	Camera
9.1.	Phân loại camera
9.2.	Cách đặt camera
9.3.	Chuyển động bằng camera
Chương 10	Render
10.1.	Setup render
10.2.	Xuất file trong 3DS Max

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện bài tập cá nhân do giảng viên yêu cầu
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ		
		Lý thuyết	Bài tập	Tổng
1	Giới thiệu và các khái niệm cơ bản 3DS Max	3	2	
2	Điều chỉnh đối tượng thứ cấp	3	2	
3	Đối tượng 2D. Chuyển từ 2D sang 3D	3	2	
4	Kết hợp đối tượng	3	2	
5	Cách biến đổi đối tượng	3	3	
6	Vật liệu trong 3DS Max	3	3	
7	Ánh sáng trong 3DS Max	3	3	
8	Chuyển động trong 3DS Max	4	3	
9	Camera			
10	Render			
Tổng		25	20	45

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
1	X	X								X		
2	X									X		
3			X							X		
4				X						X	X	
5					X	X	X	X	X	X	X	X
6					X	X	X	X	X	X	X	X
7					X	X	X	X	X	X	X	X
8					X	X	X	X	X	X	X	X
9					X	X	X	X	X	X	X	X
10							X				X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Hỏi lại hoặc vấn đáp

- Nghe nhìn

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phát vấn	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Thuyết trình	X	X		X	X					X		
Làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Tự học, tự nghiên cứu	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần

11.1. Tài liệu bắt buộc

- ..., (2015), ..., Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

11.2. Tài liệu tham khảo

- ... (2007) (chủ biên), ..., NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Dự lớp + (Tiểu luận và Thuyết trình)	40%
2	Kết thúc học phần	Dự lớp + Thi (Hình thức: Trắc nghiệm trên máy tính, Thời gian làm bài: 75')	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Bài tập trên lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập ở nhà	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá làm việc nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá chuyên cần	X		X		X		X		X	X		X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỜNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ THẨM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đồ án chuyên ngành Công nghệ truyền thông
- Mã học phần: MMC426
- Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Thực tập cơ sở
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45
 - Thực hành:

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học ..
- Điện thoại:
- Email:

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học ..
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về công nghệ truyền thông và góp phần định hướng công việc sẽ làm sau khi ra trường.
- Cung cấp cho người học cơ hội tiếp cận với các đề án trong thực tế, vận dụng các kiến thức chuyên sâu đã học ở các học phần chuyên ngành để lập trình, xây dựng phát

triển các ứng dụng về công nghệ thông tin trong lĩnh vực về truyền thông. Giúp sinh viên thực hiện kế hoạch truyền thông, marketing, thiết kế đồ họa, thương mại điện tử, thiết kế nội dung số, đồ họa đa phương tiện, lập trình phát triển sản phẩm đa phương tiện một cách hiệu quả.

- Cung cấp cho người học cách tổ chức, quản lý công việc trong lĩnh vực sản xuất truyền thông như sản xuất phim điện ảnh, chương trình phát thanh, truyền hình, phim quảng cáo, multimedia và các thể loại sản phẩm truyền thông hiện đại khác.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp, trình bày, giải quyết vấn đề; kỹ năng làm báo cáo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Giải thích được cơ sở lý thuyết vận dụng trong nội dung thiết kế, xây dựng phát triển các ứng dụng về công nghệ thông tin trong lĩnh vực về truyền thông.
4.1.2	CLO2	Trình bày, giải quyết, xử lý tình huống thực tế trong lĩnh thiết kế đồ họa, thương mại điện tử, thiết kế nội dung số, đồ họa đa phương tiện, lập trình phát triển sản phẩm đa phương tiện dựa trên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành mà sinh viên đã được học.
4.1.3	CLO3	Thực hiện thành thạo việc xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng; thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế Web, chụp ảnh, thiết kế và biên tập sản phẩm quảng cáo; thiết kế, biên tập tác phẩm truyền thông và quản trị dự án truyền thông đa phương tiện.
4.1.4	CLO4	Phân tích được các kỹ thuật chuyên sâu trong việc thiết kế các sản phẩm truyền thông đa phương tiện như nhiếp ảnh, phim ngắn, video marketing, các loại hình truyền thông mới và các kỹ thuật truyền thông số.
4.1.6	CLO5	Đánh giá hiệu quả của sản phẩm sản phẩm truyền thông khi phổ biến trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO6	Tham gia làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả.
4.2.2	CLO7	Tham gia, tổng hợp, diễn giải một vị trí làm trong thực tế phù hợp với kiến thức chuyên ngành.
4.2.3	CLO8	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, vạch kế hoạch và báo cáo...

4.2.4	CLO9	Biết thiết lập, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ với đồng nghiệp, đối tác trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá..
4.2.5	CLO10	Sử dụng tiếng Anh khung trình độ quốc gia B1, giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan.
4.2.6	CLO11	Sử dụng hiệu quả các tính năng của các sản phẩm công nghệ trong hành nghề, tác nghiệp.
4.2.7	CLO12	Biết cách phân tích và dự đoán nhu cầu của khách hàng khi cần sử dụng dịch vụ truyền thông đa phương tiện.
4.2.8	CLO13	Trình bày logic, báo cáo trôi chảy sản phẩm truyền thông mà mình làm ra.
4.2.10	CLO14	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành.
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO15	Có lập trường, tư tưởng vững vàng, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.
		Hình thành tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đối với công việc...
4.3.2	CLO16	Có ý thức đóng góp tạo ra những sản phẩm có giá trị, góp phần thúc đẩy sự phát triển khoa học và kỹ thuật đất nước.
4.3.3	CLO17	Đề ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho việc phát triển sự nghiệp.
4.3.4	CLO18	Có thói quen học tập suốt đời.

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	X									
CLO2		X								
CLO3			X							
CLO4			X							
CLO5			X							
CLO6				X						
CLO7					X					
CLO8					X					
CLO9					X	X				
CLO10						X				
CLO11						X				

Học phần giúp sinh viên tiếp cận được với các đồ án trong thực tế. Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức chuyên sâu đã học ở các học phần chuyên ngành để tạo ra sản phẩm truyền thông, marketing, thiết kế đồ họa, thương mại điện tử, thiết kế nội dung số, đồ họa đa phương tiện, lập trình phát triển sản phẩm đa phương tiện một cách hiệu quả. Ngoài ra, thông qua học phần này sẽ giúp sinh viên rèn luyện thái độ, tác phong và vận dụng hiệu quả các kiến thức được học tập tại nhà trường vào tác nghiệp, hành nghề. Bên cạnh đó, môn học giúp sinh viên vận dụng tích hợp các kỹ năng như giải quyết vấn đề, xử lý tình huống, sử dụng công nghệ thông tin... và qua đó, sinh viên có cơ hội trau dồi đạo đức nghề nghiệp.

Người học hoàn thành báo cáo nội dung đồ án chuyên ngành gồm các nội dung như sau:

Chương	Nội dung
Chương 1.	Đặc tả yêu cầu đồ án
1.1.	Tổng quan
1.2.	Đặc tả yêu cầu đồ án
Chương 2.	Khảo sát thực tế
2.1.	Khảo sát các sự kiện phục vụ đồ án
2.2.	Thu thập thông tin, dữ kiện
Chương 3.	Mô hình giải pháp đề xuất vận dụng vào đồ án
Chương 4.	Triển khai thực hiện đồ án

Chron	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18
1	x	x						x		x								
2				x							x	x	x	x	x	x		
3			x	x	x	x	x	x								x	x	x

4			x	x	x	x	x	x	x		x			x			x	x
---	--	--	---	---	---	---	---	---	---	--	---	--	--	---	--	--	---	---

7. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Thuyết trình tích cực

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18
Phát vấn	x	x						x		x								
Giải quyết vấn đề		x		x			x				x	x	x	x	x	x		
Thuyết trình tích			x	x	x	x	x	x		x						x	x	x

8. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18
Thuyết trình	x	x	x		x			x	x		x	x	x	x		x	x	x
Làm việc nhóm			x		x	x	x			x	x	x			x	x	x	
Tự học, tự nghiên cứu			x	x	x		x	x		x	x		x	x	x		x	x

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đồ kết thúc học phần.

10. Tài liệu phục vụ cho học phần

10.1. Tài liệu bắt buộc

- Tập bài giảng của giảng viên

10.1. Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) (2018), *Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, NXB Thông tin và Truyền thông.
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang, (2016), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội
3. Mascelli, Joseph V. (1991), *Nghệ thuật quay phim và video* (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chính lý), NXB Thông tin.

4. PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) – PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng, (2018), *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nxb. Thông tin và truyền thông.
5. Philippe Breton và Serge Proulx. (1996). *Bùng nổ truyền thông – sự ra đời một ý thức hệ mới*. Nxb. Văn hóa.

11. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tin chỉ.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm kết thúc học phần:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Kết thúc học phần	Bài tiểu luận/báo cáo đồ án	100%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18	CLO19	CLO20
Tiểu luận/ Báo cáo	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG


TS. DƯƠNG MỸ THAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp (Internship for Graduation)
- Mã số học phần: MMC501
- Phân bố thời gian học tập: 5 (00/05/05) tín chỉ
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng ☒ Đại học ☒
- Đơn vị phụ trách học phần:
- Loại hình học phần:
Đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☒ Tốt nghiệp ☐
Thí nghiệm ☐ Thực hành ☐ Kiến tập/ Thực tập ☒ Đồ án môn học ☐
Bắt buộc ☒ Tự chọn ☐
- Lần biên soạn/hiệu chỉnh thứ: 01

B. CÁC NĂNG LỰC CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI HỌC XONG HỌC PHẦN

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

1. Các năng lực chính được hình thành sau khi kết thúc học phần:

CT3: Năng lực hiểu biết về các lý thuyết, mô hình truyền thông, pháp luật về báo chí và truyền thông trong các hoạt động truyền thông.

Nội dung: Sinh viên có kiến thức và hiểu biết về các lý thuyết, mô hình truyền thông, pháp luật về báo chí và truyền thông trong các hoạt động truyền thông. Áp dụng các kiến thức về pháp luật trong quá trình triển khai, thực hiện và quảng bá các hoạt động về truyền thông.

Biểu hiện:

- Hiểu về lý thuyết, mô hình truyền thông;
- Hiểu về pháp luật của báo chí và truyền thông;

- Có khả năng vận dụng kiến thức về pháp luật trong quá trình triển khai, thực hiện và quảng bá các hoạt động về truyền thông.

CT4: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức của lĩnh vực báo chí và truyền thông trong việc tạo ra một sản phẩm báo chí đa phương tiện, đánh giá được hiệu quả tác động của báo chí.

Nội dung: Sinh viên được trang bị kiến thức về lĩnh vực truyền thông báo chí, vận dụng được những kiến thức để tạo ra một sản phẩm báo chí.

Biểu hiện:

- Thực hiện được việc tạo ra một sản phẩm báo chí đa phương tiện và thiết kế ấn phẩm báo chí đa phương tiện.;
- Nắm được nguyên tắc nghề nghiệp của người làm công tác truyền thông và báo chí;
- Đánh giá được hiệu quả tác động của sản phẩm báo chí đa phương tiện khi đăng tải trên các phương tiện truyền thông

CT5: Năng lực hiểu biết, vận dụng kiến thức về thiết kế, phát triển, vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo từng lĩnh vực.

Nội dung: Sinh viên có kiến thức và hiểu biết về thiết kế một sản phẩm truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh, xây dựng dự án và phát triển dự án truyền thông cho các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau.

Biểu hiện:

- Thực hiện được một cách sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, quay phim và dựng phim, xử lý hậu kỳ; thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế Web, chụp ảnh, thiết kế và biên tập sản phẩm quảng cáo; thiết kế, biên tập tác phẩm truyền thông và quản trị dự án truyền thông đa phương tiện.
- Thiết kế được các sản phẩm truyền thông đa phương tiện cụ thể đáp ứng nhu cầu đa dạng như nhiếp ảnh, phim ngắn, video marketing, các loại hình truyền thông mới và các kỹ thuật truyền thông số.
- Thực hiện sự điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.
- Đánh giá hiệu quả của sản phẩm truyền thông đa phương tiện khi ứng dụng sản phẩm này vào đời sống xã hội.

CI2: Năng lực sử dụng tin học thể hiện ở việc sử dụng công nghệ hiện đại phục vụ tốt công tác quản lý và phát triển các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

Nội dung: Được trang bị các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ hiện đại trong việc thiết kế để tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện hoàn chỉnh.

Biểu hiện:

- Sử dụng CNTT trong quá trình tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;
- Sử dụng tích hợp các công nghệ hiện đại vào việc quản lý các hoạt động của sản phẩm truyền thông đa phương tiện;
- Sử dụng CNTT lưu trữ và truy xuất dữ liệu về quản lý và truyền thông;
- Sử dụng CNTT hỗ trợ cho việc đưa ra quyết định trong quản lý và thiết kế các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;

CH1: Năng lực phẩm chất đạo đức cá nhân

Nội dung: Hình thành, phát triển những phẩm chất đạo đức về cá nhân cho sinh viên

Biểu hiện:

- Thể hiện lòng yêu nghề, lấy khách hàng, sự phát triển của doanh nghiệp là trung tâm.
- Biết lắng nghe và chia sẻ.
- Tính thần tự học và làm chủ bản thân

CH2: Năng lực phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, xã hội

Nội dung: Có phẩm chất đạo đức trong mối quan hệ với cộng đồng, đồng nghiệp, người lao động, lãnh đạo trong hoạt động nghề nghiệp.

Biểu hiện:

- Tuân thủ những chính sách và pháp luật của Nhà nước về các vấn đề chính trị - xã hội, luật pháp về truyền thông.
- Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức hành nghề (nghiêm túc, kỷ luật, cẩn thận, năng động, sáng tạo, cầu tiến);
- Biết làm việc nhóm và cộng đồng xã hội;
- Biết làm chủ vị trí lao động của bản thân trong mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với các vị trí lao động khác;
- Hiểu được nguyên tắc và có sáng kiến để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Biết học tập từ đồng nghiệp và tự học thêm để hoàn thiện bản thân.

2. Các năng lực bổ sung được hình thành sau khi kết thúc học phần:

CI5: Năng lực làm việc nhóm

Nội dung: Có kiến thức điều hành, phân công và hỗ trợ trong quá trình làm việc với các nhóm cụ thể.

Biểu hiện:

- Có kiến thức thành lập nhóm;
- Có phong cách làm việc chuyên nghiệp, biết cách xử lý tình huống nhóm;
- Thích nghi, tôn trọng sự khác biệt về văn hóa;
- Trung thực, hết mình vì lợi ích chung của cơ sở lao động và lợi ích chính đáng của cá nhân người lao động;
- Biết đoàn kết, tôn trọng, học hỏi và hợp tác trong quan hệ với đồng nghiệp;
- Kỹ năng xử lý xung đột nhóm;
- Kỹ năng thiết lập quan hệ với các thành viên trong nhóm;
- Kỹ năng làm việc trong nhóm nhỏ và nhóm lớn.

CO2. Lập kế hoạch và triển khai các hoạt động nghề nghiệp tại các đơn vị truyền thông

Nội dung: Sinh viên có khả năng lập kế hoạch và tổ chức triển khai, đánh giá các dự án truyền thông, xử lý khủng hoảng truyền thông liên quan tới doanh nghiệp mà mình khảo sát và nghiên cứu.

Biểu hiện:

- Xây dựng được kế hoạch hoạt động phù hợp với từng lĩnh vực truyền thông;
- Tổ chức được các hoạt động truyền thông cụ thể từ kế hoạch tại doanh nghiệp;
- Quản lý các hoạt động truyền thông đang được triển khai;
- Biết liên kết phối hợp với các tổ chức xã hội khác trong quá trình triển khai các lĩnh vực truyền thông.
- Biết quản trị dự án, đánh giá dự án truyền thông và xử lý các khủng hoảng truyền thông liên quan tới các đơn vị.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN**1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):**

- Kiến thức: Thực tập các công việc liên quan tới các mảng truyền thông đa phương tiện tại doanh nghiệp, nắm bắt kiến thức về luật lao động, giao tiếp nơi làm việc, ghi nhận lại những hoạt động liên quan đến vị trí thực hiện và giám sát.

- Kỹ năng: Thực hiện các hoạt động thực tế tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên và nhân viên của doanh nghiệp; xử lý các tình huống thực tế (sự cố giả định hoặc phi giả định). Sinh viên thực hiện theo quy trình thực tập của Khoa. Viết báo cáo thu hoạch thực tập cuối khóa.

- Thái độ, chuyên cần: chân thành, nhiệt tình, sáng tạo, chăm chỉ và cầu thị trong quá trình thực tập.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Sinh viên được trải nghiệm thực tế các công việc đặc thù trong công ty, doanh nghiệp truyền thông, sự kiện, quảng cáo, cơ quan báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh, các doanh nghiệp công nghệ thông tin về truyền thông. Làm việc như những nhân viên thực thụ tại doanh nghiệp.

3. Bảng tương quan nội dung chi tiết học phần và năng lực được hình thành:

Nội dung chi tiết (theo chương, bài, mục chi tiết cấp 1)	Mã số năng lực tương ứng
Chương 1. Hội nhập doanh nghiệp 1.1. Giới thiệu tổng quan lịch sử hình thành doanh nghiệp 1.2. Cơ cấu tổ chức	CT3, CH1, CH2, CI5, CO2
Chương 2. Lý thuyết nghiệp vụ 2.1. Nghiệp vụ bộ phận Sự kiện 2.2. Nghiệp vụ bộ phận Truyền thông 2.3. Nghiệp vụ bộ phận Thiết kế & Media 2.4. Nghiệp vụ bộ phận sale & Marketing 2.5. Nghiệp vụ bộ phận nhân sự 2.6. Nghiệp vụ các bộ phận dịch vụ bổ sung	CT3, CT4, CT5, CI2, CH1, CH2, CI5, CO2
Chương 3. Thực tập nghiệp vụ 3.1. Nghiệp vụ bộ phận Sự kiện 3.2. Nghiệp vụ bộ phận Truyền thông 3.3. Nghiệp vụ bộ phận Thiết kế & Media 3.4. Nghiệp vụ bộ phận sale & Marketing 3.5. Nghiệp vụ bộ phận nhân sự 3.6. Nghiệp vụ các bộ phận dịch vụ bổ sung	CT3, CT4, CT5, CI2, CH1, CH2, CI5, CO2

D. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY – HỌC, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Phân bố số tiết học tập:

Tt	Loại hình học tập	Số tiết
1	Lý thuyết trên lớp, phòng thí nghiệm/thực hành (có giảng viên)	<0>
2	Rèn kỹ năng trên lớp, phòng thí nghiệm/thực hành (có giảng viên hướng dẫn)	<10>
3	Tự học ngoài lớp (theo nội dung được giảng viên yêu cầu và nộp kết quả cho giảng viên. Ví dụ: bài tập về nhà, báo cáo thu hoạch, bài thuyết trình ...) – Đi làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp từ 30 đến 60 ngày.	<100>

4	Tự nghiên cứu và viết báo cáo (có giảng viên hướng dẫn)	<40>
---	---	------

2. Tỉ trọng kiểm tra đánh giá chung tối thiểu, hình thức đánh giá:

Tt	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Đánh giá cá nhân	Giáo viên hướng dẫn đánh giá sinh viên thực tập dựa trên các tiêu chí sau: - Kiến thức chuyên môn - Tác phong - Thái độ, tinh thần làm việc - Mức độ hoàn thành công việc - Kết quả công việc - Kỹ năng mềm.	40%
2	Báo cáo thực tập	Đánh giá trên cấu trúc, nội dung, hình thức của báo cáo thực tập.	60%

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỌC PHẦN

1. Đối với giảng viên:

1.1. Danh sách Giảng viên phụ trách chính (giảng viên cơ hữu)

Tt	Họ và tên	Chức danh - Học vị	Chuyên môn	Điện thoại – email
1				

1.2. Yêu cầu đối với Giảng viên tham gia giảng dạy (cơ hữu, thỉnh giảng):

- Về trình độ tối thiểu: Thạc sĩ
- Chuyên ngành tốt nghiệp: Quan hệ công chúng, truyền thông, báo chí, công nghệ thông tin.

2. Đối với người học:

Các học phần tiên quyết: Không

Các học phần học trước: Trải nghiệm ngành nghề, Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện.

3. Tài liệu tham khảo:

Tt	Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1	Nguyễn Văn Hà, <i>Cơ sở lý luận báo chí</i> , Nxb ĐHQG TP.HCM, 2012	
2	Nguyễn Thị Trường Giang, <i>Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo</i> , Nxb Chính trị - Hành chính quốc gia, 2011	
3	Nguyễn Thị Trường Giang, <i>Lý thuyết và kỹ năng báo mạng điện tử</i> , Nxb Chính trị quốc gia, 2016	
4	Nguyễn Thị Trường Giang, <i>Báo chí truyền thông đa phương tiện</i> , Nxb quốc gia Hà Nội, 2017	
5	Philippe Breton - Serge Proulx, <i>Bùng nổ truyền thông, sự ra đời một ý thức hệ mới</i> , Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1996	
6	Tạ Ngọc Tấn, <i>Truyền thông đại chúng</i> , Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Đồ án tốt nghiệp đại học Truyền thông đa phương tiện
- Mã học phần: MMC502
- Số tín chỉ: 12
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp
- Số giờ tín chỉ: 360, trong đó:
 - Lý thuyết: 360
 - Thực hành:

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Xã hội – Truyền thông - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại:
- Email:

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về truyền thông đa phương tiện: hệ thống lý thuyết, mô hình truyền thông, pháp luật về báo chí và truyền thông trong các hoạt động truyền thông.

- Giúp người học biết cách vận dụng kiến thức của lĩnh vực báo chí và truyền thông trong việc tạo ra một sản phẩm báo chí đa phương tiện, đánh giá được hiệu quả tác động của báo chí.

- Cung cấp cho người học cơ hội tiếp cận với các dự án trong thực tế, vận dụng các kiến thức chuyên sâu để giải quyết các bài toán khi tác nghiệp.

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, trình bày vấn đề, kỹ năng làm báo cáo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1		Về kiến thức
4.1.1	CLO1	Trình bày được các kiến thức trải nghiệm ngành nghề, các kiến thức cơ bản và phương pháp học tập của chuyên ngành
4.1.2	CLO2	Trình bày, giải quyết, xử lý tình huống thực tế trong lĩnh vực hoạt động truyền thông dựa trên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành đã được học
4.1.3	CLO3	Thực hiện hành thạo việc tạo ra một sản phẩm báo chí đa phương tiện và thiết kế ấn phẩm báo chí đa phương tiện
4.1.4	CLO4	Đánh giá được hiệu quả tác động của sản phẩm báo chí đa phương tiện khi đăng tải trên các phương tiện truyền thông.
4.1.5	CLO5	Thực hiện được các quy trình của việc tạo ra một sản phẩm truyền thông đa phương tiện
4.1.6	CLO6	Am hiểu trong việc phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học. Biết cách sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản, quay phim và dựng phim, xử lý hậu kỳ; thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế Web, chụp ảnh, thiết kế và biên tập sản phẩm quảng cáo; thiết kế, biên tập tác phẩm truyền thông và quản trị dự án truyền thông đa phương tiện...
4.2		Về kỹ năng
4.2.1	CLO7	Xử lý tình huống linh hoạt, giải quyết vấn đề hợp lý và hiệu quả với mọi hoàn cảnh. Giao tiếp trực tiếp hoặc gián tiếp hiệu quả thông qua bằng lời nói, hành động, văn bản, đa phương tiện
4.2.2	CLO8	Biết thiết lập, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ với đồng nghiệp, đối tác trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá..

4.2.3	CLO9	Sử dụng tiếng Anh khung trình độ quốc gia B1, giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan.
4.2.4	CLO10	Sử dụng hiệu quả các tính năng của các sản phẩm công nghệ trong hành nghề, tác nghiệp.
4.2.5	CLO11	Biết cách phân tích và dự đoán nhu cầu của khách hàng khi cần sử dụng dịch vụ truyền thông đa phương tiện
4.2.6	CLO12	Trình bày logic, báo cáo trôi chảy sản phẩm truyền thông mà mình làm ra.
4.2.7	CLO13	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành.
4.2.8	CLO14	Vận dụng các kiến thức đã học một cách hiệu quả nhanh và sớm đạt đến sự thành công khi ra trường.
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO15	Rèn luyện và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.
4.3.2	CLO16	Có ý thức đóng góp tạo ra những sản phẩm có giá trị, góp phần thúc đẩy sự phát triển trong ngành nghề mà mình hoạt động.
4.3.3	CLO17	Đề ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho việc phát triển sự nghiệp.
4.3.4	CLO18	Biết chia sẻ, đóng góp cho các hoạt động xã hội. Có thói quen học tập suốt đời.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	X									
CLO2		X								
CLO3			X							
CLO4			X							
CLO5			X							
CLO6				X						
CLO7						X				
CLO8						X				
CLO9						X				
CLO10							X			
CLO11							X			
CLO12							X			

CLO13									X		
CLO14									X		
CLO15										X	
CLO16										X	
CLO17											X
CLO18											X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giúp người học tiếp cận được với các dự án cụ thể trong thực tế; rèn luyện thái độ, tác phong, vận dụng hiệu quả các kiến thức được học tập tại nhà trường vào tác nghiệp, hành nghề. Bên cạnh đó, chương trình ngành học có sự tích hợp giảng dạy các kỹ năng như giải quyết vấn đề, xử lý tình huống và trao đổi đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện khả năng học tập và tìm hiểu kiến thức mới, đọc hiểu tài liệu, sử dụng thành thạo các kỹ năng tin học văn phòng...

6. Nội dung chi tiết của học phần

Chương	Nội dung
Chương 1.	Đặc tả yêu cầu dự án
1.1.	Tổng quan chung
1.2.	Đặc tả yêu cầu dự án
Chương 2.	Khảo sát thực tế
2.1.	Khảo sát các sự kiện tại các phim trường, những nơi tổ chức sự kiện truyền thông
2.2.	Thu thập thông tin, dữ kiện
Chương 3.	Mô hình giải pháp đề xuất vận dụng vào dự án
Chương 4.	Triển khai dự án
Chương 5.	Tổng kết chung

Mã trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18
1	x	x						x		x								
2				x							x	x	x	x	x	x		
3			x	x	x	x	x	x								x	x	x
4			x	x	x	x	x	x	x		x			x				
5													x			x	x	x

7. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Phát vấn
- Nêu vấn đề
- Thuyết giảng

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18
Phát vấn	x	x						x		x								
Nêu vấn đề		x		x			x				x	x	x	x	x	x		
Thuyết giảng			x	x	x	x	x	x		x						x	x	x

8. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14	CLO15	CLO16	CLO17	CLO18
Thuyết trình nhóm	x	x	x		x			x	x		x	x	x	x		x	x	x

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học, nghiên cứu
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Hoàn thành báo cáo đồ án tốt nghiệp khi kết thúc học phần.

10.1. Tài liệu bắt buộc

Bài giảng của giảng viên

- PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (chủ biên) – PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng, (2018), *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nxb. Thông tin và truyền thông

- Bùi Văn Quang (2018), *Quản trị Thương hiệu – Lý thuyết và thực tiễn*, Nxb. Lao động Xã hội.

Theo thang điểm tín chỉ.

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm kết thúc học phần:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Kết thúc học phần	Bài báo cáo + thuyết trình	100%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá
CLO1
CLO2
CLO3
CLO4
CLO5
CLO6
CLO7
CLO8
CLO9
CLO10
CLO11
CLO12
CLO13
CLO14
CLO15
CLO16
CLO17
CLO18

Thuyết trình	Bài báo cáo																	
x	x	x		x				x	x		x	x	x	x		x	x	x

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA
KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG



TS. DƯƠNG MỸ TÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Sản xuất quảng cáo TVC và New media
- Mã học phần: MMC417
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần:
- Học phần tiên quyết:
- Số giờ tín chỉ: 45 tiết, trong đó:
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Thực hành:

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thái Hiền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa QHCC và truyền thông - Trường Đại học Kinh tế - Tài chính
- Điện thoại: 0902430690.
- Email: hienpt@uef.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên:
- Chức danh, học vị:
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8 00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa - Trường Đại học
- Điện thoại:
- Email:

3. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy trình sản xuất phim quảng cáo;
- Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng chuyên môn về quản trị dự án sản xuất phim quảng cáo, các vấn đề cần lưu ý trong quá trình sản xuất và phát hành sản phẩm phim quảng cáo trên các nền tảng truyền thông đa phương tiện;
- Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
4.1	Về kiến thức	
4.1.1	CLO1	Nắm vững các kiến thức cơ bản về quảng cáo
4.1.2	CLO2	Nắm vững quy trình sản xuất quảng cáo TVC và New Media
4.1.3	CLO3	Liên hệ được các kiến thức liên quan đến quảng cáo truyền thống và các nền tảng truyền thông đa phương tiện và vận dụng hiệu quả vào sản xuất sản phẩm quảng cáo
4.1.4	CLO4	Phân tích được các vấn đề cần lưu ý khi sản xuất quảng cáo TVC và new media
4.2	Về kỹ năng	
4.2.1	CLO5	Nắm vững, vận dụng được kỹ thuật quay và các phương tiện hỗ trợ để sản xuất ra các TVC hiệu quả
4.2.2	CLO6	Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm
4.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	
4.3.1	CLO7	Thể hiện trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình sản xuất phim quảng cáo

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO2	PLO4	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	X						
CLO2	X						
CLO3		X					
CLO4		X					
CLO5			X			X	
CLO6				X	X		
CLO7							X

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 8 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình sản xuất một quảng cáo TVC, bao gồm các công đoạn phát triển kịch bản; quản trị dự án sản xuất phim quảng cáo; tiền kỳ, sản xuất, hậu kỳ và phát hành; các kỹ thuật làm phim để sinh viên ứng dụng vào sản xuất và phát hành một sản phẩm TVC/New media.

6. Nội dung chi tiết của học phần**6.1. Lý thuyết**

Chương	Nội dung
Chương 1	TONG QUAN

1.1.	Phim quảng cáo (TVC)
1.2.	Quảng cáo trên các nền tảng truyền thông mới
1.3.	Năm giai đoạn trong quy trình sản xuất
Chương 2	PHÁT TRIỂN KỊCH BẢN VÀ DỰ ÁN
2.1.	Từ ý tưởng đến kịch bản
2.2.	Phát triển dự án
Chương 3	PHÂN TÍCH DỰ ÁN, KINH PHÍ VÀ TÀI CHÍNH
3.1.	Phân tích ý tưởng
3.2.	Dự toán kinh phí
3.3.	Tài chính
Chương 4	CÁC VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VÀ QUYỀN
4.1.	Các vấn đề pháp lý
4.2.	Các vấn đề về quyền
Chương 5	PITCHING
5.1.	Chuẩn bị
5.2.	Pitching thành công
Chương 6	TIỀN KỶ
6.1.	Kịch bản
6.2.	Nhân sự
6.3.	Lập kế hoạch sản xuất
Chương 7	SẢN XUẤT
7.1.	Nhân sự
7.2.	Phim trường, địa điểm
7.3.	Thiết bị
7.4.	Kỹ thuật quay: âm thanh, ánh sáng
7.5.	Thực tế tại trường quay
Chương 8	HẬU KỶ
8.1.	Biên tập
8.2.	Thành phẩm
8.3.	Phát hành

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học,....
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học
	- Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ			
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tổng
1	TỔNG QUAN	6			
2	PHÁT TRIỂN KỊCH BẢN VÀ DỰ ÁN	6			
3	PHÂN TÍCH DỰ ÁN, KINH PHÍ VÀ TÀI CHÍNH	3			
4	CÁC VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VÀ QUYỀN	3			
5	PITCHING	6			
6	TIỀN KỶ	6			
7	SẢN XUẤT	9			
8	HẬU KỶ	6			
Tổng		45			

CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

-
-
-

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra và nội dung (các chương) của học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
1	X	X					X
2	X	X		X			X
3	X	X		X			X
4	X	X		X			X
5	X	X		X			X
6		X	X	X		X	X
7		X	X	X	X	X	X
8		X	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Đặt câu hỏi, thảo luận theo nhóm
- Hướng dẫn trực tiếp

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Thuyết giảng	X							
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	X	X	X	X	X
Đặt câu hỏi, thảo luận theo nhóm		X	X	X	X			
Hướng dẫn trực tiếp						X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thảo luận
- Làm việc nhóm để sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Thảo luận	X	X	X	X	X			
Làm việc nhóm để sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh					X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X			

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2015 trở lại đây)**11.1. Tài liệu bắt buộc**

- Catherine Kellison, Dustin Morrow, Kacey Morrow (2013), *Producing for TV and New Media: A Real-World Approach for Producers*. NXB Routledge.

11.2. Tài liệu tham khảo

- GV cung cấp tại lớp.

12. Thang điểm đánh giá

Theo thang điểm tín chỉ.

13. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

<i>TT</i>	<i>Điểm thành phần</i>	<i>Hình thức đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>
1	Quá trình	Chuyên cần + bài tập cá nhân	30%
2	Giữa kỳ	Thuyết trình nhóm: <i>Pitching sản phẩm cuối kỳ</i>	20%
3	Kết thúc học phần	Sản phẩm cuối kỳ: TVC	50%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Chuyên cần	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập cá nhân	X	X		X			
Thuyết trình		X	X			X	
Sản phẩm cuối kỳ			X	X	X	X	X

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA**KHOA XÃ HỘI – TRUYỀN THÔNG**

TS. DƯƠNG MỸ THẨM